

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ
NINH VÂN, HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH TRONG
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS. NGUYỄN HỒNG THỦY
ĐƠN VỊ: KHOA VĂN HOÁ – DU LỊCH**

NINH BÌNH, 2024

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ
NINH VÂN, HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH TRONG
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS. NGUYỄN HỒNG THUY
CÁC THÀNH VIÊN: ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG
ĐƠN VỊ: KHOA VĂN HOÁ – DU LỊCH**

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU, BIỂU ĐỒ	iv
MỞ ĐẦU	v
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	v
2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN	ix
3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN	xi
4. Đối tượng nghiên cứu.....	xi
5. Phạm vi nghiên cứu.....	xi
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	xi
PHẦN NỘI DUNG	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ VÀ TỔNG QUAN VỀ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN	1
1.1 Cơ sở lý luận chung về văn hóa làng nghề truyền thống	Error! Bookmark not defined.
1.1.1 Một số khái niệm	1
1.1.1.1 Làng nghề truyền thống	1
1.1.1.2 Văn hóa làng nghề truyền thống	3
1.1.2 Khái niệm biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống	3
1.2 Tổng quan về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.....	5
1.2.1 Vị trí địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội.....	5
1.2.1.1 Vị trí địa lý	5
1.2.1.2 Điều kiện tự nhiên	6
1.2.1.3 Đặc điểm về kinh tế - xã hội.....	7
1.2.2 Lịch sử làng nghề đá Ninh Vân.....	8
1.2.2.1 Khái lược sự hình thành và phát triển của làng nghề Ninh Vân	8
1.2.2.2 Nghề đá mỹ nghệ truyền thống	10
1.2.3 Một số di sản văn hoá làng nghề	12
1.2.3.1 Văn hóa vật thể.....	12
1.2.3.2 Văn hóa phi vật thể	23

Tiểu kết chương 1.....	28
Chương 2: THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	28
2.1 Yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	29
2.2 Biến đổi của lĩnh vực văn hóa vật chất	31
2.2.1 <i>Biến đổi diện mạo kiến trúc di tích</i>	31
2.2.2 <i>Biến đổi trong kiến trúc nhà ở</i>	34
2.2.3 <i>Biến đổi không gian, cảnh quan môi trường</i>	35
2.3. Biến đổi của lĩnh vực văn hóa tinh thần.....	38
2.3.1 <i>Biến đổi sinh hoạt văn hoá tinh thần</i>	38
2.3.1.1 <i>Biến đổi tín ngưỡng thờ thánh, thần</i>	38
2.3.1.2 <i>Biến đổi trong lễ hội</i>	42
2.3.2 <i>Biến đổi phong tục, tập quán</i>	48
2.3.2.1 <i>Biến đổi trong việc hôn nhân</i>	48
2.3.2.2 <i>Biến đổi trong việc tang ma</i>	50
2.4 Biến đổi nghề đá mỹ nghệ truyền thống	51
2.4.1 <i>Biến đổi quy trình sản xuất đá mỹ nghệ</i>	51
2.4.2 <i>Biến đổi công cụ làm nghề</i>	53
Chương 3: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	60
3.1 Quan điểm của Đảng, nhà nước trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình.	60
3.2 Những vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình.	63
3.2.1 <i>Ưu điểm</i>	63
3.2.2 <i>Hạn chế</i>	64
3.3 Một số giải pháp phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay.	65

<i>3.3.1 Giải pháp từ chính quyền địa phương</i>	65
<i>3.3.2 Giải pháp từ ngành văn hóa</i>	67
<i>3.3.3 Giải pháp từ phía người dân</i>	72
Tiểu kết chương 3.....	73
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Thống kê các di tích lịch sử - văn hoá tại Xã Ninh Vân	14
Bảng 2.1 Số liệu lao động tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân từ 2022 đến 2024	29
Bảng 2.2 Thống kê tình hình hoạt động tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân từ 2022 đến 2024	30

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.2 Sơ đồ bài trí thờ tự trong di tích Đền Trung Xuân Vũ	19
Sơ đồ 1.3 Sơ đồ các hiện vật thờ tự trong di tích đền Trung Xuân Vũ	21

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Các công trình liên quan đến làng nghề và biến đổi văn hóa làng nghề trong giai đoạn hiện nay

Nghề và làng nghề là một trong số những di sản văn hoá quý của dân tộc Việt Nam. Làng nghề và văn hoá làng nghề là vấn đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả ở những mức độ khác nhau.

Tô Duy Hợp khi nghiên cứu “Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay ở đồng bằng sông Hồng” (2000) đã tổng kết, phân tích khá đầy đủ sự biến đổi của làng – xã đồng bằng sông Hồng trong 10 năm đổi mới ở các khía cạnh: thiết chế kinh tế, các dịch vụ xã hội, thiết chế văn hoá quản lý làng xã... Từ đó tác giả đưa ra vấn đề xây dựng chiến lược phát triển cộng đồng làng – xã đồng bằng Sông Hồng trong sự phát triển của nông thôn Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Thị Phương Châm với cuốn “Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay” (Trường hợp làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã nghiên cứu và đưa ra những lập luận về các lý thuyết, khái niệm biến đổi văn hóa. Tác giả tập trung vào biến đổi văn hóa ở các làng quê châu thổ Bắc Bộ bằng cách đưa ra một mô hình phân tích. Sự biến đổi văn hóa diễn ra hiện nay trước hết là do biến đổi về nghề nghiệp. Sự chuyển đổi nghề nghiệp đã dẫn đến tác động lên đời sống xã hội của dân cư nông thôn có những thay đổi nhanh chóng. Từ nền tảng này, tác giả đi vào giải quyết vấn đề văn hóa làng xã biến đổi như thế nào trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa hiện nay thông qua trường hợp 3 làng làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng.

Tác giả Dương Bá Phượng với cuốn sách “Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình CNH - HĐH” (2001). Cuốn sách này đã nêu lên những nguyên nhân tạo ra sự thay đổi của các làng nghề thủ công, về tiềm năng phát triển, nghiên cứu về bảo tồn và phát triển các làng nghề trong tiến trình công nghiệp hóa ở Việt Nam.

Tác giả Mai Thế Hồn và cuốn “Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá” (2003) đã tập trung nghiên cứu về làng nghề truyền thống trước thách thức phát triển nhanh chóng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tác giả Trần Minh Yên cuốn sách “Phát triển làng nghề truyền thống ở nông thôn Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (2004), đây là công trình nghiên cứu mang tính tổng quan, đề cập tới những vấn đề lý luận cơ bản về làng nghề, vị trí, tầm quan trọng của làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa của đất nước ta hiện nay.

Năm 2014, Dương Thị Ngọc Bích trong Luận án tiến sĩ nhân học “Làng nghề điêu khắc đá Non Nước tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (truyền thống và biến đổi)”. Đây là công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu và có hệ thống về nghề, làng nghề điêu khắc đá Non Nước dưới góc độ nhân học văn hoá. Luận án cung cấp những đặc trưng cơ bản trong làng nghề điêu khắc đá truyền thống của người Đà Nẵng cũng như những biến đổi của nó một cách khá đầy đủ.

Tác giả Trương Quốc Bình với cuốn sách “Bảo tồn kho tàng di sản văn hóa Việt Nam” của tác giả (2016) đã đưa ra những quan điểm bảo tồn di sản văn hóa – nhìn từ góc độ quản lý và từ thực tiễn, những giá trị đặc sắc của kho tàng di sản văn hóa Việt Nam, di sản thủ công truyền thống và phát triển du lịch bền vững.

Năm 2018, Đinh Văn Viễn trong Luận án tiến sĩ lịch sử đã đưa ra nhận định “Việc nghiên cứu làng xã người Việt truyền thống đã được thực hiện ở nhiều hướng khác nhau: làng Việt ở từng khu vực (đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ); làng nông nghiệp, làng nghề, làng buôn; quá trình hình thành, phát triển của làng, kinh tế, văn hóa của làng; di sản làng xã với những mặt mạnh, điểm yếu trong lịch sử dựng và giữ nước,... Các nghiên cứu cụ thể về các làng cũng đã được thực hiện, làm phong phú bức tranh về diện mạo làng xã Việt Nam (Dục Tú, Đa Ngu, Hiền Lương,...),... Một khối lượng lớn các công trình về làng xã truyền thống của người Việt đã được công bố. Những kết quả

nghiên cứu về làng xã đã góp phần quan trọng trong nhận thức về lịch sử, văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, có thể nói rằng chúng ta vẫn chưa nhận thức hết về làng xã truyền thống của người Việt. Hơn nữa thực tiễn công cuộc xây dựng đất nước, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay có mối quan hệ mật thiết đến làng xã truyền thống.” [30]

1.2. Các công trình nghiên cứu về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình

Ninh Bình là một vùng đất cổ, nơi có nhiều di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh nổi tiếng như: Cố đô Hoa Lư, Khu du lịch sinh thái Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Nhà thờ đá Phát Diệm,... Nơi đây cũng là vùng đất tồn tại nhiều làng nghề truyền thống, có lịch sử lâu đời như: Thêu Ren Văn Lâm, Mỹ Nghệ Cói Kim Sơn, Chạm Khắc Đá Ninh Vân, nghề Mộc Phúc Lộc, Đan Cót Vân Long, Hoa man La Mai, Non bộ Bình Khang,... Đôi bàn tay khéo léo và trí óc sáng tạo của những người dân các làng nghề truyền thống đã làm nên những sản phẩm không chỉ đẹp, có giá trị kinh tế mà còn đậm chất văn hoá và chứa đựng những giá trị cao đẹp của con người quê hương Ninh Bình. Trong đó làng nghề Chạm khắc đá Ninh Vân thuộc Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là làng nghề đã có từ rất lâu đời, qua đôi bàn tay của biết bao thế hệ, cùng với những biến cải thăng trầm của lịch sử vẫn được lưu truyền tới ngày nay.

Nghề chạm khắc đá được đề cập đến trong các cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, Lịch sử Đảng bộ huyện Hoa Lư, Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Vân*. Trong đó đã nhấn mạnh chạm khắc đá là một trong những nghề thủ công tiêu biểu được chú trọng phát triển, thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân lao động, góp phần làm chuyên dịch cơ cấu kinh tế của xã Ninh Vân nói riêng và của huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nói chung.

Năm 2003, Phạm Thị Loan trong đề tài luận văn thạc sĩ *Lịch sử Việt Nam* “Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở xã Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình từ 1986-2003”. Luận văn đã dựng lại tương đối hoàn chỉnh sự khôi phục và

phát triển của nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở Ninh Vân, Hoa Lư Ninh Bình qua các nét chính: vài nét về nghề chạm khắc đá Ninh Vân trước 1986, hoàn cảnh lịch sử và yêu cầu đổi mới khôi phục phát triển nghề, quá trình khôi phục, phát triển nghề chạm khắc đá ở xã Ninh Vân, qua đó thấy được tác động sự phát triển của nghề đối với kinh tế văn hoá xã hội của địa phương, những bài học kinh nghiệm của việc phát triển nghề trong thời kỳ từ 1986 đến 2003.

Năm 2011, công trình nghiên cứu của tác giả Đỗ Thị Yên (Trường đại học Kinh tế) về “Phát triển làng nghề huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình – Trường hợp làng nghề Đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân”. Nghiên cứu này đã phân tích, đánh giá thực trạng phát triển làng nghề ở huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình, từ đó đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở địa phương trong thời gian tới.

Luận văn thạc sĩ Quản lý văn hóa của tác giả Phạm Thị Duyên “Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình” nghiên cứu có tính hệ thống về bảo tồn, phát huy, giá trị, quản lý, làng nghề, nghề chế tác đá mỹ nghệ, giá trị văn hóa làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân từ lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm, đặc trưng, vai trò và đã chỉ ra thực trạng hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề và đã đưa ra một số giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề phát triển kinh tế - xã hội.

Công trình nghiên cứu của Hoàng Việt Hưng (Chủ nhiệm) “Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân”. Đề tài nghiên cứu về tình hình khai thác và chế tác đá ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình. Đánh giá hiện trạng sản xuất, hiện trạng môi trường trong khu vực làng nghề; và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Tác giả Trương Đình Tường với cuốn “Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình” (2004). Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân được đề cập trong phần kỹ nghệ và âm thực dân gian với những nét tóm tắt khái quát về nghề, nguồn gốc của nghề và hoạt động sản xuất chạm khắc đá hiện nay.

Các công trình nghiên cứu trên là cơ sở lý luận giúp nhóm tác giả nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Tuy cũng đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân dưới các khía cạnh khác nhau nhưng hiện nay đời sống kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tác động đến văn hoá làng nghề, đặt ra những vấn đề cần nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng, về bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong quá trình đô thị hóa. Do đó, đề tài “Biến đổi văn hoá làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình giai đoạn hiện nay” là đề tài có tính thực tiễn và nội dung nghiên cứu mới không trùng lặp.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN

Từ bao đời nay trong tâm thức người Việt, ngôi làng chiếm một vị trí vô cùng đặc biệt, đó là nơi họ gắn bó suốt cả cuộc đời từ khi sinh ra cho tới lúc nhắm mắt xuôi tay. Trong các làng đó đã hình thành, tồn tại và phát triển các làng nghề truyền thống và trở thành một biểu tượng văn hóa của nông thôn Việt Nam bởi nó phản ánh đầy đủ thuộc tính tự cung tự cấp và tính khép kín cố hữu của làng xã nông nghiệp. Mặt khác làng nghề lại thể hiện tính năng động, sáng tạo của người nông dân trong quá trình thích ứng với điều kiện địa lí, kinh tế xã hội nhất định. Trong làng nghề truyền thống từ xưa đến nay, văn hóa làng được biểu hiện, hội tụ và tỏa sáng qua các khía cạnh như: tín ngưỡng, phong tục tập quán, sinh hoạt xóm làng, đoàn kết cộng đồng, ứng xử cộng đồng, tinh hoa nghề nghiệp và tài năng nghề nhân.

Trong xu thế phát triển chung hiện nay, biến đổi văn hoá làng nói chung và văn hoá làng nghề nói riêng là yêu cầu tất yếu của thời đại, văn hóa làng nghề đang đứng trước một thách thức quyết liệt là giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và đổi mới, giữa dân tộc và hiện đại, vừa phải đổi mới, hiện đại hóa, lại vừa phải giữ được bản sắc căn cốt của văn hóa dân tộc. Đây là quy luật khách quan và diễn ra trên nhiều phương diện của đời sống vật chất và đời sống tinh thần trong cộng đồng cư dân của các làng nghề. Và đây cũng chính là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Ninh Bình là một tỉnh ở phía nam Đồng bằng sông Hồng, những thống kê bước đầu cho biết Ninh Bình có tất cả 250 làng nghề trong đó có 77 làng nghề truyền thống với những sản phẩm nổi tiếng như thêu ren Văn Lâm, chạm khắc đá Ninh Vân, mỹ nghệ cói Kim Sơn, gốm Bô Bát,... Các làng nghề truyền thống ở Ninh Bình gắn liền với lịch sử con người cổ đô Hoa Lư qua nhiều thế kỷ. Các giá trị làng nghề là sự kết tinh của văn hóa làng và văn hóa nghề, sản phẩm thủ công mang đậm bản sắc dân tộc.

Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình vốn có truyền thống văn hóa lâu đời và tồn tại cùng với bao thăng trầm biến đổi của quê hương, góp phần tạo nên một diện mạo mới cho kinh tế địa phương. Từ sau Đổi mới - nền kinh tế chuyên sang cơ chế thị trường và đặc biệt là từ khoảng năm 1992 - 1993, sau khi tỉnh Ninh Bình được tái lập, nghề chế tác đá ở Ninh Vân phát triển ngày càng mạnh. Vì vậy sự biến đổi văn hóa ở làng nghề cũng diễn ra sớm, nhanh và mạnh hơn các làng quê thuần nông khác. Cùng với những biến đổi mạnh mẽ của đời sống kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, văn hóa làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng có sự biến đổi đa dạng, phức tạp, từ diện mạo, cảnh quan đến lối sống, các phong tục, tập quán, quan hệ xã hội, cách thức tiếp cận thông tin và giải trí. Một quá trình chuyển đổi cơ cấu văn hóa tinh thần đang diễn ra do những biến đổi sâu sắc của đời sống kinh tế - xã hội, chứa đựng sự pha trộn, đan xen giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, nông nghiệp và công nghiệp, nông thôn và đô thị... cũng như làm nảy sinh nhiều vấn đề cần quan tâm. Nghiên cứu về sự biến đổi văn hoá làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân sẽ giúp định hình lên những phải pháp trong quản lý, giữ gìn và phát huy các giá trị mang tính bản sắc ở làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân nói riêng và các làng nghề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói chung hiện nay.

Tuy nhiên cho đến thời điểm này, chưa có một đề tài nghiên cứu nào hệ thống hóa về sự biến đổi của văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Do đó, nghiên cứu về sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong giai đoạn hiện nay không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn đáp ứng nhu cầu cấp bách của thực tiễn trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa làng nghề truyền thống của tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới.

Vì những lý do trên, nhóm tác giả nghiên cứu lựa chọn đề tài: “Biến đổi văn hoá làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay” làm đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN

Thông qua nghiên cứu đề tài làm rõ các quan niệm, đặc điểm của biến đổi văn hóa làng nghề; Sự biến đổi tích cực, tiêu cực ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong giai đoạn hiện nay từ đó đưa những vấn đề đặt ra trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hoá làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong thời gian tới.

4. Đối tượng nghiên cứu

Văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân thuộc xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Nghiên cứu cơ sở lý luận về biến đổi văn hoá làng nghề, tổng quan về làng nghề đá Ninh Vân; Nghiên cứu thực trạng biến đổi văn hoá làng nghề đá Ninh Vân trên một số khía cạnh văn hoá vật chất (di tích lịch sử văn hoá, nhà ở, không gian, cảnh quan môi trường); văn hoá tinh thần (tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, phong tục tập quán) và nghề đá mỹ nghệ truyền thống; Đánh giá chung về làng nghề và những vấn đề đặt ra đối với văn hoá làng nghề.

- Về thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu sự biến đổi văn hoá làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong thời gian từ năm 1998 đến nay.

- Về không gian: Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết - thực trạng - giải pháp

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: phân tích, tổng hợp những tài liệu liên quan đến nghề đá mỹ nghệ xã Ninh Vân của những người đi trước, của những người đang trực tiếp phụ trách các lĩnh vực giúp nhóm tác giả định hình một tài liệu toàn diện, khái quát về vấn đề đang nghiên cứu từ đó đưa ra những quan điểm, đánh giá cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa của làng nghề.

- Phương pháp điều tra xã hội học bằng phỏng vấn: Tiến hành quan sát, chụp ảnh, phỏng vấn và ghi chép về địa bàn nghiên cứu. Nội dung phỏng vấn sâu được xoay quanh trọng tâm nghiên cứu của đề tài, đó là những đánh giá, cảm nhận của người dân về những thay đổi trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội,... hiện nay so với những năm trước đây. Cách thức phỏng vấn cũng được vận dụng một cách khá linh hoạt. Những người tham gia trả lời phỏng vấn tại làng nghề đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình cũng được chúng tôi lựa chọn khá đa dạng về địa vị xã hội ở địa phương, lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính....

- Phương pháp liên ngành: Lịch sử, văn hóa học, xã hội học nhằm tìm ra những giá trị văn hóa tiêu biểu của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân truyền thống.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ VÀ TỔNG QUAN VỀ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VĂN

1.1 Những vấn đề lý luận chung

1.1.1 Một số khái niệm

1.1.1.1 Làng nghề

- Làng nghề: từ xưa đến nay, khi nói đến làng nghề, thông thường ai cũng hiểu là làng làm các nghề tiểu - thủ công. Tuy nhiên, một số công trình nghiên cứu đã đưa ra những quan niệm về làng nghề, làng nghề thủ công truyền thống nhưng chưa có sự thống nhất.

Tác giả Lưu Thị Tuyết Vân, trong bài viết “Một số vấn đề về làng nghề ở nước ta hiện nay” đưa ra định nghĩa: “Làng nghề là một làng có nghề tiểu - thủ công đã từng tồn tại trong lịch sử hoặc một thời gian nhất định, có sản phẩm hàng hóa nổi tiếng hoặc có khối lượng hàng hóa lớn có vai trò nhất định đối với thị trường trong nước và quốc tế, có số đông người trong làng cùng làm một hoặc nhiều nghề, dân làng sống chủ yếu bằng các nghề đó”[32, tr. 64].

Làng nghề được cấu thành từ hai yếu tố “làng” và “nghề”, vừa mang định tính vừa mang định lượng. Lịch sử phát triển nền văn hóa và lịch sử phát triển kinh tế Việt Nam luôn gắn liền lịch sử phát triển của các làng nghề. Với đặc trưng là nền nông nghiệp lúa nước, những công xã nông thôn Việt Nam từ thời Hùng Vương được tập hợp theo quan hệ huyết thống, quan hệ địa vị, quan hệ nghề nghiệp, có tinh thần cộng đồng, cộng cảm, sống quây quần trong một khu vực địa lý nhất định hình thành nên xóm làng. Việc hình thành các làng nghề bắt đầu từ những nghề ban đầu được cư dân trong các làng xã tranh thủ làm lúc nông nhàn để sản xuất những sản phẩm thủ công, phi nông nghiệp phục vụ cho nhu cầu đời sống. Các nghề này được lưu truyền, mở rộng và sáng tạo qua nhiều thế hệ, dẫn đến nhiều hộ dân có thể cùng sản xuất một loại sản phẩm[11]. Càng về sau số người trong làng dần tách hẳn nông nghiệp để chuyển hẳn sang sản xuất mặt hàng thủ công, có đội ngũ thợ, có quy trình công nghệ và mở rộng đến mức độ nhất

định thì làng đó được gọi là làng nghề. Nhiều làng nghề là một bộ phận kinh tế - văn hóa quan trọng góp phần phát triển kinh tế nông thôn, và trở thành cụm công nghiệp của địa phương như làng chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Nhiều sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo mang đậm đặc trưng văn hoá Việt Nam đã xuất khẩu ra nước ngoài và luôn được khách hàng khó tính lựa chọn, trở thành tiềm lực kinh tế - văn hóa - xã hội có sức sống bền bỉ. Nghiên cứu về làng nghề, đến nay có rất nhiều quan điểm.

Theo tác giả Lưu Thị Tuyết Vân: “Các làng nghề truyền thống trước hết phải là một làng nghề nhưng đã có lịch sử tồn tại lâu đời, đến nay vẫn sản xuất một hoặc nhiều mặt hàng truyền thống có giá trị trên thị trường trong nước và quốc tế.” [32, tr. 64].

Nhóm khái niệm làng nghề truyền thống, tác giả Trần Quốc Vượng định nghĩa: “Làng nghề là một làng tuy vẫn còn trông trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhỏ, cũng có một số nghề phụ khác, song đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường, có ông trùm, ông cả... cùng một số thợ và phó nhỏ đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định “sinh nghề, tử nghề”, “nhất nghề tinh, nhất thân vinh”, sống chủ yếu được bằng nghề đó và sản xuất ra những mặt hàng thủ công. Những mặt hàng này có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hóa và có quan hệ tiếp thị với một thị trường là vùng rộng xung quanh và với thị trường đô thị và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi có thể xuất khẩu ra cả nước ngoài”[31, tr.21].

Tóm lại, làng nghề là một thuật ngữ dùng để chỉ các cộng đồng cư dân nông thôn mang tính cố định về mặt địa lý, có chung truyền thống sản xuất và có mối quan hệ mật thiết với nhau để tạo ra các sản phẩm thủ công cùng chủng loại. Có đội ngũ nghệ nhân và thợ thủ công lành nghề, có bí kíp nghề được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Thu nhập từ các nghề tiểu thủ công nghiệp của làng chiếm tỷ trọng lớn hơn so với thu nhập từ nông nghiệp và các ngành nghề khác. Làng nghề thường mang tính truyền thống, có bề dày lịch sử, có sức lan tỏa mạnh mẽ. Các sản phẩm không chỉ có tính chất kinh tế mà còn có giá trị tinh thần mang màu sắc văn hóa đặc sắc, đặc trưng như là những lăng kính phản chiếu quan niệm, đời

sống tinh thần và lịch sử phát triển của chính cộng đồng dân cư đã tạo ra nó. Làng nghề còn tạo nên đặc điểm du lịch tại Việt Nam.

1.1.1.2 Văn hóa làng nghề

Văn hóa làng nghề bao gồm: Văn hóa làng và văn hóa nghề trong đó văn hóa làng là nền tảng còn văn hóa nghề được coi là nhân tố quyết định cho sự hình thành nên đặc trưng của văn hóa làng nghề. Đặc trưng của văn hoá làng nghề cũng tương tự văn hoá làng truyền thống với các yếu tố cấu thành như:

- Cơ cấu tổ chức, diện mạo làng xã, dòng họ phe giáp...;
- Văn hóa vật thể: đình, đền, miếu, chùa, nhà thờ họ, nhà ở;
- Văn hóa phi vật thể: luật tục, phong tục tập quán, ứng xử xóm làng, lễ hội, tín ngưỡng dân gian...

Tác giả Robert McCarl trong công trình Văn hoá dân gian trong các nghề cho chúng ta thấy các khía cạnh trong nghiên cứu văn hoá nghề: "Các khía cạnh biểu cảm của nơi làm việc với sự chú trọng đặc biệt đến các truyện kể, kỹ xảo và nghi lễ được biết đến bằng cách không chính thức và được trao truyền từ thế hệ người lao động này sang thế hệ khác. Ở Châu Âu, việc nghiên cứu văn hoá dân gian trong các nghề có liên quan đến văn hoá lao động và ý thức lao động, nhưng nhiên cứu trường hợp tương tự ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thì lại có liên quan nhiều hơn đến những biểu cảm mang tính văn hoá (truyện kể, bài hát, kỹ xảo và phong tục) ở nơi lao động mà coi trọng những bối cảnh xã hội và chính trị, nơi những biểu cảm này được hình thành và sử dụng..." [21, tr 393 – 410]

1.1.2 Khái niệm biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống

1.1.2.1 Khái niệm biến đổi

Theo Từ điển Tiếng Việt, thuật ngữ “biến đổi” có nghĩa là: sự đổi khác [28]; Biến đổi là một khái niệm nhằm để chỉ quá trình vận động, chuyển hóa từ dạng thức này sang dạng thức khác. Nó nhấn mạnh tới tính quá trình, nghĩa là thể hiện sự vận động, có thể vận động tiến dần, tiệm cận dạng thức khác hoặc vận động trở thành dạng thức khác. Nó đối lập với đứng yên.

Biến đổi là một thuộc tính, đồng thời cũng là phương thức tồn tại của mọi sự vật và hiện tượng trong thế giới khách quan.

1.1.2.2 Khái niệm biến đổi văn hóa

Biến đổi văn hóa là khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khoa học xã hội nói chung và nghiên cứu văn hóa nói riêng. Hiểu một cách rộng nhất, biến đổi văn hóa là một sự thay đổi so với một tình trạng văn hóa hoặc một nền văn hóa có trước. Theo nghĩa hẹp hơn, biến đổi văn hóa được hiểu là sự biến đổi về cấu trúc, các thành tố của văn hóa và các giá trị văn hóa. Trong nghiên cứu này, biến đổi văn hóa được hiểu là quá trình vận động, biến đổi của văn hóa theo thời gian, do tác động của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Đó là sự thay đổi về phương thức sống, các sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán, hệ thống giá trị, niềm tin, ... của mỗi cộng đồng thể hiện trên các lĩnh vực văn hóa mưu sinh, văn hóa xã hội, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần.

Biến đổi văn hóa được các học giả đề cập từ khá sớm và họ đều có điểm chung thống nhất cho rằng không có nền văn hóa nào đứng yên một chỗ, cũng như không có nền văn hóa nào không có sự thay đổi gì so với thời kỳ khai nguyên của nó. Chúng ta có thể điểm lại một vài quan điểm về sự biến đổi văn hóa của các nhà nghiên cứu, để từ đó có cái nhìn tổng quan về biến đổi văn hóa.

Cuối thế kỷ XIX, thuyết Tiến hóa luận của E. Taylor, Morgan ra đời. Các học giả cho rằng sự phát triển của các nền văn hóa là xu hướng chính của lịch sử loài người, điều này là tất yếu, các dữ kiện của nó có thể sắp xếp vào một trật tự xác định, mà không thể làm khác được.

Trong công trình nghiên cứu *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, tác giả Nguyễn Thị Phương Châm đã khẳng định: *Biến đổi văn hóa là “quá trình thay đổi các dạng thức văn hóa, các thành tố văn hóa tạo nên màu sắc mới cho một tổng thể văn hóa và trong quá trình đó có sự tác động, can thiệp ở các mức độ khác nhau của các động thái kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là quá trình hội nhập, hiện đại hóa và toàn cầu hóa”*[1, tr. 57]. Cũng cần thấy rằng, nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp đối với sự biến đổi văn hóa chính là sự vận động và phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, nên cần đặt sự biến đổi văn hóa trong khung biến đổi xã hội và “sự biến đổi ở từng lĩnh vực riêng như vậy, lâu dần sẽ làm biến đổi nội dung và cấu trúc của một nền văn hóa tổng thể”[15, tr. 119].

Bàn về biến đổi văn hóa ở Việt Nam, trong lời giới thiệu cuốn “Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam cái nhìn hệ thống – loại hình” GS. Phạm Đức Dương cũng chia sẻ: “ Như những dòng sông văn hóa của các dân tộc bên bờ tích lũy, thấu nhận, gạn lọc tinh hoa từ muôn dặm nẻo, không ngừng chuyển tải và biến đổi, không ngừng giao lưu và mở rộng để rồi góp phần của riêng mình vào đại dương văn hóa mênh mông của nhân loại”.

Như vậy, có thể hiểu biến đổi văn hoá: là sự đổi khác của văn hoá trong bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội nhất định. Biến đổi văn hóa mà nhóm tác giả đề cập đến chủ yếu sự thay đổi cụ thể của không gian, cảnh quan làng xóm, kiến trúc nhà ở, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Trên thực tế văn hóa làng là một thực thể luôn vận động và phát triển qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Đặc biệt trong tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa hiện nay, nhiều đơn vị hành chính làng xưa đã chuyển thành phố, phường. Sự biến đổi văn hóa làng cũng nằm trong quy luật chung của biến đổi văn hóa, mà biến đổi văn hóa được hiểu là quá trình vận động của tất cả các xã hội trong phạm vi không gian nhất định (một làng hoặc nhiều làng). Đơn vị làng tuy là một mức độ phân tích nhỏ nhất nhưng trong đó lại chứa đựng nhiều vấn đề về sự tác động của công nghiệp hóa, đô thị hóa đến sự biến đổi văn hóa làng.

Văn hóa truyền thống làng xã giữ vai trò nền tảng cho sự lựa chọn mô hình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn phù hợp với đặc thù đất nước. Chính vì vậy, phát huy bản sắc văn hóa làng trong bối cảnh hiện nay là một nội dung quan trọng trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

1.2. Tổng quan về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

1.2.1. Vị trí địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.1.1. Vị trí địa lý

Ninh Vân là một xã nằm ở phía Nam huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Cách trung tâm thành phố Ninh Bình khoảng 6 km về phía Nam thuộc vùng đồng bằng chiêm trũng ven núi đá. Ninh Vân có diện tích tự nhiên gần 1.300ha trong đó diện tích đất nông nghiệp hơn 500ha núi đá chiếm 450ha, còn lại là đất thổ cư, thung, đồi... Ninh Vân là xã miền núi có giao thông thủy bộ thuận lợi với đường quốc lộ 1A chạy qua địa bàn xã. Ninh Vân có ranh giới tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp các xã Ninh Hải, Ninh Thắng;
- + Phía Nam giáp thành phố Tam Điệp;
- + Phía Đông giáp xã Ninh An, Mai Sơn;
- + Phía Tây giáp thành phố Tam Điệp.

Xã Ninh Vân bao gồm 13 thôn là Chấn Lữ - Đồng Quan – Dưỡng Hạ - Dưỡng Thượng – Hệ - Phú Lăng – Tân Dưỡng 1 – Tân Dưỡng 2 – Thượng – Vạn Lê – Vũ Xá – Xuân Phúc – Xuân Thành.

1.2.1.2. Điều kiện tự nhiên

Theo tài liệu nghiên cứu của các nhà khảo cổ học, từ thời Hai Bà Trưng xã Ninh Vân là một vùng đầm phá ngập mặn. Hầu hết ở các chân núi đá như núi Ngang, núi Am, núi Vàng, núi Luồn...đều còn lưu lại các hõm đá sâu là dấu tích bị sóng biển bào mòn cùng các cồn cát, vỏ hén, vỏ hào hóa thạch ở khu vực đền Thánh Vạn Lê, chùa Tháp (làng Thiện Dưỡng), chân núi Mả Vô. Qua nhiều thế kỷ phù sa bồi đắp và có sự tác động khai phá sinh sống của người Việt cổ dần dần lập nên làng, xã Ninh Vân ngày nay.

Ninh Vân chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa hè có gió Lào, mùa xuân độ ẩm cao, ít xảy ra lũ lụt hạn hán. Trụ sở UBND xã cách trung tâm thành phố Ninh Bình khoảng 6km về phía Nam. Giao thông thuận lợi, có quốc lộ 1A chạy qua nên hoạt động sản xuất, giao thương của xã có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn tài nguyên nước dồi dào đảm bảo tưới tiêu, sinh hoạt của người dân và phục vụ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên với địa hình núi đá nhiều nên lượng nước ngầm khan hiếm. Có 3 nhóm đất chính: đất phù sa, đất clay và đất xám thuận lợi cho trồng lúa nước [26].

Địa hình bán sơn địa chia thành hai khu vực, phía đông là đồng bằng, phía tây là núi cao với hơn 450 ha được UBND tỉnh Ninh Bình cấp phép 97 ha núi đá cho làng nghề đá mỹ nghệ, còn lại sử dụng vào khai thác vật liệu xây dựng và cung ứng nguyên liệu cho 02 nhà máy xi măng Lucky và Duyên Hà. Nơi đây có nhiều quả núi đá mang hình dáng đẹp như núi Kim Khê (Gà Vàng). Núi Miếu Sơn lại khiêm tốn như một hòn non bộ giữ vùng núi đá đồ sộ bao quanh, hình

dáng có chỗ giống như mỏ con chim phượng. Bên cạnh đó còn có núi Vàng, núi Bạc, núi hương Án,...

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của Ninh Vân được đưa vào vùng đệm của Quần thể Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, vị trí này là lợi thế để Ninh Vân có thể phát triển theo hướng du lịch làng nghề góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển Ninh Vân phát triển theo hướng du lịch làng nghề, đem lại giá trị kinh tế và văn hóa cho cộng đồng dân cư địa phương.

1.2.1.3. Đặc điểm về kinh tế - xã hội

Trước kia vùng này chỉ cấy được vụ lúa chiêm. Từ sau tháng 8 năm 1945, chính quyền cách mạng quan tâm đến công tác thủy lợi, chăm lo việc đắp đê trị thủy nên đồng ruộng ở đây được cải tạo, cấy cây cả 2 vụ chiêm, mùa và vụ đông. Ngoài làm nông nghiệp nhân dân Ninh Vân còn làm các nghề khác như khai thác đá, nung vôi, nê, mộc.

Hiện nay, cơ cấu kinh tế ngày càng đa dạng, tỷ trọng ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng 88%, kinh tế nông nghiệp giảm 12%. Trong đó nghề chế tác đá mỹ nghệ phát triển nhất. Theo thống kê, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình có 13/13 thôn làm nghề chế tác đá mỹ nghệ, trong đó, toàn xã có khoảng 100 doanh nghiệp tư nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh, có khoảng 1.600 hộ chế tác đá và trên 5.000 thợ đá chuyên nghiệp, lành nghề, chiếm 83% số lao động trong toàn xã. Có 10 thôn trong xã được công nhận là làng nghề truyền thống, tổng doanh thu của làng nghề đá mỹ nghệ hiện nay đạt khoảng trên 790 tỷ đồng. Ngoài ra, làng nghề còn thu hút lực lượng lao động thời vụ từ nhiều địa phương khác.

Theo thống kê, giá trị sản xuất từ nghề đá hàng năm chiếm trên 80% tổng giá trị sản xuất của xã Ninh Vân. Điều này đã cho thấy vai trò to lớn của nghề đá mỹ nghệ với đời sống người dân địa phương. Ninh Vân có 2 tôn giáo chính là Phật giáo và Công giáo, trong đó giáo dân chiếm 10% dân số. Thờ cúng tổ tiên, dòng họ, thờ tổ nghề đá, thần núi là tín ngưỡng phổ biến nổi trội ở Ninh Vân. Trước đây giáo dục cho con em đến trường chưa được chú trọng, tỷ lệ trẻ em thất học cao. Từ khi có các phong trào trọng điểm “toàn dân xây dựng đời sống văn

hóa” thì nay 3/3 trường học của xã đều được công nhận là trường chuẩn Quốc gia. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được đảm bảo, xã hội ổn định.

1.2.2 Tiến trình phát triển của làng nghề đá Ninh Vân

1.2.2.1 Khái lược sự hình thành và phát triển của làng nghề Ninh Vân

Từ thời Hai Bà Trưng, xã Ninh Vân là vùng đầm phá ngập mặn, dấu vết búi đá bị sóng biển bào mòn ở núi Ngang, núi Am, núi Vàng, núi Luôn... cùng các cồn cát, vỏ hến, vỏ hàu hoá thạch ở khu vực đền Thành Vạn Lê, chùa Tháp Thiên Dưỡng, Mộ Gạo ở Vạn Lê, mả Vô ở Xuân vũ, Chấn Lữ,...chứng tỏ qua nhiều thế kỷ phù sa bồi đắp và có tác động của bàn tay con người khai thiên lập địa thành ấp trại làng ở xã Ninh Vân.[17]

Thế kỷ XIX, thời Nguyễn vùng đất này gồm các làng xã có tên gọi như: xã Thiên Dưỡng thuộc tổng Lạn Khê huyện Yên Mô, xã Côn Lăng, thôn Chấn Lữ và thôn Bộ Đầu thuộc tổng Dương Vũ, huyện Yên Khánh. Cùng trong thời gian này một số gia đình họ Phạm ở làng Xuân Sơn, Mai Xá (nay thuộc Ninh An, Hoa Lư) di chuyển đến vùng này lập trại có tên gọi Vạn Lê, sau đổi thành Vạn Lê.

Cách mạng tháng 8 thành công, các thôn xã Thiên Dưỡng, Côn Lăng, Phú Lăng, Vạn Lê hợp nhất thành xã Quảng Lạc; các thôn xã Vũ Xá, Xuân Vũ, Chấn Lữ, Bộ Đầu hợp nhất thành xã Xuân Hoà, đều thuộc Gia Khánh.

Năm 1949, ba xã Quảng Lạc, Xuân hoà, An Dương hiện nay là các thôn Đông Hội, Mai Xá, Hoàng Sơn, Đông Trang, thuộc xã Ninh An ngày nay hợp thành xã mới với tên gọi xã Ninh An.

Năm 1956, cải cách ruộng đất, xã Ninh An được tách ra thành lập hai xã mới là xã Ninh An và xã Ninh Vân. Xã Ninh Vân gồm các thôn: Thiên Dưỡng, Côn Lăng, Phú Lăng, Vạn Lê, Xuân Vũ, Chấn Lữ, Vũ Xá.

Năm 1964, một số hộ xã Ninh Xuân đến đây xây dựng vùng kinh tế mới lập xóm Đồng Quan hợp nhất với xóm chài Đông Tân, vẫn mang tên xóm Đồng Quan. Năm 1994 lập thêm thôn Tân Dưỡng 1 và Tân Dưỡng 2 như hiện nay.

Về lịch sử hình thành làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay chưa có một công trình nghiên cứu nào khẳng định chính xác về thời gian xuất hiện của nó, qua kết quả khảo sát thực tế và tài liệu thu thập được, làng Ninh Vân

là một làng quê truyền thống lâu đời có từ thời xa xưa chỉ có truyền thuyết về vị tổ nghề đá ở xã Ninh Vân đã được các cụ cao niên kể lại nghề đá làng Ninh Vân có trên 400 năm. Theo tác giả Phạm Thị Loan trong luận văn “Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở xã Ninh Vân (Hoa Lư, Ninh Bình) từ 1986 đến 2003” cho biết: “Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ thế kỷ X đã có kinh đô Hoa Lư được mệnh danh là kinh đô đá với những công trình kiến trúc cùng những sản phẩm bằng đá nổi tiếng, nhiều đồ thờ bằng đá ở động Thiên Tôn hay ở đền Thái Vi (xã Ninh Hải) thờ các vua nhà Trần có những bức y môn, cửa võng rất đẹp được làm bằng đá, chẳng khác gì các bức chạm trên gỗ. Rõ ràng nghề chạm khắc đá ở kinh đô Hoa Lư từ thời Đinh, tiền Lê đã phát triển, Ninh Vân vốn thuộc vùng đất kề cận kinh đô, vì vậy nghề chế tác đá ở Ninh Vân có thể đã có từ khi ấy. Những người thợ chạm khắc đá thời Đinh, tiền Lê dù là người gốc ở Hoa Lư hay từ nơi khác đến thì đều là những người có công lao làm ra những công trình, sản phẩm bằng đá tuyệt tác, lại vừa có công truyền dạy nghề này trong vùng. Căn cứ vào thần tích hiện còn lưu giữ tại đình làng Xuân Phúc và truyền thuyết từ xa xưa kể lại thì nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân có từ thời hậu Lê (khoảng thế kỷ XVII), ông tổ nghề chạm khắc đá có tên là Hoàng Sùng, người ở làng Nhồi (Thanh Hóa) đã sang đây truyền nghề. Làng Nhồi vốn thuộc xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa có nghề chạm khắc đá nổi tiếng không chỉ trong vùng mà còn vang khắp cả nước. Nghề chạm khắc đá ở núi Nhồi được cho là có từ thời nhà Lý” [17]. Hiện nay, người thợ đá mỹ nghệ Ninh Vân ghi nhớ công ơn vị tổ nghề đã thờ ông tại ban thờ, ở đình làng Côn Lãng Hạ (có sắc phong năm 1606 và năm 1680). Mỗi năm vào ngày 15 tháng 8 âm lịch người dân làng nghề tổ chức tế khai sơn và giỗ tổ nghề.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp cũng giống như những làng nghề thủ công mỹ nghệ khác nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân không có nhiều điều kiện để phát triển. Thợ thủ công vừa kết hợp sản xuất nông nghiệp và làm nghề thủ công. Sản phẩm mới chỉ dừng lại ở việc sản xuất ra để phục vụ đời sống và bày bán ở một số địa phương khác trong tỉnh.

Từ một làng nghề chủ yếu là sản xuất nhỏ lẻ, thủ công nhưng đến nay làng đá Ninh Vân đã phát triển rực rỡ với những doanh nghiệp lớn chuyên chế tác đá mỹ nghệ. Đến nay, xã Ninh Vân có 3 làng nghề là Xuân Vũ, Dưỡng Thượng và Dưỡng Hạ được Nhà nước công nhận là làng nghề chế tác đá mỹ nghệ truyền thống. Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 4607/QĐ-BVHTTDL, ghi danh Nghề Đá mỹ nghệ Ninh Vân, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Dấu ấn đôi bàn tay tài hoa của các nghệ nhân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân để lại trên những khối đá được chế tác tinh xảo, ở những công trình nổi tiếng như: cột kinh Phật chùa Nhất Trụ, các hiện vật Long Sàng (sập rồng) bằng đá tại đền thờ vua Đinh, đền thờ vua Lê ở cố đô Hoa Lư, đôi rồng đá ở hai bên tả, hữu tượng thần Thiên Tôn Trấn vũ (động Thiên Tôn), nhà thờ đá Phát Diệm... Những sản phẩm của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân không chỉ có giá trị vật thể, mà còn chứa đựng những giá trị văn hóa tinh thần giàu bản sắc truyền thống của những người dân làm nghề chạm khắc đá mỹ nghệ nơi đây.

1.2.2.2 Nghề đá mỹ nghệ truyền thống

Nguồn nguyên liệu

Trước đây nguồn nguyên liệu từ đá núi Ninh Vân, ngay trên địa bàn của xã Ninh Vân trước đây có rất nhiều núi đá. Núi đá ở xã Ninh Vân trước đây có trữ lượng lớn chiếm 450ha, đá núi ở Ninh Vân nói riêng và ở khắp vùng Hoa Lư, Ninh Bình nói chung là loại đá có màu xanh (còn gọi là đá xanh), với trữ lượng lớn hàng vài tỉ m³. Đây là nguồn nguyên liệu rất dồi dào cho nghề chạm khắc đá.

Đá núi ở Ninh Vân có màu xanh, tạo nên sản phẩm đẹp, tuy nhiên đá núi ở đây có độ rắn cao hơn nhiều so với đá trắng, đá vàng, đá xanh nhạt ở nhiều nơi, cho nên việc khai thác đá nguyên liệu ở đây mất khá nhiều công sức, giá thành sản phẩm khá cao so với các loại đá khác nhập từ tỉnh ngoài.

Ngoài ra, do yêu cầu của khách hàng đặt về chất lượng, kích thước, màu sắc đá cho sản phẩm xanh, trắng, hồng, đá còn được lấy ở núi Nhồi (Thanh Hoá), Quỳ Hợp (Nghệ An), Sơn Mai (Hà Tây), ở Thái Nguyên, Hoà Bình.

Việc khai thác đá hoàn toàn theo lối thủ công, người thợ dùng búa đánh đục lỗ “chét” để bóc tách cho nên rất tốn công sức, thời gian. Việc vận chuyển đá từ nơi khác đến nơi chế tác cũng rất nặng nhọc, vất vả. Hầu hết khối lượng đá nguyên liệu được vận chuyển bằng đường thủy theo sông hoặc qua ruộng đồng vào mùa nước nổi. Các phiến đá được đẩy và kéo đi theo trục con lăn từ bãi đá ở chân núi tới các bè mảng ở bên nước gần đây để chở tới nơi chế tác ra sản phẩm.

Quy trình sản xuất đá mỹ nghệ

Chọn và xử lý đá:

- Đá tự nhiên có độ cứng trung bình, có thể dùng đục và búa, có khả năng làm màu nhân tạo (nhưng thông thường người chơi hay thích để màu tự nhiên của đá), màu sắc đá phong phú từ trắng, hồng, đến vàng đôi khi có màu xanh như cẩm thạch.
- Từ một khối đá nguyên khối, người thợ điêu khắc tiến hành xẻ đá thành những khối nhỏ, tùy vào mục đích sử dụng và mặt cắt của đá mà xẻ cho phù hợp.

Tạo hình cho sản phẩm đá mỹ nghệ:

- Các khối đá được chạm khắc (tạo họa tiết bề mặt) hay trổ (tạo họa tiết có độ sâu và xuyên qua bề mặt). Đôi khi người thợ điêu khắc còn áp dụng kỹ thuật khảm vỏ trứng, khảm đồng, khảm trai hay vỏ ốc vào bề mặt đá. Tùy vào mục đích sản xuất mà khối đá đá có nhiều dạng : dạng nguyên khối, dạng ghép mảnh.
- Làm sạch khối đá bằng nước khi vừa được gia công sau đó đưa vào đánh nhám cho bóng cho mềm mại. Việc làm sạch bằng nước này nhằm loại bỏ các chi tiết thừa, lộ rõ các họa tiết bề mặt và làm sạch sản phẩm để chuẩn bị cho giai đoạn nhuộm màu, làm bóng

Nhuộm màu, làm bóng và hoàn thiện sản phẩm đá:

- Sau khi tạo hình cho sản phẩm đá, dùng nước rửa sạch và chỉnh sửa các họa tiết thừa, người thợ bắt đầu tiến hành công đoạn sơn màu cho đá hoặc nếu màu đá đẹp thì có thể để tự nhiên.
- Tùy vào mục đích sử dụng và sở thích yêu cầu của từng khách hàng mà sản phẩm điêu khắc được nhuộm hay sơn màu. Các sản phẩm đá khi hoàn thiện sẽ trở nên tinh tế, độc đáo và có hồn hơn.

Công cụ làm nghề

Công cụ khai thác đá nguyên liệu của người thợ xưa khá đơn giản, chủ yếu bằng xà beng, vồ, gõ, chét (nêm) bằng thép với nhiều kích cỡ, đục nhọn, cắt loại to nhỏ ngắn dài.

Về công cụ thủ công: ve để nạo vết bề mặt sản phẩm đá có 2 loại ve trơn, ve có răng nhỏ đều trên lưỡi, cưa tay lưỡi thép, khoan có 2 loại là khoa mũi kim cương, mũi thép; dùi thép, nạo bằng lưỡi thép, đục vạm, vồ, gõ, nêm (nêm phá và nêm đánh phát), đục nhọn các loại to nhỏ, dài ngắn (đục phác và đục tinh chế mỗi loại lại gồm đục bạt lưỡi thẳng, mỏng và sắc, đục mũi nhọn, đục ve đầu bẹp rất sắc), búa các loại to nhỏ khác nhau như búa phẳng, búa bằm, búa bằm rãnh, búa bằng gỗ, búa bằng kim loại; đục bằng loại thép sợi xoắn, đục bạt lưỡi dẹt vát một bên, đục bạt có răng, bút cạo bằng hợp kim, bút khắc kim loại, mũi soi, thước có thước dài và thước vuông; đá mài, máy mài quay tay, giấy ráp, keo gắn bằng nhựa cây, sơn đen...

1.2.3. Một số di sản văn hoá làng nghề

1.2.3.1 Văn hóa vật thể

Hệ thống di tích

Ở Ninh Vân có 9 ngôi chùa, 16 ngôi đền, 8 ngôi đình, một nhà thờ xứ (xây dựng năm 1892) và các nhà thờ họ giáo. Giá trị vật thể của nghề chế tác đá mỹ nghệ hiện hữu rõ nét nhất là các công trình kiến trúc bằng đá mỹ nghệ cổ truyền độc đáo gắn với các núi đá và tục phối thờ thần núi với Thần hoàng làng có niên đại trên 500 năm, trong đó có một số công trình kiến trúc tiêu biểu được làm 100% đá xanh nguyên khối.

Stt	Di tích	Địa điểm	Đối tượng thờ chính
1	Chùa Chấn Lữ	Thôn Chấn Lữ	Thờ Phật
2	Chùa Phú Lăng (Kim Lăng tự)	Thôn Phú Lăng	Thờ Phật
3	Chùa Tháp	Thôn Dưỡng Thượng	- Thờ Phật - Thờ Mẫu

4	Chùa Vàng	Thôn Vạn Lê	Thờ Phật
5	Chùa Dưỡng Hạ (Đông Quan Tự)	Thôn Dưỡng Hạ	- Thờ Phật - Thờ Mẫu
6	Chùa Đồng Môn	Thôn Dưỡng Hạ	Thờ Phật
7	Chùa Xuân Vũ (Xuân Viên Tự)	Thôn Xuân Thành	- Thờ Phật - Thờ Mẫu
8	Chùa Ông Tước	Thôn Thượng	Thờ Phật
9	Chùa Ông Thọ	Thôn Thượng	Thờ Mẫu
10	Nguy Sơn từ hạ	Thôn Phú Lăng	Bà chúa Thượng Ngàn
11	Đền Kê Thượng	Thôn Thượng, Thôn Hệ	Tản Viên Sơn và các vua Hùng
12	Đền Kê Hạ	Thôn Thượng, Thôn Hệ	Nguyệt Nga Công chúa
13	Đền Miếu Sơn	Thôn Thượng, Thôn Hệ	Quý Minh Đại vương và Cao Sơn
14	Đền thờ Thành hoàng	Thôn Vũ Xá	Thành hoàng làng
15	Đền Thị	Thôn Dưỡng Thượng	- Tam Tòa Thánh Mẫu - Bà Chúa bản đền
16	Đền thờ Thượng đẳng	Thôn Chấn Lữ	Đức Thượng đẳng
17	Đền thờ chúa Thượng ngàn	Thôn Chấn Lữ	Chúa Thượng Ngàn
18	Đền Quan	Thôn Vạn Lê	Thờ Quan Nghè
19	Đền Văn Chỉ	Thôn Hệ	- Khổng Tử - Ông Tổ nghề đá Mỹ nghệ
20	Đền Vua Đinh	Thôn Hệ	Đinh Tiên Hoàng
21	Đền Văn Chỉ	Thôn Xuân Thành	Khổng Tử
22	Đền Tam Sơn	Thôn Xuân Thành	Công chúa Ngọc Dung
23	Đền Thượng (Đền Đức Ông)	Thôn Xuân Thành	Thờ Đức Ông
24	Đền Chung Sơn	Thôn Xuân Thành	- Vua Trần - Tam Tòa Thánh Mẫu

			- Công chúa Nguyệt Nga
25	Đền Tú Sơn	Thôn Xuân Thành	Ngọc Thanh Công chúa
26	Đình làng Xuân Vũ	Thôn Xuân Thành	- Thành hoàng bản thổ - Tùng Bạt Tú sơn - Ngọc Thanh Công chúa - Ngọc Dung Công chúa - Nguyệt Nga Công chúa
27	Đình Chấn Lữ	Thôn Chấn Lữ	- Thành hoàng bản thổ - Sơn Tinh linh ứng - Lê Mại Đại vương - Nhị vị Tiên chúa
28	Đình Hệ (Đình Công Lăng hạ)	Thôn Hệ	- Vua Hùng vương - 3 vị Đức Đại vương
29	Đình Phú Lăng	Thôn Phú Lăng	Vua Đinh
30	Đình làng Vũ Xá	Thôn Vũ Xá	Thành hoàng làng
31	Đình làng Dưỡng Thượng	Thôn Dưỡng Thượng	Thành hoàng làng
32	Đình làng Đồng Quan	Thôn Đồng Quan	- Thành hoàng làng - Trần Hưng Đạo - Các anh hùng liệt sỹ
33	Đình làng Thượng	Thôn Thượng	Thành hoàng Làng
34	Nhà thờ Lan quận công Phạm Quỳnh	Thôn Vũ Xá	Thần Tổ dòng họ Phạm tộc
35	Nghè Phú Lăng	Thôn Phú Lăng	Thượng Thượng đẳng thần
36	Phủ mẫu	Thôn Vũ Xá	Thờ Mẫu
37	Nhà thờ giáo xứ Thiện dưỡng	Thôn Dưỡng Hạ	

Bảng 1.1. Thống kê các di tích lịch sử - văn hoá tại Xã Ninh Vân

(Nguồn Sở Văn hoá – Thể thao tỉnh Ninh Bình)

Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư nổi tiếng với nghề truyền thống đá mỹ nghệ có lịch sử hàng trăm năm. Tại đây còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống, nổi bật là các đình, đền, chùa, miếu cổ, có giá trị văn hóa lịch sử cao, đặc biệt là quần thể đền Tam Thôn: Kê Thượng, Kê Hạ và Miếu Sơn.

Đền Kê Hạ: Hạ tọa lạc dưới chân núi Duy Sơn thuộc thôn Hệ, thờ Bà Nguyệt Nga Công Chúa là con gái vua Hùng đời thứ 18. Đây là tên thường gọi của di tích, vì di tích cũng nằm ở quả núi có hình như con gà, núi thuộc làng Côn Lãng Hạ, từ đó gọi tên là đền Kê Hạ, bao hàm ý nghĩa chỉ đền ở núi Kê thuộc làng Côn Lãng Hạ. Về sau, làng này không muốn người ta gọi là làng Hạ (có nghĩa như dưới, cuối, thấp) nên gọi chệch đi là làng Hệ, nhưng di tích vẫn thường gọi theo tên từ xưa là đền Kê Hạ.

Cổng đền được ghép hai cột đồng trụ ở hai bên, phía trên có hình quả lựu, cả hai cột làm bằng đá. Tiếp đến là khu vực tường bao quanh phía trước và hai cánh cửa sân đều cao 1,28m, phía trên tạo thành các gờ chỉ. Các phiến đá dùng để ghép tường thường có kích thước 0,8m x 0,4m x 0,2m. Sân đền được dùng đá phiến ghép lại.

Phía trước sân đền có bình phong bằng đá, khoảng giữa bình phong chạm hình hoa thị. Trong khu vực sân có giếng ghép bằng đá, nhân dân gọi là “giếng ngọc”, bên cạnh giếng có lót chân người xa vào một phiến đá, nhân dân cho rằng đó là lót chân thần đã giáng xuống. Ở khu vực sân (bên ngoài đền thờ chính) có nhang án, ban thờ bằng đá thờ vọng vua Đinh Tiên Hoàng, ban thờ các quan.

Trước ban thờ khu vực chính có Tam Quan bằng đá với ba cửa ra vào, bốn cột trụ của cổng cao khoảng gần 3m. Phía trên hệ thống cửa ra vào được trang trí bức cuốn thư bằng đá lưỡng long châu nguyệt (rồng thời Hậu Lê). Trong đền có một ông hồ ngồi bằng đá cao 0,75m phía trước có đắp hình con rắn; 6 con hồ cao 0,6m tư thế ngồi. 1 giếng đá gọi là giếng mắt rồng, sân đền có một lót chân đá mà dân gian gọi là bàn chân thần không ai dám ướm thử. Sát chân núi có một chiếc khánh đá dài 1.5 m rộng 0.7m dày 0.15m. Nếu đánh ở 7 điểm khác nhau sẽ phát ra 7 thứ âm thanh của nốt nhạc. Đánh mạnh nghe như tiếng chuông ngân nga, vang vọng không dứt.

Phía trong cổng Tam Quan là khu vực ban thờ chính, trong đó có nhang án, ban thờ bằng đá thờ công đồng và thờ Nguyệt Nga Công chúa. Bao quanh khu vực ban thờ chính là tường bao bằng đá, cao 1,9m. Từ ban thờ chính nhìn lên trên cao khoảng gần 10m có một phiến đá lớn nhô ra phía ngoài tạo thành một phần nổi cho ban thờ.

Đền Kê Thượng: là nơi thờ cúng, tưởng niệm Tản Viên Sơn Thánh và thờ các vua Hùng, ngày nay thuộc làng Côn Lãng Thượng. Phía trước của đền là một giếng nước tương đối lớn, tiếp đến là cổng đền. Cổng đền tạo bởi: cột đồng trụ bằng đá hình trụ. Hai cột giữa cao 4,25m, các cạnh của thân cột 0,41m x 0,41m, phía trên có hình của chi tử, các mặt cánh của cột được chạm khắc cân đối. Hai bên là hai cột phụ bằng đá bởi thấp hơn 8 cột giữa. Cổng ra vào giữa rộng 3m, 2 cổng ra vào bên cạnh giữa bằng nhau 3,25m.

Về phía trong được chia tách hai khu vực, phía đông được gọi là đền Hạ, phía trên gọi là đền Thượng. Khu vực phía dưới ở hai bên cạnh và phía sau ban thờ được dùng đá phiến ghép lại tạo thành tường bao, các phiến đá thường có kích thước 0,8m x 0,4m x 0,2m. Về tường bao cạnh trái có tạo thành cổng phụ, cao 1,9m, rộng 0,66m. Gần về phía sau ban thờ, để được kết tạo thành tường bao có hình dạng ngũ cấp cao dần lên tính từ mặt nền, tường bao quanh cao 1,39m dốc sau cao 2,45m. Khuôn viên khu vực thờ cúng (tức bên trong cổng và tường bao) ở khu vực dưới đài gần 30m, rộng 8,3m, ở khu vực này, tính từ ngoài vào ở phía hai cạnh tường bao có hai bàn đá để sửa lễ, tiếp đến là nhang án bằng đá để phía giáp tường, mỗi bên lại có nhang án bằng đá. Các nhang án này dùng để tiến lễ. Khi vào phía trong là cặp đá và ban thờ công đồng, đây là nơi còn lưu giữ được những mảng chạm thờ Hậu Lê như: rồng, long mã.

Khu vực thờ cúng ở phía trên gọi là đền Thượng. Muốn lên khu vực này phải đi theo cổng phụ rồi men theo chân núi đi lên. Phía trước cũng có 4 cột đồng trụ bằng đá, mỗi cột cao khoảng 2m, nhưng chỉ để một lối ra vào ở chính giữa còn hai bên cửa giữa tạo thành tường bao có trang trí các song tiện bằng đá. Hai bên cạnh của khu vực này cũng dùng đá phiến ghép lại thành tường bao, mặt sau của ban thờ dựa hẳn vào vách núi. Mặt phẳng của vách núi được chạm nổi lưỡng long

chầu nguyệt, sang phong cách nghệ thuật thời Hậu Lê. Ở khu vực này có sập đá và ban thờ các vua Hùng, Tản Viên Sơn Thánh.

Đền Miếu Sơn thuộc làng Phú Lãng tọa lạc dưới chân núi Miếu có hình một con sư tử lớn, thờ Tam vị Đức Ông: Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh. Miếu Sơn là tên thường gọi của di tích từ xưa tới nay, “Miếu” ý chỉ đền, miếu; “Sơn” tức là núi, theo ý nghĩa nguyên gốc là đền miếu ở núi, song vì đây là tên gọi có từ lâu đời vì vậy gọi là “Miếu Sơn” thì người ta hiểu cụ thể về ngôi đền chứ không còn sâu về ý nghĩa căn nguyên của nó nữa.

Đền Miếu Sơn dựa vào núi và dùng toàn bằng đá để tạo thành. Quy mô của núi nhỏ hơn núi Kê Thượng và núi Kê Hạ, song núi có hình thù đẹp, trông xa như một con sư tử lớn. Dáng núi tự nhiên, chưa bị con người hủy hoại. Lại gần nhìn núi như một hòn non bộ lớn, có nhiều cây cổ thụ bao phủ. Phía trước đền là kênh nước, tiếp đến là khu vực tường bao xung quanh khu vực thờ cúng. Khoảng giữa tường bao phía trước có lối ra vào, hai cánh lối ra vào mỗi bên dựng một cột đồng trụ bằng đá, cao khoảng 2m. Hệ thống tường bao cũng được dùng bằng đá phiến xếp lại, cao 1m. Phía đỉnh tường bao làm theo hình mũi luyện. Các phiến đá để làm tường thường có kích thước 0,7m x 0,4m x 0,20m, Tiếp đến là sân đền, rộng khoảng 30m², toàn sân dùng đá phiến để lát, các phiến đá thường có kích cỡ 0,7m x 0,4m x 0,12m.

Phía phải, phần cạnh giữa của sân có ban thờ bằng đá, thờ các quan. Phía trước của khu vực sân sân có nhang án và ban thờ bằng đá. Mặt trước và hai bên có chạm khắc đề tài tứ linh (long, ly, quy, phượng), hoa cúc, cánh sen, đường triện. Mặt bên cạnh của nhang án về phía trái, có khắc chữ Hán ghi việc tu sửa lại nhang án vào năm Tân Ty triều Nguyễn. Đây là ban thờ công đồng.

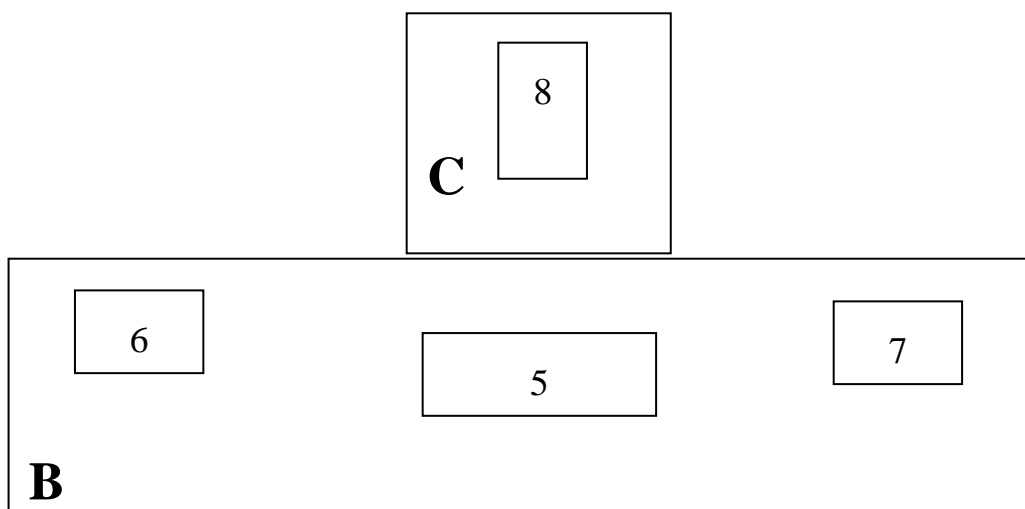
Tiếp đến là ban thờ Cao Sơn Đại vương và Quý Minh Đại Vương. Khu vực này cũng được làm toàn bằng đá. Phần nhang án được tạo bởi 4 phiến đá, kích cỡ mỗi phiến 1m x 0,8m x 0,3m. Phía trên nhang án có cỗ ỷ và long ngai bằng đá.

Phía hai bên sân và sau ban thờ chính được dùng đá phiến ghép lại theo hình tam cấp cao dần lên.

Đền Trung Xuân Vũ: Đền Trung Xuân Vũ nằm trong khung cảnh thanh bình, giữa một không gian văn hóa đậm nét làng quê. Phía Bắc là sông Chanh và phía Đông là Quốc lộ 1A, phía Tây là núi Hệ Dương. Vùng đất xung quanh có nhiều công trình tôn giáo, tín ngưỡng cổ kính và có giá trị như đền Thượng Xuân Vũ, đền Kê Thượng, đền Kê Hạ, đền Miếu Sơn, nhà thờ Lan Quận công Phạm Quỳnh... Diện tích đất nhà thờ là 1165m², đền quay theo hướng chính Nam.

Đền Trung Xuân Vũ là nơi thờ những vị thần tiêu biểu trong tín ngưỡng dân gian như: Nguyệt Nga Công chúa, Đức Thánh Trần, Tam Vị Thánh Mẫu... Tại đây còn lưu giữ được 4 sắc phong và nhiều đồ thờ tự có giá trị. Căn cứ vào Điều 11 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Di sản Văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa; căn cứ vào giá trị của di tích và tiêu chí xếp hạng, xác định đền Trung Xuân Vũ, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình thuộc loại hình di tích lịch sử văn hóa.

Đền Trung Xuân Vũ được xây dựng theo kiểu Tiền nhất Hậu đình (\perp), gồm ba toà: Tiền đường, Trung đường và Hậu cung. Toà Tiền đường gồm 3 gian, tường hồi bít đốc, xây dựng theo kiến trúc 3 hàng chân cột đá. Tiền đường dài 7,6m, rộng 4,5m, cao 3,9m. Hiên đền rộng 0,95m, dài 7,6m, mái hiên được đỡ bởi các đầu bẩy. Toà Trung đường gồm 3 gian, tường hồi bít đốc, xây dựng theo kiến trúc 2 hàng chân cột đá. Vì kèo được đỡ bởi các cột đá và tường. Trung đường dài 7,6m, rộng 4,0m, cao 3,9m. Toà Hậu cung gồm 1 gian, tường hồi bít đốc. Chiều dài 2,2m, chiều rộng 1,75m, cao 2,3m.



Hiện phía trước

Sơ đồ 1.2 Sơ đồ bài trí thờ tự trong di tích Đền Trung Xuân Vũ

(Nguồn: Sở VH – TT Ninh Bình)

Chú thích: A: Tiền đường; B: Trung đường; C: Hậu cung

- | | |
|---------------------------------|--|
| (1): Ban thờ Ngũ vị Tôn ông. | (6): Ban thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu. |
| (2): Ban thờ Bản mệnh | (7): Ban thờ Đức Thánh Trần. |
| (3): Ban thờ liệt sỹ. | (8): Ban thờ Bà chúa bản đền Nguyệt Nga Công chúa. |
| (4): Ban thờ Hổ. | |
| (5): Ban thờ Tam tòa Thánh Mẫu. | |

Di tích đền Trung Xuân Vũ còn lưu giữ được 4 sắc phong của các triều vua và một số hiện vật, đồ thờ tự có giá trị về lịch sử, văn hóa.

* Sắc phong: Có 4 sắc phong của các triều vua Hậu Lê và Nguyễn

- Sắc phong ngày 10 tháng 12 năm Vĩnh Khánh thứ 2 (năm 1730), gia phong Nguyệt Nga Công chúa với các mỹ tự “Cung phi Hoàng hậu Nguyệt Nga Trinh thực Phương dung Gia hạnh Cẩn tiết Từ thuận Huệ hòa Đoan trang Thuần nhất Nhân hiếu Lương hựu Kiệm tổ Hiền hạnh Chất phác Nhân thứ Từ hòa Nhân nhu Trinh Tĩnh Hợp nghi Cung ý Kiêm mỹ công chúa”;

- Sắc phong ngày 16 tháng 5 năm Cảnh Hưng thứ 44 (năm 1783), phong cho Nguyệt Nga Công chúa thêm 2 mỹ tự “Thuần nhã Tĩnh thực”;

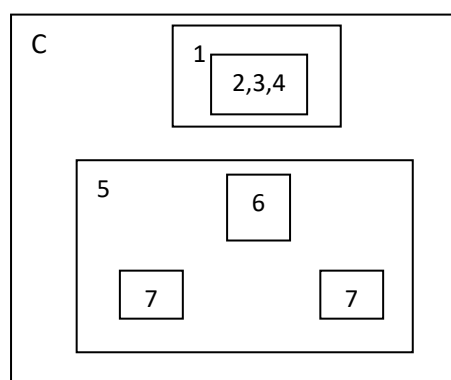
- Sắc phong ngày 26 tháng 7 năm (...) thứ 4 (sắc phong bị rách phần niên hiệu), phong cho Nguyệt Nga Công chúa thêm các mỹ tự “Ôn hậu Quang huy Quang nghi Ý Phạm Vũ mỹ Uyển chính Quang anh Thuần hậu Từ nhân”;

- Sắc phong ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (năm 1924): sắc cho xã Xuân Vũ, huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình phụng thờ thần “Nguyệt Nga Phu nhân và gia tặng thêm [các mỹ tự] là Trang vi Thượng đẳng thần”.

* Đồ thờ tự: di tích còn giữ được một số đồ thờ tự có giá trị như: 01 ngai bành bằng đá, 03 bát hương đá, ...

Đền Trung Xuân Vũ là ngôi đền có kiến trúc đẹp, cùng những tư liệu, hiện vật quý giá, là nơi sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng tâm linh của nhân dân, di tích còn có giá trị tinh thần rất lớn, thể hiện sự tri ân, tấm lòng thành kính của nhân dân làng Xuân Vũ đối với vị Thần của họ

Đền có 3 ban thờ, các ban thờ có các hiện vật sau:



Sơ đồ 1.3 Sơ đồ các hiện vật thờ tự trong di tích đền Trung Xuân Vũ

(Nguồn: Sở VH – TT Ninh Bình)

Chú thích: (A : Tiền đường - B: Trung đường - C : Hậu cung)

A1. Ban thờ Ngũ vị tôn Ông 1,2,3,4,5. Tượng Ngũ vị tôn Ông 6. Đỉnh hương 7. Hạc thờ 8. Bát hương 9. Cây nến	B1. Ban thờ Tam Tòa Thánh Mẫu 1,2,3. Tượng Tam Tòa Thánh Mẫu 4. Đỉnh hương 5. Chân nến 6. Bát hương 7. Nhang án
---	---

A2. Ban thờ Hồ

1. Bát hương
2. Đài rượu
3. Cây nến

A3. Ban thờ Bản mệnh

1. nhang án
2. Bát hương

A4. Ban thờ Liệt sỹ

1. nhang án
2. Bát hương

B2: Ban thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu

1. Tượng Ngọc Hoàng
2. Tượng Nam Tào
3. Tượng Bắc Đẩu
4. Bát hương

B3. Ban thờ Đức Thánh Trần

1. Tượng Đức Thánh Trần
2. Bát hương

C. Ban thờ Nguyệt Nga Công chúa

1. Khảm Thờ
- 2,3,4. Tượng
5. nhang án
6. Bát hương
7. Cây nến

Nhà ở truyền thống

Cũng như ở các địa phương khác, người dân Ninh Vân rất coi trọng việc làm nhà. Mọi quan tâm đầu tiên khi làm nhà là chọn đất, chọn hướng và xem tuổi của chủ nhà. Nhà ở của nhân dân Ninh Vân được phân kiểu theo vật liệu làm nhà. Nhà cửa truyền thống chủ yếu làm bằng tre, gỗ kết hợp với đất và đá, có những ngôi nhà làm hoàn toàn bằng đá.

Quy mô của nhà tùy theo hoàn cảnh của từng gia đình và số lượng thành viên. Ở đây thường có mấy loại nhà: nhà một gian chính và hai chái đầu hồi, ba gian chính và hai chái, năm gian chính... Dù nhà quy mô ra sao thì hướng nhà phổ biến vẫn là hướng nam hay tốt nhất là đông nam. Cửa chính của nhà không mở ở đầu hồi mà mở ở mặt chính, hướng về phá nam hay đông nam. Nhà thường có một cửa chính hay ba cửa chính, ngoài ra còn có cửa ngách mở phía sau nhà thông với bếp, dùng cho người trong gia đình. Ngoài cửa chính còn có nhiều cửa sổ mở ra cả bốn hướng.

Ngoài ra tại Ninh Vân còn lưu giữ nhiều ngôi nhà đều có kết cấu tường gạch và khung gỗ quý với tuổi đời từ 70 đến 100 năm tuổi. Nhà bà Đinh Thị Long ở thôn Xuân Phúc (80 tuổi) được xem là ngôi nhà kết cấu đá truyền thống được bảo tồn và chăm sóc cẩn thận nhất với lòng tự hào và sự kính trọng di sản mà ông cha đã để lại. Ngôi nhà tuổi đời trên 100 năm được xây dựng theo lối kiến trúc

đặc trưng vùng đồng bằng Bắc Bộ gồm 3 gian 2 chái. Gian giữa là nơi thờ tự gia tiên, hai bên là phòng tiếp khách, còn hai chái được gia chủ sử dụng làm nơi nghỉ ngơi. Ngôi nhà được xây dựng mở rộng nhiều lần và có cấu trúc hình L để tạo khoảng sân trong được lát bởi đá cỏ tạo nên cảnh quan tươi mát cho công trình. Một khối nhà 2 tầng trên làm kho tại góc; khối nhà cổ nhất có hình thức 3 gian và lợp mái ngói. Hầu hết những cấu kiện kết cấu chính của nhà như dầm, cột, tường làm bằng đá với những nét hoa văn được trạm trổ tỉ mỉ và bắt mắt, độc đáo nhất là hai bên đầu hè được chạm khắc hai bức tứ quý “Tùng, Trúc, Cúc, Mai” tinh xảo đến từng góc cạnh.; kết cấu mái, bức bàn, cửa ra vào, cửa sổ... đều bằng gỗ quý. Cả 3 gian nhà chính đều được gia chủ trân trọng và gìn giữ theo phong cách truyền thống, gian giữa dành cho việc thờ cúng Phật, gia tiên và thổ công thổ địa. Chiếc sập gụ làm từ đá xanh nguyên khối nặng cả chục tấn. Các cấu kiện bằng đá và các câu đối chữ Hán Nôm khắc trên các cấu kiện này đều được giữ gìn sạch đẹp. Toàn bộ công trình từ khung nhà, tường vách, sân, ngõ, bình phong, sập gụ... được làm từ đá xanh.

1.2.3.2 Văn hóa phi vật thể

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng phổ biến và bền vững nhất của người Việt Nam. Việc thờ cúng tổ tiên luôn thể hiện tình nghĩa và lòng biết ơn của con cháu đối với tổ tiên, các bậc sinh thành “chim có tổ, người có tông”. Đạo làm con thì phải báo hiếu ông bà, cha mẹ. Khi còn sống thì cháu con phụng dưỡng, khi mất đi thì con, cháu phải lo tang ma chu tất, phải thờ cúng tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên đã trở thành một tập tục truyền thống, có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của cư dân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Ở làng đá mỹ nghệ Ninh Vân, mỗi dòng họ đều có một nhà thờ họ riêng gọi là nhà thờ họ tộc. Người cai quản và tế tự các nhà thờ họ tộc và các chi phái là các trưởng họ, trưởng chi phái. Mỗi dòng họ ở Ninh Vân cũng có những qui định tín ngưỡng cho việc thờ cúng Thủy tổ dòng họ. Trong ngày giỗ Thủy tổ, tất cả con cháu trưởng các chi, ngành, nhánh buộc phải có mặt. Các con cháu khác tùy vào

hoàn cảnh mà mang đồ tới góp giỗ. Lễ giỗ Tổ được tổ chức chu đáo và duy trì đều đặn hàng năm.

Ngoài ra, với người dân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân việc thờ cúng tổ tiên tại gia đình thường được tiến hành quanh năm, xuất phát từ quan niệm dù đã khuất nhưng linh hồn họ vẫn luôn ở bên cạnh con cháu. Chính vì vậy hàng năm người dân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân vẫn thường tổ chức cúng tế tưởng nhớ ông bà tổ tiên không chỉ cúng lễ trong các dịp quan trọng như tang ma, giỗ chạp, cưới xin, các ngày lễ tiết như: Trừ tịch, Nguyên đán, Sáng sớm mùng 1, mùng 2 tết, Hoá vàng (tiễn chân ông bà) chiều mùng 3 tết, Tết Thượng nguyên (rằm tháng giêng), Tết Thanh minh (tháng 3 âm lịch), Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Nguyên (rằm tháng 7), Trung thu, Cúng cơm mới, Tảo mộ, Tiễn Táo quân (23 tháng chạp) mà các vị tổ tiên còn được con cháu kính cáo mọi chuyện vui buồn: sinh nở, ốm đau, thi cử, đỗ đạt, kiện cáo, bất hòa, dựng vợ gả chồng... Con cháu còn kính mời các vị về hưởng thụ hoa trái đầu mùa, lễ tạ tổ tiên khi có phúc, có lộc.

Bàn thờ tổ tiên được đặt ở nơi trang trọng nhất của ngôi nhà (thường ở gian giữa). Những người chết trẻ, chưa có gia đình thường được coi là Bà Cô, ông Mãnh, được lập ban thờ riêng. Đồ lễ trên bàn thờ cũng không quy định chặt chẽ lắm, tùy tâm nhưng điều cơ bản phải là những thứ thanh khiết và được dành riêng. Bàn thờ tổ tiên bao giờ cũng đặt ở trên cao, tại nơi trang trọng nhất trong nhà (gian giữa đối với nhà một tầng, tầng trên cùng đối với nhà tầng). Trên bàn thờ bày bát hương, chân đèn, bài vị hay hình ảnh người quá cố.

Như vậy thờ cúng tổ tiên thực sự là một nếp sống, một phong tục của các thế hệ cư dân làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Tín ngưỡng thờ thổ công

Người dân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân quan niệm rằng trong gia đình phải có vị thần chủ trì, cai quản lãnh thổ, khi đó trong nhà mới có chủ “đất có thổ công, sông có hà bá”. Trong nhà của họ bao giờ cũng có ban thờ, trên ban thờ đặt bát hương của ông bà tổ tiên và một bát hương thờ thổ công. Hàng tháng, vào ngày mùng 1 và 15 âm lịch, gia đình đều dâng hương hoa, trầu nước cho vị thổ công, mong ngài bảo vệ, phù hộ cho cả gia đình.

Phong tục tập quán

Hôn nhân

Cưới xin là một trong những việc trọng đại nhất trong cuộc đời một con người. Chính vì vậy đôi với người Việt Nam ở châu thổ Bắc Bộ nói chung và người dân Ninh Vân nói riêng, cưới xin không chỉ là việc của đôi nam nữ mà còn là việc của cả gia đình, dòng họ, xem cửa nhà hai bên có tương xứng không, có môn đăng hộ đối hay không.

Hôn nhân còn phải đáp ứng quyền lợi của làng xã. Tục nộp cheo chính là phương tiện kinh tế phục vụ cho nhu cầu ổn định làng xã. Khi lấy nhau đôi trai gái phải nộp cho làng một khoản “lệ phí” gọi là “cheo” thì đám cưới mới được xem là hợp pháp. Khoản tiền này thường dùng vào những việc công ích như tu bổ đình chùa, đào giếng, xây công làng, đắp đường lát gạch...

Cũng như các làng quê khác, phong tục cưới xin ở làng Ninh Vân xưa cũng tiến hành theo trình tự 6 lễ là:

- Lễ nạp thái: Nhà trai báo cho nhà gái về sự kén chọn của mình.
- Lễ vấn danh: Nhà trai mang lễ đến hỏi về tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của người con gái để so tuổi giữa hai người, đối chiếu xem hợp hay xung.
- Lễ nạp cát: Lễ báo sự hợp tuổi và chính thức đính ước cùng nhau.
- Thỉnh kỳ: Lễ xin ngày cưới
- Lễ nạp tệ: Nhà trai dẫn đồ cưới
- Thân nghinh: Nhà trai làm lễ cưới và đón dâu.

Tục tang ma

Tang ma là nghi lễ đánh dấu bước cuối cùng của chu kỳ loài người. Ngoài một bộ phận dân cư quan niệm “chết là hết” thì đông đảo người dân Ninh Vân cho rằng chết là chia lìa cuộc sống ở trần gian để đến với cuộc sống ở cõi âm với quan niệm “trần sao, âm vậy”. Chính vì thế mỗi gia đình khi có tang thường làm mọi thủ tục sao cho người chết được an nghỉ nơi chín suối. Ngày mà một con người chết đi được cả gia đình và dòng họ ghi nhớ là ngày giỗ.

Trước cách mạng tháng Tám, ở Ninh Vân khi gia đình có tang thì giáp có trách nhiệm tổ chức lo tang, đưa đám, theo các nghi lễ cơ bản giống như nhiều

làng quê khác. Lễ tang được xem giờ kỹ lưỡng từ giờ khâm liệm đến giờ phát tang và giờ chôn cất để tránh sự trùng tang. Sau khi chôn cất người quá cố, gia đình tang chủ phải làm bữa cơm trả ơn hàng giáp.

Lễ hội

Hội làng – Hội Kỳ phúc là ngày kỵ Bà chúa bản đền (Nguyệt Nga Công chúa) tại đình làng Xuân Vũ. Định kỳ mỗi năm một lần (từ 11 – 13/2), nhân dân trong làng Xuân Vũ tổ chức Hội làng. Từ ngày 10/2, các cụ đã quét dọn, chuẩn bị sân bãi, lễ vật, thượng cờ Thần, cờ Tổ quốc trước cửa đình, hạ kiệu để rửa, các cụ chông kiệu. Buổi sáng ngày 11/2 các cụ trong thôn thắp hương cáo Thành hoàng làng và các cửa họ của làng, sau đó buổi chiều rước kiệu đi xin chân nhang ở các đền trong thôn. Kiệu được rước từ đình làng đến đền Trung Xuân Vũ, sau khi hạ kiệu, Hội trưởng người cao tuổi và Trưởng thôn vào đền bái vọng xin chân nhang trong đền Trung Xuân Vũ để rước về đình làng (lễ tế có Hội tế nam, Hội tế nữ và phường bát âm, mỗi Hội tế có 13 người).

Ngày 12/2: là ngày tế chính, buổi sáng vào khoảng 8h30' các cụ tiến hành tế Kỳ phúc kéo dài đến tận trưa (có cả đội tế nam quan và nữ quan), buổi chiều, khoảng 3h các cụ tiến hành tế Xuân đến tận tối (chỉ tế nữ quan), buổi tối có hát văn, hát chầu thánh. Ngày 13/2: Buổi sáng nhân dân trong làng tổ chức Yên Lão (chức thọ các cụ cao niên trong làng), buổi chiều là tế tạ, đến gần tối thì rước thánh hồi loan về các đền trong thôn, kết thúc Lễ hội Kỳ phúc.

Phần hội của hội Kỳ phúc còn diễn ra các trò chơi dân gian như: Chọi gà, kéo co, đập niêu, chơi cờ người, đánh tổ tôm điếm, đuôi bắt vịt... buổi tối có hát chèo, hát văn...

Hội Tam thôn: Đền Kê Thượng, đền Kê Hạ và đền Miếu Sơn có liên quan chặt chẽ với nhau về lễ hội truyền thống văn hóa. Theo tư liệu Hán Nôm ở di tích, dưới thời Hậu Lê, thời Nguyễn, cụm di tích được coi là “quốc tế”. Nhân dân trong vùng quen gọi là lễ hội Tam thôn ở địa phương còn lưu truyền câu ca:

*Nhà Lê đánh giặc thưở xưa,
Quân công tế đảo ơn nhờ linh thiêng.
Khuông phù nhà nước được yên,*

Thuyền lương, gió thuận sóng yên bốn bề.

Nhà Lê nổi nghiệp mấy đời,

Gia ân quốc tế đời đời sắc phong ...

Hội Tam thôn của ba thôn Hệ, Thượng và Phú Lăng được tổ chức tháng 3 âm lịch giỗ tổ Vua Hùng và chính yếu là tưởng nhớ tam vị tướng phò giúp vua Hùng giữ nước rồi hóa thành tam vị thần núi Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn Đại Vương, Quý Minh Đại Vương và công chúa Nguyệt Nga là con gái Vua Hùng thứ 18 vợ của Tản Viên có công dẹp giặc Thục, cứu giúp dân lành, diệt trừ tai ương, chỉ bảo dân làng biết kiếm nghề làm ăn. Thời kỳ phong kiến Lễ hội Tam thôn được tổ chức hình thức “quốc lễ” Theo bản tục lệ xã Côn Lăng (xã Ninh Vân ngày nay) sao lại điều ước ngày 18 tháng 3 năm Tự Đức thứ 15 (1862) còn lưu giữ do Viện Nghiên cứu Hán Nôm dịch và xác nhận năm 2012 như sau “Bản xã tuân theo tích cũ trải các đời, vào năm Hoảng Định thứ nhất (1600) triều nhà Lê có lần vua đến miếu khẩn cầu thần âm phù giúp nước diệt trừ giặc ác, chỉ 1 lần cất quân là chiến thắng. Triều đình ung gia phong mỹ tự cho thần hạng Thượng đẳng. Triều đình cử quan về làm lễ tế”[27]. “Vào tháng 3 hàng năm, kính thừa lệnh trên, quan phủ huyện trở về miếu làm lễ tế xuân lại, lại ban mỗi năm 6 quan tiền văn, bản xã đến lĩnh ở quan huyện mang về sắm lễ kính tế” [27]. Lệ bản xã ghi rõ: ba thôn cùng phụng thờ thần ở ngôi đền thiêng trên đỉnh Kê Sơn. Hễ hàng năm từ xưa đến nay nghiêm cấm chiêm trống từ lúc giao thừa nửa đêm cuối năm đến nửa đêm ngày mồng 10 tháng giêng mới được đánh chiêm trống, vào ngày tốt tháng 3 hàng năm tế xuân, phụng rước chư tôn thần đến tế công đồng tại đền Kê Sơn kính tế, có xướng ca. Nét đặc sắc của lễ hội Tam Thôn là nghi lễ rước kiệu chư vị thần linh ở 3 thôn quy tụ về đền Tam Thôn (đền Kê Thượng). Mỗi thôn rước 3 kiệu: Kiệu bát cống, kiệu võng và kiệu song hành. Hội đông vui nhất là 9 kiệu gặp nhau ở trước cửa đền Tam Thôn. Phần Lễ là phần chính của lễ hội, thể hiện sự linh thiêng, thực hiện theo đúng lệ bản xã. Đồ lễ gồm lễ chay và lễ mặn: hương, nến, hoa quả, thịt lợn, thịt bò, thịt gà, xôi, oản....Giờ phút trang trọng nhất của nghi lễ là lúc vị chủ tế trịnh trọng đọc sớ trình xin tế thần linh ở đền Tam thôn, cầu mong thần linh che chở phù hộ cho dân làng mạnh khỏe, bình an và nghề nghiệp phát

triển. Sau lễ cáo yết có các đội tề: tề Nam Quan, tề Nữ Quan. Họ đi đứng, trang phục, bày biện, dâng hiến theo đúng tinh thần lễ trọng linh thiêng. Phần hội có các tích trò diễn thi kéo chữ “Thiên hạ thái bình”, “Thánh thọ vô cương” “Nhân dân cộng lạc”, “Bái tạ”, trò chơi Xây đôn Cổ loan, đánh lệu, hát chèo, thi múa sư tử, múa lân, đánh đu, chọi gà, thi chạm trò đá mỹ nghệ... [19]

Tiểu kết chương 1

Văn hóa làng là những đặc trưng văn hóa đặc thù, được bảo lưu lâu dài trong từng cộng đồng dân cư làng và tạo nên sự khác biệt giữa các làng. Những đặc trưng đó thể hiện trên các phương diện phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tâm lý, phương thức hoạt động ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Đô thị hóa là một quá trình làm biến đổi tất cả các phương diện của một cộng đồng dân cư. Văn hóa của cộng đồng đó cũng chịu tác động và có sự biến đổi mạnh mẽ. Sự biến đổi càng diễn ra mạnh hơn với văn hóa của làng xã.

Ninh Vân là một làng có lịch sử lâu đời, có di sản văn hóa vật chất, tinh thần phong phú, mang những đặc trưng của làng xã truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Tuy nhiên, với vị trí địa lý thuận lợi, Ninh Vân đã trở thành nơi có tốc độ đô thị hóa cao của khu vực. Chính đô thị hóa đã thúc đẩy hàng loạt những biến đổi về kinh tế, xã hội của Ninh Vân. Nền văn hóa truyền thống của Ninh Vân do đó đã và đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi phải có đầu tư nghiên cứu tiến trình biến đổi và phát triển này. Từ việc xây dựng cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu đã cho phép chúng tôi tiếp tục nghiên cứu sự biến đổi văn hoá làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình giai đoạn hiện nay một cách cụ thể và khách quan.

Chương 2

THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1 Yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

Có nhiều yếu tố dẫn đến sự biến đổi văn hoá truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân nhưng trong đó yếu tố nổi bật nhất là những biến đổi trong cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội. Đây chính là tiền đề đưa tới những thay đổi trong đời sống văn hóa của cộng đồng làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Trong những năm qua Ninh Vân đã mạnh dạn đổi mới các hoạt động kinh tế, sắp xếp và định hướng lại công tác quản lý của các hợp tác xã nông nghiệp, giải thể các loại hình kinh tế tập thể không hiệu quả, từ việc giao khoán công việc đến giao khoán sản phẩm trông trọt, chăn nuôi đến các hộ gia đình, và sau đó là thực hiện chính sách giao ruộng đất sản xuất nông nghiệp lâu dài cho người dân đã phá bỏ hẳn cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế, giải phóng sức lao động và phát huy quyền làm chủ và sức sáng tạo, phương thức sản xuất của người dân, các hộ gia đình đã được giao ruộng đất lâu dài để chủ động đầu tư, canh tác, từ đó kinh tế nông nghiệp của Ninh Vân đã có bước phát triển nhanh và mạnh mẽ, từng là địa phương thiếu lương thực trầm trọng, đến nay, 100% diện tích đất nông nghiệp đã gieo cấy 2 vụ năng suất đã đạt từ 54 – 62 tạ/ha, người dân đã có lương thực tích trữ để dành và nhiều hộ gia đình đã sản xuất và bán sản phẩm nông nghiệp của mình.

Stt	Chỉ tiêu	2022	2023	2024
1	Lao động cả xã	5.700	5.500	5.900
2	Lao động tại làng nghề	> 700	>500	>700
3	Lao động lành nghề	2.000	2.000	2.000
4	Lao động thời vụ	1.000	1.000	1.200
5	Lao động nơi khác đến	2.000	2.000	2.000

Bảng 2.1 Số liệu lao động tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân từ 2022 đến 2024

[Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội từ 2022 đến 2024, UBND xã Ninh Vân]

Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá được xác định là nghề mũi nhọn trong phát triển kinh tế của xã Ninh Vân. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế

của xã theo tỷ trọng hướng về phát triển tiểu thủ công nghiệp – dịch vụ. Xã Ninh Vân có 13/13 thôn làm nghề chế tác đá mỹ nghệ. Năm 2024 toàn xã có khoảng 100 doanh nghiệp tư nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh; có khoảng 1.600 hộ chế tác đá và trên 5.000 thợ đá chuyên nghiệp, lành nghề của cả làng nghề và từ địa phương khác về Ninh Vân làm nghề đá. Làng nghề hiện có 1 nghệ nhân cấp Trung ương; 42 nghệ nhân cấp tỉnh; 1 danh hiệu "Bàn tay vàng" và 3 danh hiệu "Bàn tay bạc"...

Stt	Chỉ tiêu	2022	2023	2024
1	Thu nhập bình quân (triệu đồng)	> 7 triệu đồng	> 7 triệu đồng	> 7 triệu đồng
2	Số lượng máy trạm khắc đá công nghiệp tại làng nghề (máy)	> 200	>230	>237
	Số lượng máy trạm khắc đá công nghiệp cả xã (máy)	> 700	> 700	> 700
3	Tổng thu nhập (tỷ đồng)	>490	>597	>790

Bảng 2.2 Thống kê tình hình hoạt động tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân từ 2022 đến 2024

[Nguồn: Báo cáo kinh tế xã hội từ 2022 đến 2024, UBND xã Ninh Vân]

Mỗi năm, nghề đá mang lại doanh thu cho xã hàng trăm tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động làm nghề đạt trên 7 triệu đồng. Hiện nay số lượng máy trạm khắc đá tại làng nghề là trên 237 máy đem lại giá trị tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và làng nghề ước đạt: 791 tỷ 910 triệu đồng, chiếm 94 % cơ cấu kinh tế. Các sản phẩm từ đá rất đa dạng và phong phú, được chia thành nhóm sản phẩm phục vụ đời sống hàng ngày, nhóm chạm khắc đá mỹ nghệ và nhóm phục vụ nhu cầu tâm linh. Sản phẩm “Đá mỹ nghệ Ninh Vân” được sử dụng phổ biến trong các công trình xây dựng, công trình văn hoá, tâm linh như: Cum tượng đài nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn; cum tượng đài Bà mẹ Tổ quốc ở thành phố Hồ Chí Minh;

cụm tượng đài thanh niên xung phong chống mỹ, cứu nước ở Quảng Trị, tượng mẹ Suốt ở Quảng Bình, tượng Bác Hồ ở Nghệ An, 500 pho tượng La Hán đặt tại chùa Bái Đính...

Thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” được phát động mạnh mẽ, sâu rộng trên địa bàn, tạo được bước chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động. Diện mạo nông thôn xã Ninh Vân được đổi mới rõ nét. Đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao: 100% số dân trong xã được dùng hệ thống lưới điện quốc gia; các công trình thủy lợi, đê điều được đầu tư nâng cấp đáp ứng được yêu cầu sản xuất, dân sinh.

2.2. Biến đổi của lĩnh vực văn hóa vật chất và cảnh quan môi trường

Biến đổi văn hóa nói chung, biến đổi văn hóa làng nghề nói riêng đang là một xu hướng tất yếu, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, sự biến đổi văn hóa là một trong những yếu tố làm thay đổi diện mạo của các làng nghề truyền thống ở nước ta. Biến đổi chính là điều kiện để các làng nghề có thể thay đổi, tồn tại và phát triển theo quy mô, mức độ khác nhau. Đây là quy luật khách quan và diễn ra trên nhiều phương diện của đời sống vật chất và tinh thần trong cộng đồng cư dân của các làng nghề.

2.2.1 Biến đổi của lĩnh vực văn hóa vật chất

2.2.1.1 Biến đổi diện mạo kiến trúc di tích

Công tác bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã Ninh Vân luôn được sự quan tâm của chính quyền và nhân dân xã, đặc biệt là từ khi tái lập tỉnh Ninh Bình năm 1992, các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích được quan tâm sâu sắc. Năm 1996, cán bộ phòng Quản lý di sản của Sở VH-TT đã về Ninh Vân khảo sát, đánh giá và tư liệu hóa các giá trị văn hóa và nghệ thuật kiến trúc bằng đá cổ truyền. Năm 1997, trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh Ninh Bình, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ra Quyết định số 423 QĐ/ BVHTT công nhận quần thể đền thờ Thượng Kê từ, Hạ Kê từ và Miếu Sơn là Di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia thuộc loại di tích kiến trúc nghệ thuật. Việc công nhận di tích cấp quốc gia tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo tồn, trùng tu và góp phần bảo vệ, phát huy giá trị của di tích trong quá trình xây dựng và phát triển địa phương.

Đình Trung Xuân Vũ: Trải qua hơn 3 thế kỷ, với sự tác động của thời tiết, con người, sự tàn phá của chiến tranh, di tích đã bị xuống cấp, nhưng với sự nỗ lực kịp thời của chính quyền và nhân dân địa phương di tích đã được trùng tu, tôn tạo khang trang hơn: Năm 1973 Sửa lại Hậu cung, năm 1985 xây dựng lại 3 gian Cung ngoài, năm 2011 - 2013 Di tích được tu sửa lại toàn bộ, xây dựng thêm 3 gian Tiền đường, xây công, xây tường bao ...Tuy nhiên Hậu cung của đền vẫn giữ được các giá trị về mặt kiến trúc và điêu khắc như cũ.

Để tăng cường công tác quản lý các di tích, kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm hại, phá hủy di tích, nhân dân và chính quyền địa phương đã thành lập Ban tín. Ban có nhiệm vụ tổ chức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng theo truyền thống, gìn giữ, bảo vệ, sưu tầm những tài liệu liên quan đến di tích và tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng, đóng góp công sức cho di tích ngày càng khang trang hơn.

Trong những năm gần đây, hệ thống di tích đình, đền, chùa, miếu ở Ninh Vân được quan tâm dựng mới hoặc tôn tạo khang trang và quy củ, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; khơi dậy lòng tự hào dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ. Cộng đồng làng xã Ninh Vân đặc biệt coi trọng các công trình kiến trúc nghệ thuật cổ truyền bằng đá mỹ nghệ của cha ông trên đất Ninh Vân. Họ bảo vệ rất nghiêm ngặt bằng hương ước, tục lệ xã, bia ký và thiêng hóa 65 các hiện vật với quan điểm giữ nguyên trạng các cổ vật, chỉ trùng tu do thiên tai địch họa, được phép coi nói mới nhưng đảm bảo tính mỹ quan và đặc biệt phải đảm bảo tính nguyên gốc của các công trình. Bởi họ cho rằng các công trình kiến trúc đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ không chỉ là nơi giao lưu, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng mà chính là những chứng tích vật thể, là hiện thân lịch sử, văn hóa của nghề chế tác đá lâu đời ở địa phương.

Các hoạt động tu bổ và bảo quản di tích cổ truyền tại xã Ninh Vân chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí xã hội hóa, đặc biệt từ nguồn “công đức” của nhân dân, đây là một truyền thống tốt đẹp được hình thành từ quá khứ vẫn được duy trì tới ngày nay. Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 4607/QĐ-BVHTTDL, ghi danh Nghề Đá mỹ nghệ

Ninh Vân, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Trong thời gian tới, Ninh Bình sẽ tích cực triển khai các hoạt động cụ thể để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, trong đó tập trung quảng bá, giới thiệu về nghề và làng nghề đến đông đảo nhân dân trong nước, quốc tế, tạo động lực và cơ hội để mở rộng sản xuất kinh doanh, thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, đóng góp vào sự phát triển toàn diện các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội của Ninh Bình.

Cụm di tích đền Kê Thượng, đền Kê Hạ và đền Miếu Sơn: đều gắn liền với chân núi, nhìn chung cả khu vực đền và núi từ trước tới nay luôn được nhân dân địa phương trân trọng bảo quản, giữ gìn. Tuy nhiên, do di tích vốn có từ lâu đời, lại kiến trúc theo lối không có mái cho nên một số mảng tường bao ở đền Kê Thượng và đền Miếu Sơn bị rạn nứt, cần được phục hồi lại. Trong những năm vừa qua, chính quyền và nhân dân địa phương đã tu sửa nhỏ cho di tích, và phục hồi lại một số đồ thờ tự trên tinh thần tôn trọng vốn nguyên gốc của cụm di tích.

Hệ thống các di tích đình, đền, chùa, miếu,... ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được quan tâm, tu bổ, mở rộng thêm, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của người dân cũng như trở thành nơi tổ chức nhiều hoạt động chung của làng. Điều đó khiến cho quần thể di tích ở hai làng khoác lên mình một diện mạo mới, đồng thời ngày càng thể hiện vai trò, ý nghĩa đặc biệt trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư nơi đây. Hiện nay, hệ thống các di tích đình, chùa, đền, nghề,... của làng đều tọa lạc ở những vị trí trang trọng, nổi bật trong không gian làng, rất thuận tiện cho việc cúng lễ, tổ chức các sinh hoạt cộng đồng của người dân cũng như phục vụ nhu cầu tham quan, tìm hiểu của du khách thập phương.

Không gian sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng như đình, chùa, miếu, đền và hệ thống di tích của làng có nhiều biến đổi theo thời gian. Diện tích đất của làng bị thu hẹp nên không gian sinh hoạt tín ngưỡng cũng không ngoại lệ. Điều này hoàn toàn có cơ sở khi điều kiện kinh tế và lối sống thay đổi, cho phép những biến đổi về cảnh quan môi trường dễ được chấp nhận để phục vụ nhu cầu của đời sống tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng của người dân làng nghề phù hợp với xu thế hiện nay.

Tuy vậy, sự biến đổi kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, thờ tự tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân vẫn tôn trọng những quy tắc, quy ước, tục lệ truyền thống và cho thấy sự quan tâm của chính quyền và người dân trong việc bảo tồn các giá trị di tích văn hóa truyền thống.

Khu vực xã Ninh Vân vốn có nghề chạm khắc đá nổi tiếng từ xưa tới nay, khách nhiều nơi về tham quan ngày càng đông, trong đó cụm di tích đền Kê Thượng, đền Kê Hạ và đền Miếu Sơn là một trong những điểm tham quan lý thú của du khách, nó góp phần minh chứng cho bề dày lịch sử, bàn tay tài hoa của nghề chạm khắc đá ở địa phương.

2.2.1.2 Biến đổi trong kiến trúc nhà ở

Sự biến đổi không gian trong ngôi nhà ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung và vùng nông thôn Ninh Bình nói riêng diễn ra theo quy luật tất yếu dưới tác động của đô thị hóa và quá trình phát triển kinh tế – xã hội ở nông thôn. Cùng với sự đa dạng hóa nguồn thu nhập, điều kiện nhà ở của người dân ở làng đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng có sự biến đổi rõ nét.

Hỏi về cảm nhận của người đã sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Ninh Vân về sự thay đổi của kiến trúc nhà cửa trong giai đoạn hiện nay ông Dương Văn Nam – Thôn Tân Dường cho hay: *“Hiện nay, đời sống nhân dân đã thay đổi so với trước kia do sự phát triển của làng nghề đá mỹ nghệ, nhà cửa san sát mọc lên, nhà 2 tầng nhiều, nhà ống 4, 5 tầng cũng rất nhiều”*

Quá trình biến đổi về nhà cửa ở Ninh Vân diễn ra giống như bao làng quê khác. Nhà ở chủ yếu truyền thống trước đây là nhà xây mới trên nền cũ nhưng vẫn dành một phần diện tích đất để làm sân phơi, trồng rau và chăn nuôi gia súc. Điều này kéo theo xu hướng gia tăng đáng kể về diện tích nhà ở cũng như không gian sinh hoạt của các hộ gia đình. Về mặt kiến trúc, nhà ở truyền thống nơi đây đang thay đổi từng ngày. Nhà ở truyền thống trước kia thường là nhà 3 gian hai chái, nhà 5 gian hai chái được xây dựng từ các vật liệu sẵn có tại địa phương như: tranh, tre, nứa, thì hiện nay kiểu nhà phổ biến của người dân Ninh Vân là nhà mái bằng, những dãy nhà ống cao tầng nằm san sát với lối kiến trúc thiết kế hiện đại, sử dụng những vật liệu hiện đại như bê tông, cốt thép, gỗ, kính....

Ngoài ra, việc kết cấu bố trí không gian trong nhà cũng có sự thay đổi so với trước kia, nhà truyền thống xưa gian chính giữa thường được đặt bộ bàn ghế tiếp khách và ban thờ tổ tiên, ngày nay với sự thay đổi trong kiến trúc ngôi nhà ban thờ tổ tiên được bố trí lên vị trí cao nhất. Thời gian thay đổi, con người cũng chú ý hơn đến yếu tố phong thủy khi xây dựng ngôi nhà, nếu như trước đây hướng nhà truyền thống tiêu biểu là hướng Nam thì ngày nay, hướng nhà phụ thuộc vào tuổi tác của gia chủ, việc bố trí các vật dụng trong không gian nhà cũng phải dựa trên yếu tố phong thủy.

Với sự phát triển nhanh chóng của nghề đá mỹ nghệ, không gian nhà ở truyền thống tại Ninh Vân dần thu hẹp lại nhường chỗ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh đá mỹ nghệ. Kiến trúc không gian nhà ở truyền thống đã biến đổi như một quy luật tất yếu của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

2.2.2 Biến đổi không gian, cảnh quan môi trường

Hiện nay cảnh quan của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có những thay đổi rõ rệt. Bên cạnh những biểu tượng truyền thống của làng quê Bắc Bộ thì cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất cũng được nâng cấp và hoàn thiện hơn. Chính quyền xã luôn quan tâm đến công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống đường giao thông được quy hoạch, phát triển đồng bộ. Trên địa bàn xã có nhiều dự án phát triển kinh tế, xã hội được đầu tư. Các dự án xây dựng đường cao tốc, xây dựng Cụm công nghiệp làng nghề giai đoạn 2, xây dựng trạm y tế, xây dựng khu dân cư, xây dựng đường giao thông.

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm, thường xuyên duy trì thu gom rác thải, tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, khói bụi, tiếng ồn và khắc phục tình trạng thiếu nước sạch sinh hoạt, phục vụ đời sống cho nhân dân. Đến nay, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Do sức ép của sự gia tăng dân số, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cùng với sự thu hẹp đáng kể diện tích đất nông nghiệp đã làm cho không gian cảnh quan ở các làng quê biến đổi rõ rệt. Bên cạnh không gian cư trú truyền thống được

định vị theo các xóm là những hình thức tập trung dân cư mới như khu di dân, khu tái định cư, xóm mới v.v. làm cho không gian làng được mở rộng hơn.

Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân theo thời gian, không gian kiến trúc đã khác xưa rất nhiều. Không gian, cảnh quan ở Ninh Vân có sự biến đổi rõ nét theo xu hướng thu hẹp, giảm thiểu các yếu tố nông nghiệp, tự nhiên (đất đai canh tác, ao hồ, đầm vũng,...). Hiện nay, làng đá mỹ nghệ Ninh Vân gần như không còn những lũy tre là vành đai cát cứ, bờ ao, đường làng lát gạch, cổng làng cổ kính, rêu phong...Ao, vườn được san lấp làm nhà xưởng sản xuất, lượng cây xanh trong làng và ngoài đường ít đi, không gian công cộng cũng bị thu hẹp. Do nhu cầu phát triển của làng nghề và chịu tác động của quá trình đô thị hóa nên đường làng, ngõ xóm được bê tông, trải nhựa hóa. Cảnh đồng làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân xưa, nay đã được quy hoạch thành các khu giãn dân hay khu quy hoạch làng nghề bám theo các tuyến đường chính của xã Ninh Vân. Làng không còn mang nét trầm mặc, bình dị trước kia mà đã khoác lên mình vẻ năng động, nhộn nhịp. Ao vườn biến mất nhường chỗ cho các nhà cao tầng mọc lên, xưởng sản xuất đá mỹ nghệ với quy mô lớn xuất hiện.

Tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, các vấn đề về ô nhiễm không khí, tiếng ồn là vấn đề báo động nghiêm trọng đối với người dân. Nói về cảnh quan môi trường làng nghề hiện nay khác gì so với thời trẻ bà Phạm Thị Vận - người dân thôn Dưỡng Thượng cho biết: *“Hiện nay sự phát triển của nghề đá cùng với việc áp dụng các máy móc hiện đại, năng suất cao vào trong chế tác đá đã khiến lượng bụi phát tán vào môi trường không khí của xã ngày càng nhiều hơn, người dân trong xã bị mắc các bệnh về đường hô hấp, viêm xoang, phổi... Tiếng ồn liên tục đã tác động xấu đến hệ thần kinh, ù tai, mất ngủ của nhiều người”*.

Cả xã Ninh Vân hiện nay có 13 thôn thì cả 13 thôn đều làm nghề chế tác đá mỹ nghệ. Người dân ở làng đá Ninh Vân đang phải sống trong môi trường bụi và tiếng ồn rất lớn. Dọc các tuyến đường chính, trong các cơ sở sản xuất, các cơ sở khai thác,...đều có màu bụi trắng, bên cạnh đó là nước thải trong lúc chế tác đá mỹ nghệ được thải trực tiếp ra môi trường. Nhà cửa, cây cối nơi đây đều được phủ một lớp màu trắng từ bụi đá. Các tuyến đường giao thông xuống cấp trầm

trọng, bụi bặm, ô nhiễm môi trường, tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn. Từ con đường ĐT 477 rẽ vào cổng chào xã Ninh Vân dẫn vào Nhà máy xi măng Hệ Dưỡng, con đường bê tông dài gần 2 km bị bám nát, những khối bê tông bị xuống cấp nghiêm trọng, sụt lún tạo thành những ổ trâu, ổ voi không đảm bảo an toàn cho người dân tham gia giao thông.

Nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn bà Nguyễn Thị Kim Loan – người dân thôn Tân Dưỡng có nhà ở nằm trên tuyến đường chính dẫn vào 2 nhà máy xi măng trên địa bàn xã về sự thay đổi của cảnh quan môi trường làng nghề hiện nay: *“Các con đường trên địa bàn đã bị phá vỡ hết rồi, bụi bặm, xe cộ đi lại cực kỳ nguy hiểm, nhất là những hôm trời mưa, nước ngập sâu, không tìm được đường mà đi. Các phương tiện chỉ dám đi rất chậm, thậm chí xe 4 chỗ sợ sập gầm còn không dám vào”*.

Có thể thấy hiện nay đại đa số người dân đánh giá về cảnh quan, môi trường làng nghề ngày càng thay đổi, không gian cảnh quan không sạch đẹp, môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nề.

Việc ô nhiễm ở đây được xác định có 3 nguyên nhân chính là từ làng nghề, từ xe vận chuyển và từ nhà máy xi măng xả khói bụi, tiếng ồn và nước thải ra môi trường. Đặc biệt, có nhiều hộ sản xuất xen kẽ trong khu dân cư khiến tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng:

- Nguồn ô nhiễm do sản xuất đá mỹ nghệ: Sự phát triển của nghề đá cùng với việc áp dụng các máy móc hiện đại chính là nguyên nhân chính gây ô nhiễm bụi tại Ninh Vân. Các công đoạn sản xuất, chế tác đá mỹ nghệ đều gây bụi và làm ô nhiễm môi trường không khí. Tuy nhiên, công đoạn cắt tạo hình và công đoạn chạm trổ hoa văn, họa tiết là những công đoạn tạo ra bụi nhiều nhất.

- Xi măng: hiện trên địa bàn xã Ninh Vân có nhà máy xi măng Duyên Hà hoạt động với công suất thiết kế: 3 triệu tấn sản phẩm/năm. Đây là nguồn phát sinh bụi rất lớn. Nhà máy xi măng Hệ Dưỡng mới (do Tập đoàn Lucky Đài Loan làm chủ đầu tư) với công suất 3.600.000 tấn/năm (cho 02 dây chuyền).

- Khai thác đá phục vụ cho xây dựng và chế tác đá mỹ nghệ: Ninh Vân có diện tích núi đá rất lớn, khoảng 400 ha (chiếm 32% diện tích toàn xã). Ngoài việc

khai thác phục vụ cho chế tác đá mỹ nghệ, đá tại Ninh Vân còn được khai thác làm nguyên liệu cho các nhà máy xi măng trên địa bàn xã và cho các công trình xây dựng dân sinh cũng như các công trình xây dựng của Nhà nước. Bụi phát sinh trong quá trình khai thác đá tuy lớn nhưng do khai thác ở các khu vực cao, thoáng và có gió lớn nên nhanh chóng khuếch tán, pha loãng trong không khí, vì vậy ít ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Tuy nhiên, việc sử dụng mìn để khai thác đá đang gây ra những bức xúc, tâm lý lo âu trong quần chúng nhân dân trong xã.

- Nguồn ô nhiễm bụi do hoạt động giao thông: lưu lượng các xe vận chuyển đá và xi măng di chuyển qua địa bàn của xã rất lớn. Các xe này khi chuyển động sẽ khiến cho bụi đường cuốn theo và phát tán vào môi trường không khí khiến tình hình ô nhiễm bụi trên địa bàn xã ngày càng trở nên trầm trọng.

Hiện nay trên địa bàn xã Ninh Vân có khoảng trên 100 doanh nghiệp sản xuất chế tác đá mỹ nghệ tạo việc làm cho hàng nghìn lao động. Đi đôi với sự phát triển, mở rộng quy mô nghề đá Ninh Vân đang đối mặt với nhiều khó khăn bất cập nhất là giải quyết bài toán ô nhiễm môi trường. Để tìm lời giải cho vấn đề này xã Ninh Vân đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động các cơ sở sản xuất triển khai các biện pháp lắp đặt hệ thống hút bụi tại cơ sở sản xuất, đưa thiết bị dẫn nước đến khu vực mài cắt để hạn chế bụi, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh. Ngoài ra, các cơ sở sản xuất đã áp dụng mô hình sáng kiến quy hoạch trong quá trình sản xuất tuy nhiên những giải pháp trên dường như chưa đủ khiến làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân bao nhiêu năm vẫn là “điểm nóng” ô nhiễm.

2.3. Biến đổi của lĩnh vực văn hóa tinh thần

Những biến đổi trong cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội của người dân các làng quê là tiền đề đưa tới những thay đổi trong đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng làng. Điều này thể hiện ở mức thu nhập và mức sống của người nông dân được nâng lên, đi cùng với điều kiện cơ sở hạ tầng được xây dựng đã phá vỡ tính khép kín của làng, đồng thời thúc đẩy sự giao lưu, tiếp biến văn hoá.

2.3.1 Biến đổi sinh hoạt văn hoá tinh thần

2.3.1.1 Biến đổi tín ngưỡng thờ thánh, thần

Theo truyền thuyết, vào thời Hùng Vương thứ mười tám, trong một lần đi đánh giặc, Tản Viên Sơn Thánh và Quý Minh Đại Vương cùng quân sĩ đã dừng chân tại vùng Tam thôn hiện nay. Khi bị quân giặc bủa vây, hai vị đã cho người vào chùa Kim Kê lễ Phật, cầu mưa. Đêm đó, Tản Viên Sơn Thánh được Phật chỉ cho mưa cao, nhờ đó đại thắng quân giặc. Như một minh chứng về sự hiển linh của các vị thánh ở vùng đất này, hiện nay, ở đền Kê Hạ (làng Hẹ) còn lưu lại một dấu chân rất lớn, tương truyền là dấu chân của thần in trên nền đá. Theo PGS, TS Trần Lâm Biên, dấu chân lớn in trên đá có ý nghĩa là dấu chân của người dẫn đường mà chỉ các bậc thánh, thần, các bậc siêu nhân mới đủ tư cách để lại dấu chân với ý nghĩa lớn như vậy. Vì vậy, với nhiều lý do người dân Ninh Vân đã sáng tạo những truyền thuyết để giải thích tại sao nơi đây lại thờ Hùng Vương, con gái và con rể của ngài. Trong bối cảnh như vậy, tín ngưỡng thờ Tổ nghề ở đây lại không gắn trực tiếp với một vị Tổ nghề cụ thể mà chính là “Bách nghệ Tổ sư”, là ngài Sơn Tinh (lúc này Phật giáo chưa phổ biến ở nước ta) (23).

Tục thờ Tản Viên Sơn Thánh cũng như tam vị Đức Ông (gồm Tản Viên, Cao Sơn và Quý Minh) là tín ngưỡng tiêu biểu của người dân làng nghề chế tác đá ở Ninh Vân. Tản Viên Sơn Thánh được coi là “Đệ nhất phúc thần” của nước Việt, đứng đầu trong “Tứ bất tử”. Tín ngưỡng thờ ngài ở Ba Vì đã lan tỏa, có sức sống lâu bền từ đời này qua đời khác, từ đồng bằng lên miền núi. Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn (còn gọi là Sùng Công) và Quý Minh (còn gọi là Hiền Công), tuy là 3 vị thần riêng biệt, nhưng trong tư duy của người Việt thời kỳ tiền sử và sơ sử, 3 vị thần này đều là thần núi, mang tư cách “tam vị nhất thể”, là các anh hùng văn hóa gắn với việc khai mở châu thổ Bắc Bộ và câu chuyện chống lũ lụt, giúp dân làng bảo vệ mùa màng. Tín ngưỡng thờ đức Thánh Tản đã lan tỏa tới vùng đất Ninh Bình và được cộng đồng dân cư đón nhận, thờ phụng như một vị thần tiêu biểu trong hệ thống thần linh, có vai trò quan trọng trong trị thủy và các lĩnh vực về đời sống của người dân vùng chân núi Ba Vì. Ở Ninh Bình, ngoài các đền thờ ở Ninh Vân, thần núi Tản Viên còn được thờ ở một số di tích khác, như: đền Hải Đức (Khánh Cường, Yên Khánh), đền Đông Thịnh (Bích Đào, thành phố Ninh Bình)... Với người dân Tam thôn, việc thờ Tản Viên Sơn Thánh không chỉ phản

ánh ước vọng chung của người dân nông nghiệp Bắc Bộ trong việc trị thủy, mà còn mang ý nghĩa phong phú hơn liên quan đến nghề nghiệp. Người Việt xưa quan niệm, mỗi vùng trong tự nhiên đều có thần linh cai quản, “đất có thổ công, sông có hà bá”, cho nên, với đặc điểm địa bàn sinh sống gắn với núi đá, đặc biệt nghề thủ công nghiệp gắn với việc khai thác đá, người dân Ninh Vân thờ Tản Viên Sơn Thánh như một sự biết ơn vị thần cai quản vùng núi. Bên cạnh đó, quá trình khai thác, vận chuyển đá trước đây thô sơ, chủ yếu dựa vào sức người thợ là chính, nên việc khai thác rất nguy hiểm, cho nên người dân Ninh Vân thờ thần núi để cầu mong được bình an trong quá trình lao động, sản xuất. Như vậy, trước khi có Tổ nghề, Thánh Tản Viên được người dân Tam thôn thờ phụng như một vị thần bảo trợ cho nghề nghiệp.

Trong truyền thuyết dân gian, Thánh Tản Viên đã dạy dân trồng lúa, làm ruộng, mở lễ hội, săn bắn, kéo vó, luyện võ, dệt lụa, múa hát... Những truyền thuyết này hiện còn rất phổ biến trong tâm thức của người dân vùng chân núi Ba Vì. Vì thế, ở một mức độ nào đó, có thể thấy, Thánh Tản Viên còn được người dân Tam thôn thờ như một ông Tổ của một trong “bách nghề”, đó là nghề chế tác đá, phù hợp với lịch sử và nhu cầu tín ngưỡng.

Trong tam vị Đức Ông, Quý Minh Đại Vương còn được dân các làng Thượng, Hệ, Phú Lãng, Xuân Vũ, Thiên Dưỡng tôn làm Thành hoàng. Do đó, việc người dân nơi đây thờ vọng Quốc Tổ Hùng Vương, có thể được xuất phát từ một quy luật, một nguyên tắc trong thờ cúng, đó là thờ con thì phải thờ cha. Vì Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh hay Nguyệt Nga công chúa đều là con cháu của Hùng Vương thứ mười tám nên khi thờ phụng các vị này nhất thiết phải thờ Vua Hùng. Đó là đạo lý, mang lại ý nghĩa trọn vẹn trong việc thờ cúng. Trong truyền thống ở Ninh Vân có đền, đình thờ các vị thần Quốc Tổ Hùng Vương, Cao Sơn và hai tướng lĩnh của ngài cùng công chúa Nguyệt Nga - con Vua Hùng. Tuy nhiên, các đền thờ được xây dựng ở một địa bàn có nhiều núi đá, vì vậy, hầu hết các vị thần được thờ chính ở nơi đây là thần núi - Cao Sơn Đại Vương. Có thể, trong tâm thức của người dân từ thời xa xưa đã đề cao vị thần cai quản vùng nguyên liệu đá, đồng thời trong quan niệm người dân nơi đây, ngài được người

dân vùng chân núi Ba Vì suy tôn là vị Tổ nghề. Tín ngưỡng là một loại hình văn hóa phi vật thể, vì vậy sự biến đổi của tín ngưỡng không giống và dễ nhận biết như các giá trị văn hóa vật thể (sản phẩm của làng nghề). Có lẽ, điểm mới nhất trong tín ngưỡng ở Ninh Vân, đó chính là tín ngưỡng thờ Tổ nghề. Hiện nay, có 2 làng đưa tín ngưỡng thờ Tổ nghề vào trong đời sống văn hóa, đó là: làng Hệ và làng Xuân Vũ.

Năm 2012, dân làng Hệ xây dựng đền thờ Tổ nghề và tổ chức lễ giỗ, được xem là một nét mới trong tín ngưỡng thờ thần ở Ninh Vân. Một nét văn hóa ứng xử với người có công truyền nghề được hình thành trong tâm thức của cư dân nơi đây. Vấn đề về Tổ nghề ở Ninh Vân còn nhiều tranh cãi, nhưng đa số những người thợ đá ở làng Hệ cho rằng, Tổ nghề đá là cụ Hoàng Sùng - một thợ đá ở làng Nhôi, Thanh Hóa vào TK XVI-XVII đến Ninh Vân lập nghiệp và truyền nghề. Tại Ninh Vân hiện còn lưu lại bàn thờ Tổ nghề đá tại đình làng Hệ với sắc phong năm 1606 và năm 1680, cứ đến 15-8 (âm lịch) hằng năm, người dân làng Hệ tổ chức tế khai sơn (lễ mở cửa rừng), đó cũng có thể coi là lễ giỗ Tổ nghề. Trong văn tế có đoạn: “Cung dung Hoàng Sùng đạo đức tôn công Tổ sư”. Hiện nay, người dân chính thức suy tôn cụ Hoàng Sùng làm Tổ nghề với đền thờ riêng, mặc dù, việc cụ Hoàng Sùng có đến Ninh Vân truyền nghề hay không thì hiện chưa thấy có minh chứng hay tài liệu nào ghi chép. Việc làm này phản ánh nguyện vọng của cư dân làng nghề muốn khẳng định về cội nguồn nghề nghiệp chứ không mơ hồ như trước đây chỉ quan niệm thần Cao Sơn/ thần núi - vị thần bảo hộ cho nghề nghiệp. Người dân nơi đây cho rằng, sở dĩ xây dựng đền thờ Tổ nghề, vì từ thế hệ ông cha cho đến nay dân làng luôn ý thức về Tổ nghề, đến nay, thế hệ sau có điều kiện kinh tế thì cùng nhau góp công, góp của để xây dựng đền thờ nhằm thể hiện sự tri ân của mình với Tổ nghề [23]

Năm 2006, làng Xuân Vũ được nhận Quyết định công nhận làng nghề truyền thống của Sở Công thương tỉnh Ninh Bình, năm 2007 dân làng đã chính thức lập ban thờ Tổ nghề ngay trong đình làng. Hiện nay, dân làng Xuân Vũ tổ chức lễ giỗ Tổ nghề trong 2 ngày, chiều ngày 15-8 Ban Tổ chức lễ tiến hành công tác chuẩn bị, ngày 16 tiến hành các nghi thức tế, lễ. Ngày giỗ Tổ nghề, dân làng đến khá đông,

hầu hết các doanh nghiệp đều mang đồ lễ đến cúng tiến để tưởng nhớ và biết ơn đến vị Tổ nghề đã truyền nghề cho con cháu. Sau buổi lễ, tề toàn dân tổ chức ăn cỗ, thụ lộc cùng nhau tại sân đình.

Năm 2012, làng Hệ xây dựng đền thờ Tổ nghề và tổ chức lễ giỗ vào ngày 15-8, bởi đây là ngày mất của Hoàng Sùng. Giỗ Tổ nghề là dịp quy tụ tất cả các thợ đá, không chỉ ở Tam thôn mà còn ở cả xã Ninh Vân.

Có thể thấy rằng, sự biến đổi trong tín ngưỡng thờ Tổ nghề ở làng Hệ và làng Xuân Vũ xuất phát từ nhu cầu khẳng định bản sắc truyền thống cũng như bề dày truyền thống trong nghề của nhân dân Ninh Vân, là biểu hiện của tinh thần “uống nước nhớ nguồn”. Sự biến đổi trong tín ngưỡng Tổ nghề cũng là biểu trưng cho tiến trình tạo dựng và sáng tạo truyền thống của người thợ làm nghề.

2.3.1.2 Biến đổi trong lễ hội

Hội làng là nét sinh hoạt cộng đồng trong làng xã người Việt nói chung, như là một biểu hiện chính của kết cấu làng xã cổ truyền Việt Nam về mặt văn hoá. Trong những năm gần đây, trước bối cảnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá với chủ trương, đường lối nhằm giữ gìn, bảo tồn những giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc trước xu thế hội nhập quốc tế, các lễ tiết, đặc biệt là lễ hội truyền thống ở Ninh Vân được quan tâm phục dựng, tổ chức trang trọng với nguồn kinh phí dồi dào, ngày càng đầy đủ và đẹp hơn làm phong phú hơn đời sống văn hóa của người dân Việt. Bên cạnh sự tiếp nối truyền thống, các lễ tiết và thực hành nghi lễ được tổ chức theo hướng giản lược hơn về quy mô cũng như thời gian. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, tốt đẹp trong việc phục hồi và phát huy lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội đương đại thì cũng không ít các vấn đề nảy sinh cần phải nhìn nhận lại và tìm cách khắc phục để những giá trị tinh hoa của lễ hội cổ truyền được đẩy mạnh và phát huy, khắc phục dần các hạn chế, tiêu cực, hủ tục trong các lễ hội.

Với chiều dày lịch sử của mình xã Ninh Vân nổi tiếng với các lễ hội truyền thống như lễ hội Kỳ phúc tại thôn Trán Vũ, Lễ hội thành hoàng làng tại thôn Xuân Vũ, hay lễ hội Tam thôn. Lễ hội truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

được tổ chức nhằm tôn vinh nghề truyền thống và thể hiện ước vọng của người dân về một cuộc sống ấm no và hạnh phúc.

Lễ hội Tam thôn ngoài việc tế lễ tưởng nhớ tới cội nguồn, ở đây còn diễn ra nhiều hình thức về lễ hội, trong các hình thức về hội lại có kéo chũ và đánh cầu được nhiều người tham gia. Lễ hội ở cụm di tích này thực sự mang tính truyền thống văn hóa trong vùng. Gần đến ngày lễ hội, các làng chuẩn bị chu đáo việc tu sửa, bao sái thờ tự, kiệu, các loại đường đi, luyện tập các tiết mục: múa rồng, múa lân, kéo chũ, đánh cờ người, ...

Sự biến đổi của lễ hội tam Thôn hiện nay diễn ra trên nhiều phương diện.

Thứ nhất, về kế hoạch tổ chức lễ hội Tam thôn: Đây là lễ hội cấp làng xã song nằm dưới sự quản lý của ngành Văn hóa cấp tỉnh, huyện. Hiện nay, việc tổ chức lễ hội này phải có sự đồng ý, cho phép của lãnh đạo chính quyền xã Ninh Vân và Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Hoa Lư, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình. Việc làm này được thực hiện theo Nghị định 110 với mục đích nhằm đảm bảo lễ hội Tam thôn được diễn ra trang trọng, ý nghĩa và thiết thực.

Thứ hai là về thời gian tổ chức lễ hội: Lễ hội Tam thôn được tổ chức mỗi năm một lần vào dịp hội đền Hùng (Vĩnh Phú), trước đây kéo dài từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 3 âm lịch, những năm gần đây rút xuống còn hai ngày 10 và 11. Mọi hoạt động chuẩn bị cho lễ hội này được những người dân của 3 thôn (Côn Lãng Thượng, Côn Lãng Hạ và Phú Lãng) được cử ra để thực hiện từ ngày mùng 8-3 âm lịch. Việc điều chỉnh thời gian tổ chức lễ hội phù hợp với quy định của Nhà nước về quy mô, sự phân cấp quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống hiện nay.

Thứ ba, về quy mô tổ chức lễ hội: Ngày nay, tín ngưỡng thờ Vua Hùng cùng các vị tướng lĩnh trong lễ hội Tam thôn mang tính bái vọng, tượng trưng và mang đặc điểm, quy mô của lễ hội cấp làng, xã. Theo đó mọi hoạt động trong lễ hội này, lãnh đạo địa phương giao cho Ban Quản lý di tích cấp xã đứng ra thành lập Ban Tổ chức lễ hội và trực tiếp chỉ đạo, điều hành, phân công nhân lực thực thi, trong đó chú trọng đến hoạt động rước, tế và hoạt động hội (vừa có tính truyền thống, vừa có tính hiện đại).

Thứ tư, về cấu trúc của lễ hội, lễ hội Tam Thôn gồm có hai phần: Phần Lễ và phần Hội:

Phần Lễ: Sáng ngày 10 tháng 3, các làng rước kiệu và đón hội tại đền Kê Thượng. Mỗi làng phải rước ba cỗ kiệu gồm kiệu bát công, kiệu song hành và kiệu võng. Làng Côn Lãng còn rước kiệu thượng rước kiệu vào trước rồi đến làng Côn Lãng Hạ và làng Phú Lãng. Khi kiệu đã vào đám sẽ đến tế yên và về tế ky (giỗ), do đại diện các làng vào tế, sau đó lại lần lượt các làng vào tế riêng lễ của làng mình, sau đó kiệu lại rước đến đền Kê Hạ và đền Miếu Sơn. “Phần Lễ được tổ chức long trọng và trang nghiêm, thể hiện lòng thành kính của nhân dân trong vùng, với tâm nguyện một năm mưa thuận gió hòa, bình an may mắn. Các nghi thức tế lễ được chuẩn bị chu đáo, chủ tế được chọn là vị cao niên có uy tín trong làng, đội ngũ rước kiệu được tuyển chọn kỹ càng, là những thanh niên khỏe mạnh, ngoại hình đồng đều, đảm bảo cho việc tế lễ được diễn ra thuận lợi”. [23]

Phần Hội: Sau khi xong phần Lễ, các trò chơi dân gian được tổ chức thu hút đông đảo sự quan tâm của nhân dân địa phương và du khách đến tham dự. Các vị cao niên trong làng Thượng cho biết, vì lễ hội Tam thôn tưởng nhớ các vị anh hùng, tướng lĩnh, nên trước đây có nhiều trò mang tính quân sự, trận mạc, tiêu biểu như: môn kéo chữ, múa rồng, múa lân, đánh đu, đánh lêu, hát ca công châu thánh và những trò chơi khác, thi bóng chuyền, cờ tướng, bóng bàn...

Thi kéo chữ: Đây là trò chơi không chỉ tái hiện hình ảnh các tướng lĩnh của Vua Hùng kéo quân, bày binh bố trận, mà còn mang tính cộng đồng cao, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó của người dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Trò này do 3 làng tổ chức, tùy theo sự lựa chọn các chữ kéo của mỗi làng. Có làng chọn 2 chữ “Thái Bình”, “Bái tạ”, có làng chọn 4 chữ “Thiên hạ Thái Bình”, “Thánh Thọ vô Vương” hoặc “Nhân dân cộng lạc”. Đội quân kéo chữ của các làng thường có từ 60-70 người. Hình thức kéo chữ tượng trưng cho việc luyện tập quân sự để bảo vệ bình an cho đất nước.

Đánh lêu: Là trò chơi khá độc đáo diễn ra trong hội đền Kê Thượng, Kê Hạ và Miếu Sơn và chỉ ở đây mới có trò chơi này. Theo các cụ cao niên, trò chơi đánh lêu được tổ chức ngay cạnh khu đền Thượng. Từ xưa đến nay, các nghi thức, nghi

lễ cơ bản vẫn được bảo tồn, tuy nhiên có một số trò chơi, trò diễn đã có sự biến đổi/thay đổi. Lễ hội Tam thôn tuy giữ nguyên tại địa điểm và không gian tổ chức, song, các phương diện như thời gian, kế hoạch, nghi thức, nghi lễ, trò chơi, trò diễn, kinh phí tổ chức đã có sự thay đổi so với trước đây. Mặc dù có những thay đổi cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, song những những giá trị truyền thống văn hóa của Lễ hội Tam Thôn vẫn được gìn giữ, phát huy, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của người dân.[23]

Những thay đổi trong việc tổ chức trò chơi tại lễ hội: Hiện nay, lễ hội Tam thôn không còn nhiều trò chơi trò diễn dân gian như trước (khoảng 20 năm trở lại đây, các trò chơi, trò diễn dân gian như kéo chữ, đánh lệu, xây đền Cổ Loa, chọi gà, tổ tôm... không còn được tổ chức). Tuy trò chơi kéo chữ không còn được diễn ra tại lễ hội Tam Thôn, nhưng hàng năm, tại lễ hội truyền thống Cổ Đô Hoa Lư, làng Ninh Vân vẫn cử đội chơi Kéo Chữ đến tham gia. Tại lễ hội Tam thôn, nguyên nhân, một phần do nguồn tư liệu phục dựng chưa thống nhất để có thể khôi phục (đánh lệu, xây thành Cổ Loa), một phần do một số trò chơi dễ bị biến tướng sang hình thức cá độ thắng thua (tổ tôm, chọi gà) nên địa phương không muốn phục hồi. Theo tư liệu hồi cố của người dân ở 3 làng cho biết, trong khoảng 5 năm trở lại đây, lễ hội Tam thôn đã diễn ra một số trò mới như: bóng chuyền, bóng đá...[23]

Việc tổ chức lễ hội thể hiện đúng mục đích và hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân cư, bày tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với các bậc tiền bối đã có công lao trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, giáo dục truyền thống yêu nước, niềm tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của quê hương, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ năm, về thành phần tham dự lễ hội: Ngày nay, ngoài người dân của 3 thôn, khách thập phương về tham gia lễ hội ngày càng đông. Họ là những bạn bè, đồng nghiệp của con em địa phương được mời về dự lễ, là những khách du lịch muốn có những trải nghiệm về văn hóa vật thể, phi vật thể của làng đá Ninh Vân, bên cạnh đó là nhiều người dân ở các xã lân cận cũng đến để xem hội... Theo thống kê của Ban Tổ chức lễ hội Tam thôn năm 2018, lễ hội thu hút được

trên 1.000 lượt người tham dự, trong đó có khoảng 75% là người của 3 thôn, khoảng 15% là người dân các thôn khác trong, ngoài xã Ninh Vân và khoảng 10% là khách hàng, khách du lịch.

Thứ sáu, về kinh phí tổ chức lễ hội: Ngày nay, kinh phí tổ chức lễ hội được lấy từ 2 nguồn: thứ nhất, là đóng góp của các hộ gia đình tại 3 thôn theo mức thu quy định và nguồn các doanh nghiệp trên địa bàn “công đức”; thứ hai, quỹ lễ hội thu được của năm trước. Theo thông tin từ hiệp hội làng nghề đá Ninh Vân, năm 2018 có khoảng gần 40 doanh nghiệp đóng góp, ủng hộ kinh phí cho việc tổ chức lễ hội Tam thôn, trong đó có một số doanh nghiệp lớn đóng góp từ 10-50 triệu đồng, tiêu biểu như doanh nghiệp Mỹ nghệ Đức Chiến, doanh nghiệp Mỹ nghệ Kim Đô, doanh nghiệp Mỹ nghệ Minh Quyền, doanh nghiệp Mỹ nghệ Ngân Sơn...

Có thể nhận thấy, lễ hội Tam thôn hiện nay đã có một số thay đổi so với trước đây. Những biến đổi/ thay đổi nêu trên để phù hợp hơn với bối cảnh kinh tế, công ăn việc làm cũng như đặc điểm nghề nghiệp của dân làng trong xã hội hiện đại. Một điều dễ nhận thấy, là những biến đổi trong lễ hội Tam thôn chủ yếu diễn ra ở hình thức biểu hiện, còn các giá trị, ý nghĩa về văn hóa, tín ngưỡng truyền thống vẫn được lưu giữ trong tâm thức của người dân nơi đây. Lễ hội truyền thống đã góp phần giới thiệu về lịch sử, truyền thống văn hóa của quê hương. Từ đó góp phần bồi đắp, phát huy tinh thần yêu nước, khơi dậy, nuôi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hóa, lịch sử, của quê hương trong thế hệ trẻ và các tầng lớp nhân dân.

Bên cạnh đó còn có hội làng Xuân Vũ được tổ chức vào ngày 12, 13 tháng Giêng âm lịch hàng năm tại Đình làng Xuân Vũ. Thường hội làng diễn ra trong ba ngày, cùng với các sinh hoạt tế lễ và văn hoá văn nghệ dân gian giải trí lành mạnh như hội Tam thôn. Hội làng Xuân Vũ từ lâu đã trở thành nếp sinh hoạt văn hoá truyền thống không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Mỗi người con làng Xuân Vũ hiện nay vẫn đều khắc ghi câu ca:

*“Sinh ra trên đất làng Xuân
Truyền đời nhớ lễ trung tuần tháng Hai”*

Ngày nay hội làng Xuân Vũ vẫn được tổ chức gồm hai phần Lễ và Hội. Phần lễ diễn ra rất trang trọng ở Đình làng với các nghi lễ tế lễ và rước kiệu được chính các bậc cao niên và người dân trong làng thực hiện. Ngay từ sáng sớm ngày 12 Lễ chính với đoàn rước thần Chủ đã diễn ra tới khắp các ngã đường, đội hình lân, sư, dàn bát âm, khinh trượng, kiệu thần chủ, kiệu lư hương về tới đình làng để làm lễ. Cờ trống đi trước, dàn nhạc phát âm theo sau, trai thanh gái lịch phù kiệu, ông già bà cả thành tâm tiến thân. Phần hội gồm tổng thể những sinh hoạt văn hoá dân gian, là dịp thể hiện những văn hoá cộng đồng. là phần để cho nhân dân được vui chơi giải trí. Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại từ các trò chơi dân gian truyền thống đến các hoạt động văn nghệ dân gian đã tạo nên bản sắc riêng cho hội làng. Các trò chơi đều mang ý nghĩa rèn luyện sức khoẻ, khuyến khích tinh thần thượng võ, tăng cường đoàn kết xóm làng đồng thời thể hiện nét tài hoa khéo léo của người nông dân. Cùng các hoạt động sôi động như cờ tướng, đập niêu, chọi gà, tổ tôm và những hoạt động khác thu hút đông đảo người tham gia như bóng chuyền, kéo co tạo nên không khí vui tươi của hội làng. Bên cạnh các hoạt động vui chơi, hội làng còn gắn kết những sinh hoạt văn hoá hết sức độc đáo như trình diễn các tiết mục hát chèo do chính người dân trong làng thể hiện.

Thời gian thay đổi, Xuân Vũ giờ đây đã khác xưa nhưng vẫn giữ được những nét đẹp truyền thống văn hoá làng xã gắn bó từ bao đời. Là cầu nối truyền thống giữa xưa và nay tạo nên một bức tranh làng quê hồn hậu, thanh bình. Dòng thời gian vẫn không ngừng chat, lớp lớp thế hệ con cháu trong làng Xuân Vũ vẫn luôn bảo tồn những giá trị văn hoá tốt đẹp đó để hội làng vẫn được sáng lên mỗi dịp xuân về.

Hội làng ở Ninh Vân ngày nay thêm đông vui, nhộn nhịp hơn, những người ở làng đi làm ăn xa, những cô gái đi lấy chồng xa cũng tìm đủ mọi cách để đúng ngày về dự hội làng, hoặc chí ít cũng gửi tiền lễ về cho hội làng để tỏ lòng thành kính. Ngoài ra trước đây, người tham dự lễ hội thường là người dân địa phương và các xã, huyện lân cận như: xã Ninh Hải, Ninh Thắng, Ninh An... (huyện Hoa Lư, Ninh Bình);. Ngày nay, lễ hội còn thu hút được sự tham gia của người dân ở cả vùng, liên vùng, vì vậy, vào dịp lễ hội diễn ra lượng người đến tham dự nhiều

đã gây ra tình trạng quá tải, thể hiện ở việc trông giữ xe, phân luồng xe và vệ sinh môi trường. Với nền khoa học công nghệ phát triển, người dân tham dự lễ hội ngoài việc quan sát, chiêm bái, cầu nguyện... còn sử dụng các phương tiện công nghệ như điện thoại thông minh, máy quay, máy ảnh kỹ thuật số để chia sẻ những hình ảnh, video trực tiếp từ hoạt động lễ hội qua các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, YouTube, Viber... để những người không tham gia trực tiếp đến lễ hội vẫn có thể quan sát, tham dự được. Như vậy, không gian lễ hội truyền thống ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân không chỉ giới hạn ở phạm vi làng, mà còn được mở rộng hơn thành “siêu không gian”.

2.3.2 Biến đổi phong tục, tập quán

Khi thời thế thay đổi, các phong tục tập quán dù là truyền thống nhất của Việt Nam cũng phải có những sự điều chỉnh nhất định để phù hợp với thời đại. Hiện nay, làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân một mặt vẫn duy trì, bảo tồn nhiều tục lệ truyền thống song mặt khác đã có sự biến đổi theo xu hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa. Các phong tục trong việc cưới, việc tang vẫn tiếp nối truyền thống nhưng được cải biến theo hướng hiện đại hơn, giản tiện hơn để phù hợp với nhịp sống. Việc lựa chọn, sử dụng các loại hình dịch vụ thay vì trông cậy vào sự trợ giúp của họ hàng, xóm giềng của người dân và các hộ gia đình mỗi khi có công việc cũng có xu hướng gia tăng. Việc tổ chức ăn uống trong các đám cưới, đám ma có xu hướng giảm dần.

2.3.2.1. Biến đổi trong việc hôn nhân

Trước kia theo lệ làng việc dựng vợ gả chồng cho con cái là do cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Việc xem tuổi xem đôi trai gái có hợp với nhau hay không Người con gái được cha mẹ chồng định chọn cần “tam hợp”, tránh “tứ hành xung”. Sau khi hai bên bố mẹ xem tuổi chàng trai và cô gái thấy hợp nhau, bố mẹ hai bên sẽ bàn đến việc cưới xin với các lễ chính như: Lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới, lễ lại mặt. Ngày nay, trai gái ở Ninh Vân tự do hôn nhân, quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, được tôn trọng và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nhà nước có chính sách, biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng;

xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và thực hiện đầy đủ chức năng của mình.

Ngoài ra, ngày nay, hôn nhân được hiểu thiên về chuyện cá nhân, riêng tư của mỗi người nhiều hơn trước nên một số tục lệ được điều chỉnh để phù hợp với thực tế. Để cho quan hệ vợ chồng đời đời bền vững, theo sách Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam của GS-TS Trần Ngọc Thêm thì khi cưới, đôi vợ chồng trẻ thời Hùng Vương có tục trao cho nhau nắm đất và gói muối. Nắm đất tượng trưng cho lời nguyện gắn bó với đất đai - làng xóm - quê hương; gói muối là lời chúc cho tình nghĩa giữa cặp vợ chồng thêm mặn mà chung thủy.

Trong đồ lễ vật của đám cưới ngày nay ở Ninh Vân nói riêng và của người Việt nói chung tuy không dùng đất và muối nhưng cũng luôn có một loại bánh rất đặc biệt có ý nghĩa là bánh su sê. Loại bánh được đợc chệch đi của từ phu thê - mang nghĩa vợ chồng. Bánh làm bằng bột lọc, nhân gồm đường, dừa, đậu xanh, rắc thêm mè, được nắn hình tròn, đặt trong một hộp vuông làm bằng lá dứa úp khít vào nhau. Bánh su sê với hình vuông tròn như một biểu tượng của triết lý âm dương, biểu tượng của sự hòa hợp, vẹn toàn...

Ngoài ra, dù thười gian có thay đổi nhưng trang phục cưới truyền thống của cô dâu Việt tại đây không bao giờ thiếu tà áo dài. So với áo dài thường, áo dài cưới được may với loại vải có chất liệu cao cấp hơn, màu sắc cũng tươi sáng, rực rỡ hơn như: màu đỏ, vàng, hồng, trắng... Một số áo dài cưới được may cầu kỳ, cách điệu cho phù hợp với xu hướng thời trang, nhưng chung quy vẫn giữ được những nét cơ bản của tà áo dài, tôn vinh sự duyên dáng, nữ tính của người mặc nó. Trong nghi thức lễ ăn hỏi, chú rể cũng diện trang phục áo dài, đồng bộ với cô dâu.

Ngày nay, trai gái ở Ninh Vân tự do hôn nhân, việc mời cưới rất rộng, cỗ cưới được đặt sẵn, quà mừng cưới là tiền, rước dâu bằng xe ô tô dù khoảng cách gần. Để tiết kiệm được thời gian, người Ninh Vân tổ chức ăn cưới sớm vào 8 giờ sáng. Đoàn thanh niên tại đây cũng đã vận động phong trào “Đám cưới không khói thuốc” đến nay hầu hết các đám cưới đã giảm đáng kể việc sử dụng thuốc lá, có nhiều thôn đám cưới đã không còn người hút thuốc lá, việc ăn uống cũng giảm

một phần, chương trình tổ chức lễ thành hôn đơn giản gọn nhẹ vui tươi. Tuy vậy, việc cưới ở Ninh Vân cơ bản vẫn giữ được những lễ nghi phù hợp với truyền thống.

2.3.2.2. *Biến đổi trong việc tang ma*

Về cơ bản, các thủ tục trong việc tang vẫn được duy trì, những tiết chính vẫn diễn ra theo đúng trình tự xưa. Các hủ tục dần xóa bỏ, không còn tình trạng “người mất, lợn ngả theo”. Người Ninh Vân vẫn chưa quen việc hỏa táng, nhiều gia đình khi bố mẹ mất đi, coi trọng việc mời thầy địa lý về xem đất để đặt mộ; mua đất xí phần...

Về nghi lễ trong đám tang: cả truyền thống và hiện đại thì khi cha mẹ mất người làng Ninh Vân vẫn thực hiện theo nghi thức “cha đưa, mẹ đón”. Khi cha chết, con trai mặc áo xô, quần dây chuỗi ngang lưng, đầu đội mũ rom, mang khăn xô, chông gậy tre, đi cùng chiều trước quan tài. Người Ninh Vân khi cha chết dùng gậy tre, mẹ chết dùng gậy vông vì theo quan niệm người xưa cho rằng trời tròn, đất vuông (như trong sự tích bánh giầy, bánh chưng). Theo thuyết Âm dương, gậy tre tròn tượng cho trời, trời thuộc về dương, chỉ người cha. Gậy vông vuông tượng trưng cho đất, đất thuộc về âm, chỉ người mẹ. Vì thế, đưa tang cha chông gậy tròn, đưa tang mẹ chông gậy vuông là một cách biểu trưng hiếu đạo, xem trọng công đức sinh thành bằng trời bằng đất.

Trước kia tang ma tại Ninh Vân còn có nhiều hủ tục như cha mẹ chết con gái, con dâu phải lặn đường, con cái đi chân trần trong suốt thời gian tổ chức lễ tang nay đã bỏ. Trong đám tang xưa còn có thực hiện các nghi lễ như lễ mộc dục, lễ phạn hàn sau đó sẽ tổ chức nhập quan, nghi lễ kèn trống mới được nổi lên, con cháu họ hàng bắt đầu vào phúng viếng. Sau khi chôn cất xong hàng tuần con cháu sẽ làm lễ cúng thất tuần tiền vong linh người mất. Sau vài năm gia đình sẽ làm lễ cải táng và từ đó gia đình sẽ không được động chạm vào phần mộ của người quá cố nữa. Ngày nay một số nghi thức trong đám tang được người dân Ninh Vân giản lược đi, lễ mộc dục ngày nay chỉ tiến hành lau qua người cho người chết được sạch sẽ, lễ phạn hàn chỉ để một chút vàng vào miệng người chết nếu gia đình khá giả chứ không để 3 đồng tiền xu như trước.

Xã hội ngày càng tiên bộ, văn minh hơn hiện nay, toàn xã đã hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư” nay là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá nông thôn mới - đô thị văn minh” phối hợp với Đoàn thanh niên và các tổ chức thành viên phát động nhiều các phong trào thi đua yêu nước. Vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, hiện nay hầu hết các đám tang đã bỏ được hầu hết các hủ tục mê tín dị đoan, bỏ hẳn việc mời gọi ăn uống linh đình trong đám tang, bốc mộ, vận động nhân dân thay đổi cách mai táng như chôn một lần, hoả táng để giảm bớt tình trạng thiếu đất và ô nhiễm môi trường cũng như tối giản bớt các nghi thức rườm rà, trong 3 năm phát động mô hình “Đám hiếu văn minh” đã có nhiều đám tang hoả táng người quá cố được dư luận nhân dân đồng tình ủng hộ.

Theo thời gian những biến đổi trong việc tang ma được người dân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân được thực hiện một cách tự giác, dần trở thành những phong tục được đông đảo mọi người dân nơi đây làm theo.

2.4 Biến đổi nghề đá mỹ nghệ truyền thống

2.4.1 Biến đổi quy trình sản xuất đá mỹ nghệ

Quy trình chạm khắc đá phải qua rất nhiều công đoạn:

- Công đoạn 1: Tách đá từ núi bằng phương pháp khoan lỗ bắn mìn. Người thợ đá Ninh Vân rất có kinh nghiệm chọn đá dùng làm sản phẩm, căn cứ vào kích cỡ to nhỏ của sản phẩm cần chế tác ra sao thì người thợ đá sẽ xác định những lớp, tầng, phiến đá cần sử dụng.

- Công đoạn 2: Đá sau khi được tách thành từng khối sẽ được đưa vào máy xẻ to để xẻ thành đá loại 2. Công đoạn này được tiến hành bằng loại máy cỡ lớn (đường kính lưỡi cắt > 1m). Khi cắt đá có nước phun.

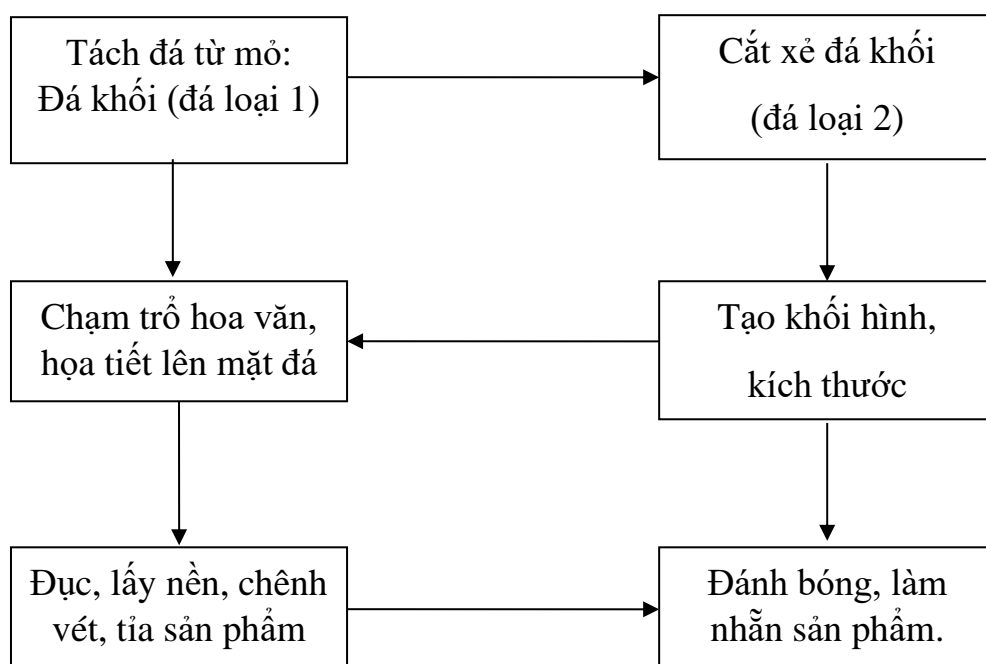
- Công đoạn 3: Sau khi đá sẽ được chuyển về xưởng sản xuất. Tại đây, đá loại 2 được chế tác thành các sản phẩm thông qua các công đoạn.

Tùy theo sản phẩm kích thước thì người thợ sử dụng loại máy cắt nhỏ cầm tay (có lưỡi cắt > 20cm). Để cắt đá theo kích thước loại máy này thường được gọi

là máy bô. Khi cắt có phun nước để giảm bụi nhưng lượng nước nhỏ nên tỉ lệ bụi vẫn lớn.

- Công đoạn 4: Sau khi cắt sang phân thô: để mài mặt phẳng, cắt các đường cắt nhỏ tạo hình thì dùng loại máy con nhỏ hơn (đường kính lưới 15 cm). Công đoạn này là công đoạn mài tạo hình, làm nhẵn sản phẩm và thường xuyên thải bụi đá khô phát tán vào môi trường không khí.

- Công đoạn 5: Công đoạn chạm trổ. Dựa trên các điểm và mặt phẳng nguyên liệu đã chọn thợ bắt đầu đục phác thảo sơ bộ hình dáng sản phẩm ở dạng thô. Tiếp theo là sử dụng bút cạo hay bút khắc, cũng có khi là bút mực, phân màu vẽ phóng tác hình dáng, hoa văn lên bề mặt thiết diện của phom đá cần chế tác, hoa văn lên mặt đá. Sử dụng loại máy cỡ nhỏ (máy dùi) loại lưới cắt nhỏ 2-2,5 cm. Người thợ sẽ cắt theo màu in vào đá.



Sơ đồ 2.1. Các công đoạn chế tác đá mỹ nghệ

(Nguồn: Đề tài NCKH “Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân” – Hoàng Việt Hưng – Trường Đại học Hoa Lư)

- Công đoạn 6: Lấy nền. Sau khi đã chạm hoa văn lên mặt phẳng người thợ sẽ dùng đục thon, búa bằm để đục, trổ những phần thừa, qua đó làm nổi lên những hoa văn, họa tiết.

- Công đoạn 7: Công đoạn chên, vét, tĩa. Sau khi trở nên xong, các hoa văn, họa tiết nổi lên, người thợ dùng máy dùi, máy con để chên, vét, mài, làm nổi hẳn hình khối, đường nét hoa văn.

- Công đoạn 8: Lấy màu đánh bóng sản phẩm. Được tiến hành bằng loại máy con những với lưỡi bằng lưỡi đá mài và chổi cọ bằng sắt. Công đoạn này làm bóng nhẵn sản phẩm.

Đối với những công trình kiến trúc hoặc một số sản phẩm là những mảnh rời rạc thì cần phải có nhóm thợ chuyên lắp ghép đến địa điểm công trình để lắp ghép, dựng các mảnh sản phẩm rời rạc thành sản phẩm công trình hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, nếu muốn gìn giữ bản sắc nghề truyền thống từ lâu đời và phát triển lâu dài thì nhất thiết phải có bàn tay con người mới điều khiển được. Theo anh Dương Minh Trung – một nghệ nhân chế tác đá mỹ nghệ chia sẻ: "Máy móc hiện đại cho năng suất cao, ví dụ như vận chuyển, nâng hạ, tạo thô, máy cắt CMC chỉ tạo được các đường cơ bản, nhưng tỉ mỉ từng chi tiết thì nhất thiết phải dùng đến bàn tay con người thì sản phẩm mới thật và mới đẹp mắt".

2.4.2 Biến đổi công cụ làm nghề

Trong số những biến đổi của lĩnh vực văn hoá vật chất thì biến đổi công cụ làm nghề của người thợ là rõ rệt nhất. Thông qua phương pháp điền dã và phỏng vấn nhóm tác giả đã nhận thấy sự biến đổi cơ bản của công cụ làm nghề của người dân làng đá mỹ nghệ Ninh Vân như sau:

Trước đây, hầu hết đều được đục đẽo hoàn toàn thủ công bằng tay, mất rất nhiều thời gian và công sức, hiện giờ công việc này đã bớt nhọc hơn nhờ có sự tham gia của cơ khí và máy móc. Việc chế tạo ra các công cụ và kỹ năng sử dụng công cụ chế tác đá của các thế hệ trước được các thế hệ sau ứng dụng có hiệu quả và không ngừng sáng tạo ra các công cụ mới hữu dụng hơn trong quá trình tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh hơn, tinh tế hơn, đem đến thời gian hoàn tất tác phẩm nhanh hơn từ 1 năm xuống còn 4 tháng. Ngày nay, nguồn điện được đưa vào sản xuất, việc khai thác đá phổ biến bằng khoan điện và dần thay thế bằng máy xẻ tự động công nghệ cao. Việc chế tác đá của làng nghề cũng được hỗ trợ một phần các công cụ máy chế tác cầm tay gồm: máy xẻ các cỡ, máy dùi, máy cắt cưa, tời

kéo tự động, palăng, khoan máy cầm tay, máy mài và đánh bóng sản phẩm, máy tiện, máy rút lõi, máy làm chỉ phào, máy cầm tay (bổ, khắc, khoan, đục, đánh ráp) máy chạm khắc CNC, cân cầu các loại, xe cơ giới, xe cầu, robocon. Máy vi tính để thiết kế bản vẽ, mô hình, phối cảnh, thiết kế mẫu mã hoa văn mỹ thuật cao.

Theo anh Dương Văn Huân – Cơ sở sản xuất đá mỹ nghệ Huân Hà chia sẻ: *“Trong một số công đoạn chế tác sản phẩm, người thợ đá mỹ nghệ Ninh Vân đã sử dụng những công nghệ hiện đại, công nghệ đục đẽo chế tác các sản phẩm từ đá hiện nay đã thay đổi rất nhiều do nhờ có máy móc thiết bị hiện đại, sản phẩm đá làm ra có đường nét đẹp tinh xảo hơn, thời gian hoàn thiện sản phẩm nhanh hơn so với ngày trước làm thủ công đục đẽo đá bằng tay. Nhờ trang bị những dàn máy cắt đá hiện đại, nhiều công cụ máy cầm tay hỗ trợ, mẫu mã được vẽ, thiết kế trên máy tính, sản phẩm chạm khắc đá mỹ nghệ làng nghề Ninh Vân đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu sản phẩm đá ra nước ngoài”*.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm. Các thiết bị máy móc hiện đại được sử dụng trong nghề điêu khắc đá Ninh Vân hiện nay đa số được nhập khẩu từ Nhật Bản, Đài Loan, Đức đã góp phần nâng cao hiệu quả lao động của thợ thủ công.

2.4.3 Sản phẩm và thị trường tiêu thụ của nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá

Hiện nay, các sản phẩm của nghề đá Ninh Vân rất đa dạng, nhiều về số lượng và chủng loại có thể chia ra như sau:

Nhóm sản phẩm phục vụ sản xuất: những chiếc cối đá, xay, con lăn trục lúa... Ngày nay những sản phẩm này không còn phổ biến như trước, do có sự thay đổi về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

Nhóm sản phẩm phục vụ đời sống sinh hoạt: đây là những sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, nhưng khi được tạo tác trên chất liệu đá, một mặt nó đem lại sự vững chắc và bền bỉ cùng thời gian, mặt khác nó cũng đem lại một vẻ đẹp độc đáo, khó nhầm lẫn so với các sản phẩm làm từ vật liệu khác. Đó là những nhíp lan can trạm trở hoa lá, xen kẽ ô thủng cùng những viên đá lát vuông

ván đầy nét cổ kính của những cây cầu bắc qua các con sông nhỏ, tạo nên một vẻ đẹp thân thương, gần gũi hơn. Hay như những bộ bàn ghế đá cổ kính được làm bằng đá xanh, đá vàng được những nghệ nhân Ninh Vân tạo tác với đa dạng những mẫu mã, kích cỡ: bàn tròn, bàn ghế thân trúc (bộ bàn ghế được tạo tác với các tay ngang, phần chân kiểu giống như các đốt trúc), bàn ghế thân cây giả cổ (bàn được tạo dáng như một gốc cây cổ thụ, xù xì với nhiều hang hốc, ghế được chế tác như những miếng ván gỗ xẻ ra từ những thân cây, phần chân ghế tựa như các cành cây cong queo nhưng đầy tính mỹ thuật) sản phẩm này chủ yếu dành cho các không gian nhà vườn của những khu biệt thự rộng lớn hay phục vụ thú vui chơi đồ đá của nhiều khách hàng.

Bên cạnh những biển hiệu quảng cáo bằng đèn led thông dụng hiện nay, nhiều doanh nghiệp, công ty đã chọn đá làm biển quảng cáo, đó là những khối đá lớn được mài nhẵn mặt, trên đó có chạm khắc tên, thông tin về công ty, doanh nghiệp đó với những kiểu dáng và mẫu mã rất độc đáo, bền vững có tuổi thọ lâu dài. Ngày nay, trong quá trình xây dựng các công trình kiến trúc, sản phẩm đá cũng được rất nhiều người ưa chuộng, nó được sử dụng để làm bậc cầu thang, bàn bếp... Năm bắt được nhu cầu đó, nhiều doanh nghiệp, công ty chế tác đá ở Ninh Vân đã tập trung sản xuất nhiều sản phẩm đá để phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng, những khối đá xanh với những vân đá đẹp mắt được xẻ mỏng, mài nhẵn, đánh bóng đã được rất nhiều người lựa chọn và bán rất chạy.

Nhóm sản phẩm chạm khắc đá mỹ nghệ: đây cũng là mặt hàng chiếm số lượng lớn tại các làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân. Những bức tranh bằng đá được thể hiện với nhiều đề tài khác nhau: tứ quý, tứ linh, ngũ hạc quần tùng, long vân khánh hội, cảnh làng quê... với đầy đủ kích thước và kiểu dáng (hình vuông, hình chữ nhật, cuốn thư, rẻ quạt, thân cây...). Đề tài tứ quý thường được thể hiện phổ biến ở các công trình kiến trúc, tôn giáo được xây dựng bằng chất liệu gỗ, nhưng với chất liệu bằng đá thể hiện đề tài này thành công cần có sự công phu, sáng tạo của nghệ nhân. Tùng, cúc, trúc, mai được thể hiện trên đá ở Ninh Vân đã thể hiện được đặc điểm của từng loại cây với các biểu tượng: tùng -

người quân tử, trúc - sự ngay thẳng, cúc - sự vận hành của thời gian, mai - sự thanh cao, khí tiết, đã được thể hiện với những đường nét uốn lượn mềm mại.

Để có được một sản phẩm đá mỹ nghệ đẹp, được khách hàng ưa thích thì người thợ đá Ninh Vân ngoài tay nghề tài hoa ra thì còn một yếu tố nữa quyết định: đó chính là tâm tư, tình cảm của người thợ gửi gắm vào sản phẩm đó. Chỉ có như thế, sản phẩm mới mang phong cách riêng với vẻ đẹp không dễ gì nhầm lẫn với một địa phương nào khác. Cùng với sản phẩm tranh đá, còn có rất nhiều sản phẩm đá mỹ nghệ khác được người thợ Ninh Vân chế tác như: đôn đỡ chậu cây cảnh, các con vật trang trí: tỳ hưu, cóc ngậm ngọc, tượng thiếu nữ... để trang trí trong các phòng khách của mỗi gia đình hoặc các công ty, cơ quan.

Nhóm sản phẩm phục vụ nhu cầu tâm linh: đây là mặt hàng được nhiều người ưa chuộng và có doanh thu cao, bán được số lượng nhiều tại các làng nghề chạm khắc đá ở Ninh Vân. Đầu tiên, phải kể đến đó là sản phẩm lăng mộ đá, tường bao, lư hương phục vụ cho việc thờ cúng. Đây có thể coi là sản phẩm đặc trưng của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Sở dĩ, có thể nhận định như vậy, bởi trên thực tế, những sản phẩm này chiếm phần lớn về số lượng được sản xuất tại đây. Những lăng, mộ bằng đá được bày bán hai bên đường từ ngoài vào trong, kèm theo đó là các phiến đá được chế tác làm tường bao cho khu lăng, mộ, bát hương, trụ đá. Về mẫu mã, lăng mộ được làm theo kiểu chung: hai tầng tám mái với bốn góc mái vút cong tựa như tàu đao, ở bốn góc có thể trang trí hình đầu rồng tùy theo giá cả và kích thước của lăng, phần thân lăng được tạo tác 3 cửa gồm một cửa chính và hai cửa ngách ở hai bên, cửa được làm theo kiểu mái vòm, đằng trước thường có hai chiếc cột trụ nhỏ. Ở mặt trước của lăng được chạm khắc hoa văn hình rồng phượng xen kẽ họa tiết lá lật, phía trong của lăng có một khoảng nhỏ đủ để một bát hương và phần bia mộ. Lăng được thiết kế hình chữ nhật để bao trùm phần mộ của người đã khuất. Ngày nay, khi cuộc sống dần được cải thiện, thế hệ đi sau không quên ơn ông bà tổ tiên, những người đã cả đời chịu vất vả, hy sinh để con cháu đời sau được hưởng ấm no, hạnh phúc, cũng là lúc họ thể hiện lòng biết ơn bằng cách xây sửa lại phần mộ cho to đẹp, đàng hoàng hơn. Với mục tiêu đó, nhiều gia đình, dòng họ đã tìm đến lăng, mộ đá của các làng nghề

chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân để chọn mua những sản phẩm phù hợp với nhu cầu của gia đình hay dòng họ. Nếu là mộ ông bà tổ tiên trong gia đình, có thể mua những lăng, mộ có kích thước vừa, nhỏ nhưng đối với phần mộ tổ của các dòng họ lớn, các chi, ngành thì thường là những lăng mộ có kích thước khá lớn kèm theo tường bao xung quanh và đồ thờ tự: bát hương, nhang án, đá lát... Bên cạnh đó, hệ thống đồ thờ đa dạng về số lượng như: lư hương, chân đèn, bát hương, bia đá, tháp đá, khánh đá, cột trụ... được tạo tác mô phỏng theo mẫu mã từ thời xưa để lại, bên cạnh đó có nhiều cách tân để phù hợp với tính năng sử dụng và dấu ấn của thời đại mới. Sản phẩm những đôi rồng châu với kích thước lớn được đặt tại các ngôi đền, đình làng mang đậm vẻ uy nghi. Những cây hương đá, lư hương, bát hương với nhiều kiểu dáng, mẫu mã đặt tại các di tích lịch sử được trang trí các đồ án quen thuộc như lưỡng long tranh châu, hoa văn lá lật xen kẽ vân mây. Tượng thờ cũng là loại hình sản phẩm độc đáo của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân với kỹ thuật cao, lột tả được vẻ đẹp chân thật và sinh động của mỗi pho tượng. Đó là những pho tượng La Hán có kích thước tương đương như người thật với mỗi vị một dáng vẻ (tiêu biểu là các pho tượng La Hán ở chùa Bái Đính). Đến Ninh Vân, người ta được tận mắt chứng kiến người thợ tạo tác những pho tượng đá với nhiều kiểu dáng khác nhau: tượng mẫu, tượng hộ pháp với kích thước lớn thường được đặt tại tòa tiền đường của các ngôi chùa... Ngoài ra còn rất nhiều tượng các linh vật như: sư tử, nghê, lân, hạc, ngựa thờ, voi với nhiều kích thước khác nhau.

Nhóm tượng đài: nhiều sản phẩm tượng đài của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân xuất hiện ở nhiều địa danh trên khắp đất nước: cụm đuốc Bác Hồ (Cao Bằng), tượng đài Hoàng Văn Thụ (Lạng Sơn), tượng đài chiến sĩ Trường Sơn, tượng đài Bác Hồ ở Quảng trường Hồ Chí Minh (Nghệ An), tượng đài Trần Hưng Đạo (Hải Dương), tượng đài Nguyễn Đức Cảnh (Hải Phòng), tượng đài thanh niên xung phong (Hà Tĩnh, Quảng Trị), tượng đài mẹ Suốt (Quảng Bình)... Tất cả công trình này được những công ty, doanh nghiệp tại địa phương ở Ninh Vân trực tiếp vận chuyển trang thiết bị, nguyên liệu đến thi công tại công trình. Tượng đài được chế tác theo nhiều kích thước và trọng lượng khác nhau, được

làm từ đá xanh, đá cẩm thạch... tùy theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị đặt làm. Hiện tại, nghề chạm khắc đá mỹ nghệ ở Ninh Vân còn kiến thiết nhiều những công trình lớn cho quê hương như: tạo dựng tượng đài Lương Văn Tụy bằng đá xanh trên đỉnh núi Dục Thúy (phường Đông Thành), hay thi công làm các pho tượng La Hán tại chùa Bái Đính (Hoa Lu) và nhiều công trình khác. Sản phẩm của làng nghề chạm khắc đá còn được thể hiện trong các công trình kiến trúc, nhà ở bằng đá của nhân dân địa phương. Ở làng Xuân Vũ và làng Hệ có nhiều gia đình làm nhà bằng đá, hoặc các cấu kiện kiến trúc: cột, xà, quá giang, ngưỡng cửa có hình dáng giống như ngôi nhà gỗ cổ truyền.

Khó có thể kể ra hết các sản phẩm hiện nay của làng đá Ninh Vân, bất cứ sản phẩm nào khách muốn đặt, họ cũng có thể làm được kể cả việc dựng nhà bằng đá hay quần thể nhà vườn... Điều đó chứng tỏ người thợ Ninh Vân ngày càng sáng tạo, học hỏi để đem sản phẩm của mình vươn xa trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Hiện nay, hầu hết người dân ở xã Ninh Vân đều làm nghề chế tác đá, đây là nghề đem lại thu nhập cao và đã được UBND tỉnh quan tâm đến việc xây dựng các cụm công nghiệp. Trong những năm gần đây, UBND tỉnh tiếp tục triển khai thành lập cụm công nghiệp II với việc mở rộng hơn 12ha, để các doanh nghiệp, các hộ sản xuất lớn tập trung vào cụm công nghiệp để sản xuất. Rõ ràng, việc hình thành các cụm công nghiệp đã có những ảnh hưởng tích cực về nhiều mặt, nó cải thiện về tình trạng ô nhiễm bụi đá, tiếng ồn trong khu dân cư, giúp các hộ gia đình, doanh nghiệp mở rộng sản xuất, thu hút được nhiều lao động của các làng trong xã Ninh Vân đến làm việc và lao động từ nhiều nơi khác đến. Trong lịch sử cũng như hiện nay, “nghề đá mỹ nghệ ở Ninh Vân đã phát triển, thu hút và tạo việc làm cho công nhân, giải quyết tốt đời sống kinh tế cho người dân làng nghề, sản phẩm đá của Ninh Vân đã có mặt khắp các vùng miền và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới” Về quy mô sản xuất, hiện nay tại Ninh Vân bên cạnh việc tổ chức sản xuất theo quy mô các hộ gia đình. Trong xu thế phát triển mới, ngày càng có nhiều gia đình đã làm thủ tục để thành lập doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn. Mô hình sản xuất này, đã và sẽ tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi trong các

khâu: sản xuất, mở rộng mô hình sản xuất, nhập mới các thiết bị kỹ thuật hỗ trợ sản xuất, trao đổi và buôn bán sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm...

Có thể nhận định rằng, sản phẩm của nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân đã có thị trường tiêu thụ khá rộng ở nhiều địa phương trong cả nước và một số nước trên thế giới. Những sản phẩm của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân không chỉ có giá trị vật thể, mà còn chứa đựng những giá trị văn hóa tinh thần giàu bản sắc, truyền thống của những người dân làm nghề chạm khắc đá mỹ nghệ ở Ninh Vân. Trong tương lai, với truyền thống lâu đời, nghề đá ở Ninh Vân vẫn tiếp tục tồn tại, phát triển, tạo ra các sản phẩm tiêu biểu, độc đáo phù hợp với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Từ nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân, chúng ta cũng có thể nghĩ đến các nghề khác ở Ninh Bình nói riêng và cả nước ta nói chung, nghề thủ công truyền thống ở địa phương sẽ góp phần cho việc thực hiện công nghiệp hóa và phát triển đa ngành nghề ở nông thôn. Nghề thủ công truyền thống ở địa phương sẽ đóng góp tích cực cho việc thực hiện xây dựng nông thôn mới, một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước ta hiện nay.

Tiểu kết chương 2

Trong giai đoạn hiện nay, trước tác động của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đang diễn ra những biến đổi trong văn hóa truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã cho thấy sự biến đổi của diện mạo văn hóa làng quê Việt Nam hiện nay. Những biến đổi về văn hoá vật chất như hệ thống di tích thờ tự, kiến trúc nhà ở, không gian cảnh quan môi trường làng nghề; văn hoá tinh thần như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, biến đổi của nghề đá mỹ nghệ, tất cả đã tạo nên một diện mạo văn hóa làng truyền thống của địa phương vừa có những nét chung của văn hóa làng truyền thống Bắc Bộ vừa mang những nét đặc trưng riêng của vùng đất. Trải qua thời gian cùng với những biến thiên của lịch sử, văn hóa của làng nghề đá Ninh Vân đã có sự thay đổi nhất định. Đời sống kinh tế được nâng lên, cùng với nó là sự phát triển của đời sống người dân cả về vật chất cũng như tinh thần tuy nhiên cũng gặp không ít những khó khăn. Nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng trong giai đoạn hiện nay.

Chương 3

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1 Quan điểm của Đảng, nhà nước trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình.

Những biến đổi giá trị truyền thống ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập với thế giới đã được các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm. Trước hết, đặc biệt là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở đầu công cuộc đổi mới đất nước năm 1986, sau Đại hội Đảng lần thứ VI, cách mạng văn hóa tư tưởng đã hoàn thành và tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức chung của toàn dân tộc. Để xây dựng xã hội bền vững, phồn vinh, hạnh phúc, Đảng đã chỉ đạo thực tiễn từ sau Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 7-1998) với quan điểm cấp chiến lược là “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội”

Tỉnh Ninh Bình với chủ trương “ly nông không ly hương”, đã ban hành một số chính sách hỗ trợ khuyến khích làng nghề phát triển, trong đó có Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân. Ngày 04/7/2005, lần đầu tiên tỉnh ra Quyết

định số 1329/2005/QĐ-UBND quy định về tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét công nhận làng nghề tỉnh Ninh Bình [24].

Nghị quyết số 15/NQ-TU ngày 13/7/2009 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, trong đó xác định nhiệm vụ và giải pháp về khuyến khích phát triển làng nghề phục vụ du lịch với các sản phẩm làng nghề truyền thống.

Ngày 28/8/2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 615/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Ngày 08/10/2012 ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND về phát triển trồng, chế biến cói, thêu ren và chế tác đá mỹ nghệ. Kế hoạch nhằm mục đích tiếp tục bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống chế biến cói, thêu ren, chế tác đá mỹ nghệ đã được UBND tỉnh công nhận, đồng thời gắn với việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ.

Các nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ xã lần thứ XX, XXI, XXII, XXIII đã đề ra giải pháp đối với làng nghề TTCN: Tập trung lãnh đạo phát triển mạnh mẽ TTCN, chuyển nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng CNHHĐH. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND xã Ninh Vân nhiệm kỳ 2016-2021 đã đề ra mục tiêu đến năm 2021: Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp 12%, TTCN - dịch vụ và làng nghề: 88%.

Đề người dân nhận thức đúng về tu bổ di tích, phòng Văn hóa – Thông tin xã đã tích cực thông tin trên đài truyền thanh của xã về những nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong Quy chế “bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh” của Bộ VH-TT ban hành kèm theo Quyết định 05/2003/QĐ-BVHTT. Năm 2015, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 34/QĐ/2015-UBND về việc Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Quy chế này quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, bao gồm: Di tích lịch sử - văn hóa, di tích kiến trúc nghệ

thuật, di tích khảo cổ và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Đây là cơ sở để các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa, góp phần vào sự phát triển chung của địa phương. Phòng văn hóa – thể thao xã Ninh Vân tích cực tuyên truyền Quy chế của UBND tỉnh nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa của địa phương.

Ngày 27/8/2015, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định về việc thành lập Cụm công nghiệp Ninh Vân với tổng diện tích 30,64ha để di dời các cơ sở chế tác đá mỹ nghệ vào sản xuất tập trung tại cụm công nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 4607/QĐ-BVHTTDL, ghi danh Nghề Đá mỹ nghệ Ninh Vân, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Phát huy vai trò của các chủ thể quản lý trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, những năm qua, làng nghề xã Ninh Vân luôn có sự quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc ban hành cơ chế, chính sách làng nghề và sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan chuyên môn, đoàn thể các cấp: xét công nhận làng nghề, phong tặng danh hiệu nghệ nhân, quy hoạch CCN, hỗ trợ hộ nghề tiếp cận vốn ưu đãi, ứng dụng KHCN vào sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề, mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường....

Ngày 17/4/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND về bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 trong đó có làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Đây được coi là một trong những chính sách quan trọng góp phần thúc đẩy các nghề, làng nghề truyền thống phát triển theo hướng bền vững, gắn với phát triển du lịch và phát huy thế mạnh của các địa phương.

Hiện nay hệ thống chính sách phát bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề của nhà nước được bổ sung; các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa vật thể

và phi vật thể là hành lang pháp lý quan trọng để triển khai những nhiệm vụ cơ bản liên quan tới hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị làng nghề chế tác đá Ninh Vân trong thời kỳ hội nhập. Các chính sách hỗ trợ nghề, làng nghề, xây dựng vùng nguyên liệu đá, quy hoạch làng nghề đã được triển khai, các hoạt động khuyến công được tăng cường, các ngành chức năng đã quan tâm phối hợp hỗ trợ, nên giá trị làng nghề được bảo vệ và phát huy.

3.2 Những vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình.

Trên thực tế, văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân luôn luôn có sự biến đổi theo các mức độ khác nhau. Quá trình biến đổi đó đã tạo nên những kết quả tích cực, nhưng còn có những tiêu cực, ảnh hưởng tới hoạt động của làng nghề. Trên cơ sở nghiên cứu những biểu hiện đó, nhóm tác giả đã rút ra những nhận định khái quát như sau:

3.2.1 Ưu điểm

Trong quá trình đô thị hóa, cơ cấu kinh tế tại Ninh Vân có bước chuyển dịch quan trọng từ nông nghiệp dịch vụ sang dịch vụ - thương nghiệp. Cơ cấu kinh tế, lao động, dân cư có sự thay đổi lớn. Nguồn thu nhập từ các ngành nghề phi nông nghiệp tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu nguồn thu của các hộ gia đình. Văn hóa sản xuất của cư dân Ninh Vân đã thay đổi hẳn theo hướng tiến bộ, hiện đại, đáp ứng nhiều hơn, đa dạng hơn cho đời sống của con người nơi đây.

Các hoạt động bảo vệ giá trị làng nghề đã phát huy tối ưu nội lực địa phương cho phát triển kinh tế, tạo ra đội ngũ thợ thủ công có tay nghề cao, lớp nghệ nhân mới có trình độ tiếp thu, ứng dụng tiến bộ về công nghệ tiên tiến. Nghề, làng nghề chế tác đá phát triển kéo theo sự đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề. Năm 2015 Ninh Vân đã hoàn thiện 19/19 tiêu chí xây dựng nông 86 thôn mới khu vực Đồng bằng sông Hồng và trở thành một xã về đích sớm trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Trong thời kỳ hiện nay, sự phát triển làng nghề đã tạo việc làm cho người lao động trong quá trình đô thị hóa của tỉnh. Tăng thu nhập và nâng cao đời sống nhân dân, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Vân nói riêng, của Ninh Bình nói chung.

Những thay đổi về phương diện kinh tế đã kéo theo đời sống văn hóa ở Ninh Vân cũng có nhiều biến đổi. Những biến đổi về đời sống văn hóa ở Ninh Vân được thể hiện trên nhiều mặt, cả văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần. Diện mạo, không gian, cảnh quan của làng thay đổi theo chiều hướng tiến bộ, hiện đại. Những hình ảnh về một không gian sống thoáng đãng, yên bình và nhiều cây xanh giờ chỉ còn trong ký ức của nhiều người dân ở làng Ninh Vân, thay vào đó là một không gian đô thị nhà cửa hiện đại. Không gian sống của các gia đình ở làng Ninh Vân cũng có những thay đổi. Nhà ở tại Ninh Vân hiện nay chủ yếu là nhà tầng và khang trang. Các di tích văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng truyền thống như đình, chùa, nhà thờ họ,... đều được trùng tu tôn tạo ngày một khang trang hơn. Đời sống tâm linh của người dân ngày một phong phú, đa dạng với những sự đầu tư lớn từ nhiều nguồn, nhiều đối tượng khác nhau. Thiết chế đình, chùa gắn liền với các hoạt động tế tự của người dân đã, đang và vẫn sẽ là trung tâm đời sống tâm linh, văn hoá của cộng đồng cư dân Ninh Vân. Ta có thể thấy sự tham gia gần như hoàn toàn của tất cả các thành viên trong cộng đồng, đặc biệt là các cư dân mới chuyển đến vào các hoạt động tế tự tại đình, chùa, đặc biệt là vào dịp hội làng. Xu hướng công đức vào đình, chùa các khoản tiền và hiện vật quy ra tiền có giá trị lớn ngày càng gia tăng. Trong văn hóa cưới xin, tang ma cũng thay đổi trên mọi phương diện. Về cơ bản đó là những biến đổi theo chiều hướng tiến bộ. Nhiều tục lệ lạc hậu đã bị loại bỏ thay vào đó là nếp cưới xin, tang ma mới, hiện đại, văn minh hơn.

3.2.2. Hạn chế

Những biến đổi trong văn hóa truyền thống làng Ninh Vân hiện nay cũng ẩn chứa nhiều vấn đề tiêu cực, phức tạp đang diễn ra. Nhiều tệ nạn xã hội trong cộng đồng làng gia tăng. Cơ sở hạ tầng được cải thiện và phát triển song vẫn còn chậm, thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của cuộc sống, hệ thống thoát nước và xử lý rác thải còn yếu kém. Không gian Ninh Vân trở thành một không gian đô thị mang tính hiện đại hơn nhưng quy hoạch thiếu đồng bộ. Tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề ngày càng trở nên trầm trọng, hoạt động sản xuất gây ra bụi đá, tiếng ồn, chất thải rắn, a xít, ô nhiễm nguồn nước... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống nhân dân.

Văn hoá truyền thống bị biến dạng trong quá trình đô thị hoá cũng là một vấn đề. Các di tích thờ cúng ở Ninh Vân đang bị tấn công trực diện bởi trào lưu đô thị hóa. Nhiều hình thức mê tín dị đoan vẫn còn tồn tại trong đời sống tâm linh của dân làng. Công đức là một biểu hiện quan trọng khẳng định niềm tin của người dân vào đức Thánh, đức Phật, vào các giá trị khuôn mẫu truyền thống đã tồn tại hàng ngàn năm nay. Ngoài ra ý nguyện cầu lộc cũng khá phổ biến và dường như nó cũng là một chỉ số của xu hướng “thực dụng hoá” trong niềm tin tôn giáo, xem Thánh, Phật như một chỗ dựa tinh thần ban phát tài lộc cho con người để họ có thể đương đầu với một thế giới đời sống đang đổi thay với nhiều rủi ro và thách thức.

Sự phát triển mạnh mẽ của nghề làm đá mỹ nghệ trong những năm gần đây đã tạo nên xu hướng tâm lý trong lớp thợ trẻ, mải học nghề để nhanh chóng có thu nhập mà không để ý đến việc học văn hoá tại các nhà trường. Chính vì vậy trình độ văn hoá của người dân chưa cao nhất là thế hệ trẻ dẫn đến việc chuyên đổi số và việc đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại trong các khâu sản xuất còn chưa đáp ứng kịp.

Vấn đề sản xuất, kinh doanh tại làng nghề đang rất phát triển. Tuy nhiên, việc sản xuất các sản phẩm đá chưa được đầu tư quy hoạch. Các loại mặt hàng sản xuất ra bước đầu mới dừng lại ở việc phục vụ cho các đơn đặt hàng, chưa chú trọng đến việc sản xuất các mặt hàng phục vụ việc phát triển cho du lịch làng nghề hiện nay.

3.3 Một số giải pháp phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay.

3.3.1 Giải pháp từ chính quyền địa phương

Một giải pháp quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá đặc sắc của làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân đó là việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội, người dân địa phương về vai trò và tầm quan trọng của làng nghề đối với nền văn hóa hiện nay. Sức sống của di sản làng nghề phụ thuộc vào phần lớn vào hiệu quả của công tác tuyên truyền pháp luật, nâng cao ý thức tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của làng nghề trong các tầng lớp nhân dân, trong đó đặc biệt quan trọng đối với thế hệ trẻ tỉnh Ninh Bình từ đó nâng cao lòng tự hào về những giá trị văn hóa đặc sắc của cha ông. Công tác này phải được thực hiện bằng việc làm cụ thể chứ không thể tuyên truyền giáo dục một

cách hình thức, như: đưa công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức tự giác của người dân trong việc bảo vệ những di sản văn hóa truyền thống đi sâu vào nhiều hoạt động cụ thể của các đoàn thể xã hội trong làng (hội người cao tuổi, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên...); đưa công tác bảo tồn di sản văn hóa truyền thống vào hương ước của làng, nhằm tạo tính pháp lý trong việc thực thi, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm cho người dân; xã hội hóa công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức tự giác của người dân thông qua việc huy động các nguồn lực về tài chính, trí tuệ trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của địa phương; tại các di tích lịch sử, đặc biệt là những di tích đã được xếp hạng của làng nên cho dựng những tấm bia lớn giới thiệu tóm tắt và đầy đủ về lịch sử hình thành cũng như những giá trị lịch sử của từng di tích; cho in các tờ gấp và những bài viết giới thiệu về di tích nhằm phát cho dân làng và khách thập phương hoặc ghi âm thành băng phát trên loa truyền thanh trong dịp tổ chức hội làng hoặc những buổi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo với quy mô lớn tại địa phương. Mọi tổ chức (bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân) và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa. Đấu tranh với sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, phản tiến bộ.

Làng nghề là nơi có tiềm năng lớn về việc làm, theo quan điểm này, góp phần lớn trong việc thu hút lực lượng lao động dư thừa từ các ngành khác và giảm tỷ lệ thất nghiệp, đặc biệt là ở những bộ phận khó khăn, có cơ hội gia nhập thị trường lao động tương đối thấp: thanh niên, phụ nữ, những người có trình độ học vấn và đào tạo trung bình/thấp. Chính vì vậy, việc phát huy vai trò của các nghệ nhân, người lao động có tay nghề để họ tiếp tục công cuộc truyền nghề, dạy nghề nhằm gia tăng về số lượng lao động làm nghề của làng và làm trẻ hóa nguồn lao động cho làng nghề truyền thống của địa phương.

Xây dựng và quy hoạch tổng thể về phát triển Ninh Vân trong bối cảnh Ninh Bình xây dựng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo. Hiện nay, người dân không còn nhu cầu làm nông nghiệp vì thu nhập thấp nên ruộng bị bỏ hoang, các cấp chính quyền tạo điều kiện để các chủ cơ sở sản xuất đá mỹ nghệ thuê lại ruộng

đất, mở rộng nhà xưởng, thu thuế đất theo quy định của Nhà nước, lấy kinh phí xây dựng hạ tầng...Ngoài ra, tiếp tục xây dựng đề án quy hoạch tổng thể cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân với quy mô 30,64ha, giải phóng mặt bằng, di chuyển các hộ, cơ sở chế tác đá mỹ nghệ ở các thôn vào khu vực tập trung để bảo tồn, phát triển truyền thống theo hướng bền vững, tạo ra một không gian riêng cho sinh hoạt văn hóa dân gian là một việc làm cần thiết hiện nay, giúp địa phương có hướng đầu tư trọng tâm, trọng điểm trong công tác bảo tồn, phục dựng những giá trị văn hóa truyền thống của làng trên nhiều phương diện.

Môi trường làng nghề đang là vấn đề gây bức xúc hiện nay. Các cấp chính quyền cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề nâng cao nhận thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của môi trường đối với sức khỏe và chất lượng cuộc sống. Giải quyết vấn đề môi trường cần hướng tới các mục tiêu cơ bản là giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng làng nghề.

Thứ nhất, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định về bảo vệ môi trường làng nghề. Áp dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn tại làng nghề.

Thứ hai, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn, xây dựng kế hoạch từng bước giải quyết ô nhiễm môi trường làng nghề. Đẩy mạnh công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý những yếu tố gây nguy hại tới sức khỏe người dân tại làng nghề. Nghiên cứu xây dựng các biện pháp xử lý phù hợp cho sản xuất nhằm bảo vệ khí hậu làng nghề.

Thứ ba, hỗ trợ các làng nghề áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong việc cải thiện môi trường, xử lý ô nhiễm nước thải, khí thải, bụi đá. Hình thành khu chôn lấp chất thải rắn thành nguyên liệu phục vụ cho ngành nghề khác.

3.3.2 Giải pháp từ ngành văn hóa

Bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đô thị hóa phải chú trọng kết hợp hài hòa giữa “cái mới” và “cái cũ”. Đó là quá trình lý giải và giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại. Trên lĩnh vực văn hóa, bên cạnh xây dựng đời sống văn hóa mới phù hợp với cuộc sống hiện đại, cần hết sức quan tâm tới việc phục hồi văn hóa làng xã truyền thống. Quá trình

phục hồi văn hóa truyền thống ở Ninh Vân hiện nay đi cùng với quá trình tái cấu trúc, lựa chọn và biến đổi các yếu tố văn hóa truyền thống trong bối cảnh đổi mới. Ngoài ra, nghệ nhân là vốn quý của các làng nghề, do vậy cần thực hiện việc phong tặng danh hiệu cho những người thợ thủ công có tài năng, có nhiều công hiến, vì họ là những tài năng sáng tạo góp phần bổ sung, làm đẹp thêm truyền thống và bản sắc văn hóa cộng đồng, họ có vai trò then chốt trong việc giữ gìn, thực hành, truyền nghề, lưu truyền các giá trị văn hóa dân tộc trong những sản phẩm của làng nghề truyền thống. Cần chú trọng phát huy khả năng tư duy, sáng tạo và kinh nghiệm nghề của các nghệ nhân nhiều tuổi, tạo điều kiện cho họ để tiếp tục sáng tạo, đồng thời hình thành nhiều lớp nghệ nhân từ những người thợ giỏi, qua đó tạo lực lượng kế thừa, lưu giữ những tinh hoa truyền thống cho làng nghề.

Công tác quản lý di sản văn hóa, bảo vệ các di tích cần chú trọng một số việc như:

Kiểm kê toàn diện di sản vật thể và phi vật thể cổ truyền ở xã Ninh Vân. Tăng cường hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm, tư liệu hóa các giá trị làng nghề. Viết sách, in ấn, in đĩa, ghi hình và lưu trữ tư liệu giá trị làng nghề. Lập hồ sơ làng nghề, lịch sử hình thành, các đặc trưng văn hóa làng nghề. Tổ chức hội thảo về bảo tồn văn hóa làng nghề.

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền và phổ biến chính sách liên quan đến hoạt động bảo vệ di sản văn hóa nhằm nâng cao tri thức hiểu biết về giá trị văn hóa làng nghề. Xác định chính xác giá trị của di tích kiến trúc nghệ thuật cổ truyền ở xã Ninh Vân về các mặt lịch sử, văn hoá, khoa học... tìm biện pháp bảo tồn nguyên trạng di tích để phát huy giá trị, phục vụ những nhu cầu do xã hội đặt ra.

Áp dụng các phương án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, quản lý hoạt động tu bổ di tích, xây dựng hệ thống các quy định, các nguyên tắc trong bảo vệ các di vật bên trong các di tích. Khoanh vùng bảo vệ các cụm di tích kiến trúc nghệ thuật đã được công nhận cấp quốc gia, di tích tín ngưỡng cấp tỉnh, nhất là những di tích nằm trên những vị trí nhạy cảm, đất đai có giá trị, nhằm tránh sự xâm lấn về diện tích cũng như cảnh quan xung quanh các di tích. Tăng cường năng lực của các ban quản lý di tích bằng việc cử những người có uy tín, trách nhiệm và trình độ đảm trách việc tu bổ và bảo vệ các di tích

Nhận diện giá trị phi vật thể của các tín ngưỡng giỗ tổ nghề, lễ khai sơn gắn với di tích bằng đá mỹ nghệ thờ ông Tổ nghề đá Hệ và ông Tổ nghề đá Hoàng Sùng, truyền thuyết về nguồn gốc làng nghề và kinh nghiệm chế tác đá của Tổ nghề. Xây dựng phương án bảo vệ các lễ hội cổ truyền như lễ hội Tam thôn, lễ hội làng Xuân Vũ ở xã Ninh Vân có liên quan đến làng nghề là bản sắc của cộng đồng làng nghề đá mỹ nghệ truyền thống. Phục dựng lễ hội Bơi chải ở làng Dưỡng Hạ và các trò chơi dân gian trong các lễ hội truyền thống bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, nhằm tăng thêm tính cộng cảm, cộng cư và cộng nghề.

3.3.3 Giải pháp từ phía người dân

Vấn đề nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống, tôn tạo các công trình văn hóa, lưu giữ những dấu ấn lịch sử của nghề và xây dựng các thiết chế văn hóa nhằm thu hút khách du lịch, phục vụ công tác bảo tồn và phát triển du lịch là một mục tiêu quan trọng của quá trình phát triển. Bởi cộng đồng văn hóa được xác lập thông qua những giá trị văn hóa trên cả hai phương diện phi vật thể và vật thể.

Nhân dân cần phát huy vai trò và sức sáng tạo văn hóa của mình mà trước hết được thể hiện sinh động trong các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú, tích cực tham gia phong trào người tốt, việc tốt; xây dựng gia đình văn hóa, đến xây dựng làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, cơ quan văn hóa, doanh nghiệp văn hóa, thực hiện cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh trong cưới, tang, lễ hội...

Cộng đồng dân cư Ninh Vân cần chú trọng khôi phục các giá trị của nghề chế tác đá mỹ nghệ cổ truyền đồng thời khôi phục các yếu tố văn hóa dân gian vật thể đình, chùa, nhà ở... giá trị văn hóa gắn với tâm thức nghề đó là truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn”, “tương thân tương ái” trong cộng đồng làng nghề. Sự hồi sinh các giá trị văn hóa đó đóng vai trò quan trọng làm bệ đỡ tâm linh và cố kết cộng đồng. Qua đó giáo dục cho các thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát triển nghề truyền thống của làng, không ngừng nâng cao tri thức để xây dựng quê hương.

Cần nâng cao tri thức, hiểu biết, hành vi ứng xử văn hóa phù hợp với môi trường,

bối cảnh, chế định xã hội ở đô thị. Bản thân mỗi người dân cần chú ý tăng cường mối quan hệ cộng đồng thông qua việc củng cố, duy trì quan hệ dòng tộc, quan hệ gia đình, quan hệ xóm làng và quan hệ ngõ phố, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ, làng xã trong cuộc sống hiện nay. Xây dựng gia đình văn hóa mới, hạnh phúc, no ấm, bình đẳng, tiến bộ và bền vững. Trong đó, chú ý giải quyết hợp lý sự khác biệt giữa các thế hệ, đảm bảo cho các thế hệ có thể hoà đồng.

Người làng nghề, có mối quan hệ giao lưu rộng, cần phải hiểu biết toàn diện về pháp luật, nhất là Luật doanh nghiệp, Luật thuế, Luật bảo vệ môi trường....

Tiểu kết chương 3

Từ việc đánh giá những vấn đề nảy sinh của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, đi sâu phân tích các yếu tố tác động, xác định các vấn đề đặt ra đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong giai đoạn hiện nay, nhóm tác giả đã đưa ra các yếu tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Từ đó, là cơ sở để đề xuất một số giải pháp cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ theo 3 nhóm giải pháp như: Các giải pháp từ chính quyền địa phương; các giải pháp từ ngành văn hóa và các giải pháp từ phía người dân. Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp trên, theo nhóm tác giả cần phải phát huy vai trò của chính quyền các cấp đặc biệt là cán bộ quản lý cấp địa phương, nâng cao vai trò, ý thức, trách nhiệm của cộng đồng dân cư, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bên liên quan trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống làng nghề. Nhóm tác giả đưa ra các giải pháp nêu ra trên đây chỉ có tính chất gợi mở để tham khảo và bàn luận, hy vọng được trao đổi và bổ sung cho hoàn thiện hơn để có thể đóng góp cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng nghề làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân một cách chắc chắn và bền vững trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay.

KẾT LUẬN

Biến đổi văn hóa nói chung, biến đổi văn hóa làng nói riêng đang là một xu hướng tất yếu của lịch sử thời đại, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, sự biến đổi văn hóa là một trong những yếu tố làm thay đổi diện mạo của các làng truyền thống ở nước ta. Biến đổi chính là điều kiện để các làng có thể thay đổi, tồn tại và phát triển theo quy mô, mức độ khác nhau. Đây là quy luật khách quan và diễn ra trên nhiều phương diện của đời sống vật chất và tinh thần trong cộng đồng cư dân của các làng quê. Trong bức tranh toàn cảnh về các làng quê có nhiều biến đổi để phù hợp với thời đại, mang lại diện mạo mới trong bối cảnh phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Là một tổ chức xã hội cơ sở có kết cấu chặt chẽ và thiết chế riêng biệt, làng tạo nên sức mạnh cố kết cộng đồng và bảo lưu các giá trị văn hóa cổ truyền. Với vai trò là một trong những thành phần cơ bản tạo nên nền văn hóa dân tộc, các giá trị của văn hóa làng tạo nên sức mạnh nội sinh gắn kết và duy trì sự tồn tại giá trị văn hóa lịch sử; tạo nên nét độc đáo, riêng biệt nhưng thống nhất của mỗi cộng đồng văn hóa làng.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là kinh tế phát triển đã tác động đến đời sống văn hóa - xã hội của làng, đặt ra hàng loạt những thách thức cho sự phát triển văn hóa của làng nghề. Môi trường cảnh quan biến đổi, một số vấn đề văn hóa truyền thống bị mai một, an ninh trật tự có nhiều bất cập.... Tuy nhiên, phải khẳng định trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, diện mạo làng quê ở xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã thay đổi rõ rệt trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội và đặc biệt là văn hóa, nhân dân yên tâm tin tưởng tập trung phát triển kinh tế, xã hội ngày càng văn minh, đời sống nhân dân ngày càng ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

Quá trình đô thị hoá nông thôn diễn ra nhanh chóng, không phải làng quê nào cũng có thể níu giữ lại những giá trị văn hoá làng truyền thống, những cảnh quan

thanh bình của làng quê như cây đa, mái đình, lũy tre xanh những phong tục, lễ hội nếu không được giữ gìn thì sẽ phai nhạt và dần biến mất. Làng quê là một không gian đáng sống và vô cùng quan trọng trong văn hoá Việt. Trong thời gian tới, sự vận động, biến đổi này diễn ra ngày càng phức tạp, đòi hỏi cần có hệ thống chính sách can thiệp phù hợp, nhằm phát huy những ảnh hưởng, xu hướng biến đổi tích cực, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực, hướng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng làng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

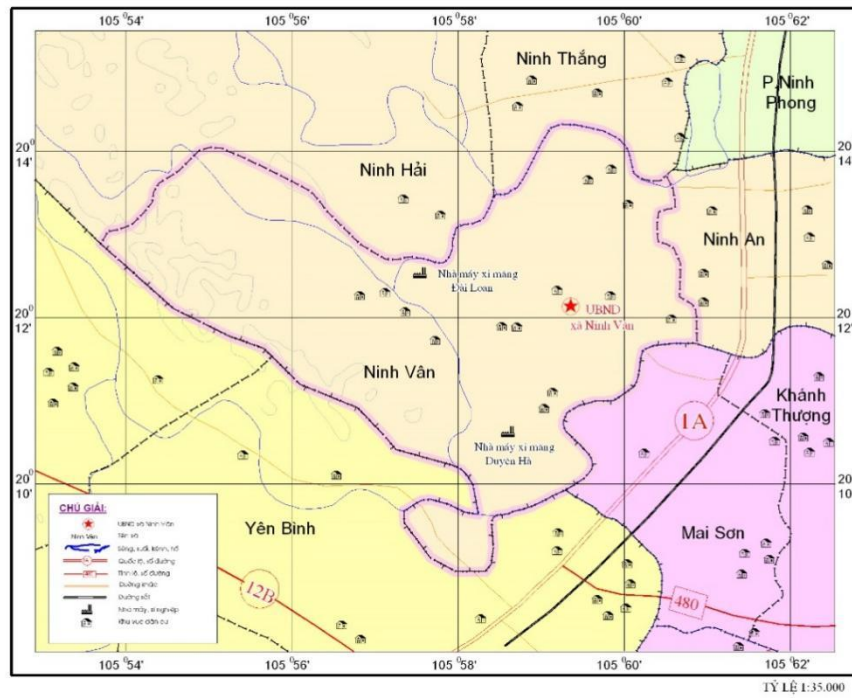
1. Nguyễn Thị Phương Châm & Đỗ Lan Phương: Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa (trường hợp làng Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016, tr. 57
2. Đặng Kim Chi chủ biên (2005), Làng nghề Việt Nam và môi trường, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Ban chấp hành Đảng bộ xã Ninh Vân, Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Vân, Ninh Bình, 2020
4. Dương Thị Ngọc Bích (2014), Làng nghề điêu khắc đá Non Nước tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (truyền thống và biến đổi). Luận án Tiến sĩ nhân học, Học Viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
5. Trần Lâm Biên (2003), Đồ thờ trong di tích của người Việt, NXB Văn hóa thông tin.
6. Trần Lâm Biên, Trịnh Sinh (2017), Thế giới biểu tượng trong di sản văn hóa, NXB Hồng Đức.
7. Trần Lâm Biên (2017), Trang trí trong mỹ thuật truyền thống của người Việt, NXB Hồng Đức.
8. Trần Lâm Biên (2020), Chùa Việt, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Dung (1998), Dân chủ làng xã – những vấn đề đặt ra nghiên cứu, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế, tập 3, Hà Nội.
10. Phạm Viết Duy, (2011), Nghiên cứu áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bệnh nghề nghiệp ở các làng nghề chế tác đá huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Môi trường, Đại học khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Phạm Thị Duyên (2018), Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hóa, Trường Đại học sư phạm nghệ thuật Trung ương.
12. Bùi Xuân Đính, (1998), Hương ước và quản lý làng xã. Nxb KH-XH
13. Lê Quý Đức (2001), *Bản sắc văn hóa làng trong xây dựng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ*”, Nxb Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
14. Vũ Thị Phương Hậu, Một số biến đổi trong văn hóa làng ở đồng bằng Bắc Bộ, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 8, 2017.
15. Mai Văn Hai, Mai Kiệm: Xã hội học văn hóa, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr. 119
16. Hoàng Việt Hưng “Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân” – Đề tài NCKH - Trường Đại học Hoa Lư
17. Phạm Thị Loan (2003), Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở xã Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình từ 1986-2003, Luận văn thạc sĩ lịch sử Việt Nam, Đại học Sư phạm Hà Nội.
18. Phan Ngọc (2004), Bản sắc văn hóa Việt Nam, NXB Văn học.
19. Sở Văn hóa Thể thao Ninh Bình, Hồ sơ di tích lịch sử cấp quốc gia: kiến trúc đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miếu Sơn xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
20. Nguyễn Văn Thắng, Biến đổi văn hóa ở nông thôn giai đoạn 2011-2020, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 321, tháng 3-2011.
21. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (chủ biên) (2005), Folklore một số thuật ngữ đương đại, Viện Nghiên cứu Văn hoá, NXB KHXH, Hà Nội, tr 393 – 410
22. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2009), Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13 tháng 7 năm 2009 về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng năm 2030.
20. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2010), Địa chí Ninh Bình, Nxb CTQG, Hà Nội.
23. Ngô Thị Kim Tuyền, Biến đổi tín ngưỡng, lễ hội làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân (Ninh Bình), Tạp chí VHNT số 581, tháng 9-2024

24. UBND tỉnh Ninh Bình (2005), Quyết định số 1329/QĐ-UBND, ngày 4 tháng 7 năm 2005 quy định về tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét công nhận làng nghề tỉnh Ninh Bình
25. UBND tỉnh Ninh Bình (2013), Quyết định số 615/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 8 năm 2013, về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề gắn với du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
26. UBND xã Ninh Vân (2010), Thuyết minh quy hoạch xây dựng nông thôn mới.
27. UBND xã Ninh Vân (2012), Tục lệ Tam thôn, tục lệ thôn Côn Lãng Thượng, Côn Lãng Hạ, thôn Tam (thôn Côn Lãng - Phú Lãng).
28. Viện khoa học xã hội Việt Nam- Viện ngôn ngữ- trung tâm từ điển ngôn ngữ, (1992), Từ điển tiếng Việt, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
29. Bùi Văn Vượng (1998), Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
30. Đinh Văn Viễn (2018), Làng Côi Trì (Yên Mô, Ninh Bình) từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
31. Trần Quốc Vượng - Đỗ Thị Hảo (2010), Làng nghề phố nghề Thăng Long - Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
32. Lưu Thị Tuyết Vân (1995), "Một số vấn đề về làng nghề ở nước ta hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, tr. 63-71
33. Trần Minh Yển (2004), Phát triển nghề thủ công truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ NINH VÂN, HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH



Hình 1.1. Bản đồ hành chính xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình



Hình 1.2. Cống đê Kê Hạ (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.3. Mặt trước đền Kê Hạ (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.4. Cổng đền Kê Thượng (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.5. Không gian thờ tự tại đền Kê Thượng (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.6. Đền Miếu Sơn (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.7. Không gian thờ tự tại đền Miếu Sơn (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.8. Kỹ thuật đục vờ (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.9. Kỹ thuật đục chi tiết (Ảnh sưu tầm)



Hình 1.10. Hoàn thiện sản phẩm (Ảnh sưu tầm)



*Hình 1.11. Máy móc sản xuất sản phẩm đá mỹ nghệ
(Nhóm tác giả chụp tháng 7/2024)*



Hình 1.12. Sản phẩm đá mỹ nghệ (Nhóm tác giả chụp tháng 7/2024)



Hình 1.13. Sản phẩm đá mỹ nghệ (Nhóm tác giả chụp tháng 7/2024)



Hình 1.14. Sản phẩm đá mỹ nghệ (Nhóm tác giả chụp tháng 7/2024)



Hình 1.15. Sản phẩm đá mỹ nghệ (Nhóm tác giả chụp tháng 7/2024)



Hình 1.16. Một cơ sở trao đổi chế tác đá mỹ nghệ
(Nhóm tác giả chụp tháng 7/2024)



*Hình 1.17. Công nhân chế tác đá trong môi trường làm việc bị ô nhiễm nặng
(Ảnh sưu tầm)*



*Hình 1.18. Bụi trắng đục bao phủ làng Ninh Vân do xe chở đá chạy
(Ảnh sưu tầm)*



Hình 1.19. Tuyến đường vào làng nghề đá Ninh Vân đã bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng. (Ảnh sưu tầm)